

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT
VƯƠNG XUÂN NGUYÊN

VIỆT NAM

Khát Vọng Vươn Mảnh



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT
VƯƠNG XUÂN NGUYỄN

VIỆT NAM

Khát Vọng Vươn Mình



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

VIỆT NAM

Khát Vọng Vườn Mìn

VIỆT quốc Anh hùng thiên tải thịnh
NAM thiên tráng khí vạn niên cường
KHÁT khao kiến thiết giang sơn phú
VONG ước dựng xây đất nước giàu
VƯỜN biển, dậy trời, vang thế giới
MÌNH rồng, sức hổ, chấn năm châu!

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT
VƯƠNG XUÂN NGUYÊN

VIỆT NAM
Khát Vọng Vườn Mộng

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ
HÀ NỘI - 2025



Sách nói

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2025), Viện Kinh tế, Văn hóa Nghệ thuật phối hợp cùng NXB Dân Trí trân trọng giới thiệu cuốn sách: "Việt Nam: Khát vọng vươn mình" của Nhà báo Vương Xuân Nguyên.

Cuốn sách là hành trình sử thi vĩ đại của dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, đặc biệt là hành trình từ thế kỷ XX đến thế kỷ XXI. Mở đầu là lược sử từ nhà nước Văn Lang, qua thời kỳ Bắc thuộc và các triều đại phong kiến, đến hành trình phi thường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã dành trọn cuộc đời bôn ba tìm đường cứu nước, từ bóng đêm nô lệ, đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Đây là sự kiện lịch sử chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, mở ra kỷ nguyên mới cho cách mạng Việt Nam.

Sự trở về của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc năm 1941 đã trực tiếp lãnh đạo toàn Đảng, toàn Dân và toàn Quân ta vùng lên giành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do thực sự.

Ngay sau khi giành được độc lập, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ 9 năm (1945-1954). Hưởng ứng lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến vang dội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Và đỉnh cao là Chiến thắng

Điện Biên Phủ "lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Với chiến thắng vĩ đại này, đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève, lập lại hòa bình ở Đông Dương, nhưng đất nước tạm thời phải chia cắt thành hai miền Bắc - Nam.

Sau năm 1954, Việt Nam lại bước vào một cuộc trường chinh mới: kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tầm nhìn chiến lược và sự lãnh đạo tài tình, tiếp tục là linh hồn của cuộc kháng chiến. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa được xây dựng vững mạnh làm hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam. Quân và dân hai miền đã anh dũng lao động, chiến đấu, từng bước làm thất bại những chiến lược chiến tranh của Mỹ - ngụy.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang ở giai đoạn ác liệt nhất, ngày 2/9/1969, Người đã đi xa và để lại muôn vàn tình yêu thương cho toàn Đảng, toàn Dân và toàn Quân ta qua bản Di chúc thiêng liêng. Cùng với tư tưởng, đạo đức của Người, bản Di chúc đã trở thành ngọn hải đăng soi đường, tiếp thêm sức mạnh cho toàn dân, toàn quân ta kiên cường chiến đấu, làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Tuy nhiên, con đường đi tới phồn vinh, hạnh phúc không chỉ dừng lại ở độc lập và thống nhất. Giai đoạn 1976-1986 là một thập kỷ đầy thử thách, khi đất nước vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, đối phó với cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới, vừa phải vật lộn với mô hình kinh tế bao cấp còn nhiều bất cập, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Chính trong bối cảnh khó khăn chồng chất ấy, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam lại một lần nữa tỏa sáng, tạo tiền đề cho một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: công cuộc Đổi mới.

Từ Đại hội VI của Đảng (1986), Việt Nam chính thức bước vào kỷ nguyên Đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế. Gần 40 năm qua, đất nước đã đạt được những thành tựu vượt bậc: từ một nền kinh tế khủng hoảng, Việt Nam đã vươn lên trở thành một nền kinh tế năng động, có tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, quan hệ đối

ngoại không ngừng được mở rộng và nâng tầm. Việt Nam giờ đây không chỉ là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế mà còn là đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện của nhiều cường quốc, khẳng định vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

Ngày nay, với tầm nhìn chiến lược và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, mà đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm, Việt Nam đang bước vào "Kỷ nguyên vươn mình", một giai đoạn phát triển đột phá toàn diện, hướng tới mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Cuốn sách "Việt Nam: Khát vọng vươn mình" là lời tri ân sâu sắc tới các vị tiền bối cách mạng, các thế hệ cha anh đã anh dũng hy sinh xương máu và trí tuệ vì độc lập, tự do của Tổ quốc, đồng thời cũng là lời nhắc nhở thế hệ hôm nay và mai sau không ngừng nỗ lực xây dựng và phát triển đất nước, vững bước trên hành trình vươn mình sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Trân trọng giới thiệu!

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT

*Sách nói*

THÔNGIỆP VỀ “VIỆT NAM KHÁT VỌNG VƯỜN MÌNH” CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM

Ngay những ngày đầu tiên trên cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước vào tháng 8 năm 2024 đến những phát biểu gần đây, Tổng Bí thư Tô Lâm đã liên tục thắp lên ngọn lửa khát vọng, định hình một giai đoạn lịch sử mới cho đất nước: "Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam".



Đây không chỉ là một mục tiêu mà là một tầm nhìn chiến lược xuyên suốt, dẫn dắt Việt Nam hướng tới sự phồn vinh, hạnh phúc và thịnh vượng bền vững vào giữa thế kỷ 21.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định một cách mạnh mẽ: "Chúng ta có đủ thế và lực, ý chí và quyết tâm để bước vào kỷ nguyên vươn mình." Đây là lời hiệu triệu, thể hiện niềm tin tuyệt đối vào tiềm năng nội tại và ý chí quật cường của dân tộc.

Ông nhấn mạnh rằng "Ý Đảng hòa quyện với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, thịnh vượng."

Mục tiêu cụ thể được đặt ra thể hiện khát vọng và tầm nhìn lớn lao: Đến năm 2045, Việt Nam phải trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao, sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Đây không chỉ là một con số mà là một lời hứa về chất lượng cuộc sống và vị thế quốc gia.

Để hiện thực hóa khát vọng "vươn mình", Tổng Bí thư Tô Lâm đã vạch ra những trụ cột và định hướng phát triển chiến lược, bao gồm:

(1) Hòa bình, ổn định là nền tảng: Môi trường hòa bình và ổn định là điều kiện tiên quyết cho mọi sự phát triển. Việt Nam kiên quyết giữ vững nền tảng này trong mọi tình huống.

(2) Đột phá thể chế và pháp luật: Hệ thống pháp luật cần được liên tục hoàn thiện, thể chế hóa đường lối của Đảng, phát huy dân chủ và hướng đến lợi ích của người dân. Cải cách thể chế phải diễn ra quyết liệt và bền bỉ.

(3) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính: Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định "Khoa học công nghệ là chìa khóa vàng, là động lực quan trọng đưa đất nước phát triển." Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, xây dựng xã hội số và phát triển kinh tế số là ưu tiên hàng đầu, với mục tiêu Việt Nam nằm trong nhóm 50 quốc gia dẫn đầu về chính phủ điện tử vào năm 2030.

(4) Phát triển kinh tế theo chiều sâu: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chất lượng, tăng cường đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động là cốt lõi. Trong đó, vai trò của "kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế quốc gia" được đề cao.

(5) Xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh: Đào tạo cán bộ có năng lực, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, đồng thời khuyến khích và bảo vệ những cán bộ đổi mới sáng tạo. Song song đó, kiên quyết loại bỏ những người không đủ phẩm chất, có biểu hiện suy thoái, tham nhũng, lãng phí.

(6) Hội nhập quốc tế chủ động và hiệu quả: Việt Nam không chỉ tham gia mà còn chủ động định hình luật chơi, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Hội nhập đi đôi với bảo vệ lợi ích quốc gia, tận dụng cơ hội để thu hút vốn, công nghệ, đồng thời giữ vững bản sắc dân tộc.

(7) Quyết định "sắp xếp lại giang sơn" là bước đi lịch sử: Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh "Quyết định sắp xếp lại giang sơn là một bước đi lịch sử." Việc tái cơ cấu, sắp xếp lại không gian phát triển quốc gia nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả, tạo ra các cực tăng trưởng mới, và đảm bảo sự phát triển bền vững, hài hòa giữa các vùng miền.

Trong tầm nhìn này, con người, đặc biệt là thế hệ trẻ, được đặt vào vị trí trung tâm. Tổng Bí thư kêu gọi đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong giới trẻ. Ông tin tưởng rằng: "Thế hệ trẻ Việt Nam sẽ đủ bản lĩnh, tư duy, tri thức, sức khỏe để tiếp tục xây dựng đất nước." Điều này khẳng định tầm quan trọng của việc trang bị cho thế hệ tương lai những hành trang cần thiết để vươn tầm quốc tế và làm chủ vận mệnh quốc gia.

Tổng Bí thư Tô Lâm kêu gọi: "Mỗi người dân, mỗi tổ chức, mỗi cơ quan dưới sự lãnh đạo của Đảng cần cùng nhau hành động để biến khát vọng thành hiện thực." Đây không chỉ là một lời kêu gọi mà còn là một

cam kết về sự đồng lòng, chung tay của toàn xã hội để đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên của những kỳ tích mới, hiện thực hóa khát vọng về một đất nước thịnh vượng và vững mạnh.

Những thông điệp mạnh mẽ của Tổng Bí thư Tô Lâm về “Khát vọng vườn mình của dân tộc trong kỷ nguyên mới” đã chạm đến triệu triệu trái tim của con dân đất Việt, khơi dậy niềm tin và hy vọng lớn lao của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Chính nguồn cảm hứng đó đã thôi thúc tôi, với tư cách một công dân, một nhà báo, một Đảng viên, viết nên những trang sách này, gửi gắm những tâm huyết và trách nhiệm trước vận hội mới của dân tộc.

Cuốn sách đã giới thiệu chọn lọc một số bài viết của tác giả đăng trên Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. Đây là những tư liệu, những dòng cảm xúc chân thành trước những vấn đề lớn của vận mệnh dân tộc. Vì vậy, tác giả dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên tập, nhưng chắc chắn cuốn sách sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót không mong muốn. Với tinh thần cầu thị, chúng tôi chân thành mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ Quý vị chuyên gia và độc giả.

Cuốn sách nhỏ này, hoàn thành đúng dịp Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh (2/9/1945 - 2/9/2025) là tấm lòng tri ân tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, các Anh hùng Liệt sĩ, Mẹ Việt Nam Anh hùng, Thương bệnh binh và Người có công với Cách mạng, cùng các thế hệ cha anh đã ngã xuống cho non sông nước Việt đời đời bất diệt. Đồng thời là niềm tin yêu kính trọng và sự tin tưởng tuyệt đối vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, mà đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm trong “Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”!

Trân trọng!

Vương Xuân Nguyên

*Sách nói*

BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ DI SẢN TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT

Xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước, từ Nhà nước Văn Lang và Âu Lạc qua hơn ngàn năm Bắc thuộc đến đầu thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã trải qua những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại. Chính trong khói lửa đấu tranh và sự kiên cường bảo vệ độc lập, chủ quyền, những giá trị cốt lõi của bản sắc Việt đã được định hình vững chắc, tạo nên một di sản tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất truyền đời.

Nền văn minh Sông Hồng và tinh thần cộng đồng sơ khai

Bản sắc dân tộc Việt không phải là một khái niệm trừu tượng, mà được định hình từ những ngày sơ khai và tôi luyện trong thử thách lịch sử. Những chứng cứ khảo cổ học cho thấy, từ thời đại Văn Lang và Âu Lạc, tổ tiên người Việt đã biết tổ chức một xã hội chặt chẽ, quy củ, dựa trên sự phát triển rực rỡ của nền văn minh Sông Hồng.

Hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ và các loại trống đồng khác tái hiện sinh động các lễ hội của cư dân nông nghiệp - sông nước, phản ánh một xã hội đã có độ quần cư cao, sự tổ chức và phân vai rõ ràng. Sự hiện hữu của lưỡi cày bằng đồng và nhiều loại vũ khí cho thấy một vùng đất trù phú, một xã hội thịnh vượng, đồng thời cũng là lý do khiến các thế lực ngoại xâm tìm cách xâm chiếm.



Truyện thuyết "Lạc Long Quân - Âu Cơ". Ảnh: Minh họa.

Trong điều kiện lịch sử sơ khai, người Việt đã biểu đạt và gửi gắm khát vọng bằng các truyền thuyết mang thông điệp nhân văn sâu sắc. Truyện “Đẻ đất, đẻ nước” hay “Lạc Long Quân - Âu Cơ” thể hiện rõ ý thức cùng chung nguồn cội, cố kết cộng đồng – yếu tố then chốt tạo nên sức mạnh nội tại của dân tộc. Khát vọng chinh phục tự nhiên (“Sơn Tinh - Thủy Tinh”, “Mai An Tiêm”) và đoàn kết chống ngoại xâm (“Thánh Gióng”, “Cao Lỗ”) cũng được truyền tải, hình thành nền móng tinh thần cho bản sắc Việt.

Ngàn năm Bắc thuộc (Thế kỷ II TCN - Thế kỷ X SCN)

Hơn một nghìn năm Bắc thuộc là giai đoạn thử thách nghiệt ngã nhất, khi các triều đại phương Bắc áp đặt chính sách đồng hóa tàn bạo nhằm xóa bỏ bản sắc Việt. Tuy nhiên, chính trong hoàn cảnh đó, bản sắc dân tộc Việt lại được củng cố và khẳng định. Dù bị Hán hóa, tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ dân gian của người Việt vẫn tồn tại bền bỉ trong cộng đồng. Việc ra đời chữ Nôm là minh chứng cho quyết tâm giữ gìn ngôn ngữ mẹ đẻ. Các phong tục, tín ngưỡng bản địa như thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu, cùng kho tàng văn hóa dân gian phong phú vẫn được lưu truyền, tạo nên nét riêng biệt không thể hòa lẫn.

Dù bị áp bức ngặt nghèo, khát vọng độc lập luôn âm ỉ và bùng cháy mạnh mẽ. Mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng "đầu voi phất ngọn cờ đào" đã châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập ách thống trị nhà Hán, cho thấy tinh thần yêu nước đã lan tỏa khắp nhân dân.



Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Ảnh: Minh họa.

Hơn 200 năm sau, Bà Triệu (năm 248) tiếp nối với khí phách bất khuất: “Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở Bể Đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đày đọa, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta.”¹ Khát vọng ấy, hùng khí ấy đã làm át vía giặc phương Bắc.

Năm 540, Lý Bí lãnh đạo nhân dân giành quyền tự chủ, lập ra nhà nước Vạn Xuân, xưng Nam Đế, khẳng định khí phách độc lập, trường tồn, sánh ngang phương Bắc. Sau khi chấm dứt hoàn toàn ngàn năm Bắc thuộc bằng chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938), dân tộc Việt bước vào kỷ nguyên độc lập, tự chủ. Các cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại tiếp theo không chỉ bảo vệ nền độc lập mà còn làm thăng hoa tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất, định hình rõ nét bản sắc hùng cường.

Nền tảng của độc lập, tự chủ và văn hiến (Thế kỷ X - XIV)

Ngô Quyền được ghi nhận là người "mưu tài đánh giỏi, làm nên công tái tạo, đứng đầu các vua,"² đặt nền móng cho sự phục hưng dân tộc. Các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê củng cố nền độc lập. Đặc biệt, việc triều Lý dời đô về Đại La (Thăng Long năm 1010) mở ra "vận thế rồng bay lên," báo hiệu sự phát triển vững bền của Đại Việt.

"Nam quốc sơn hà Nam Đế cư" (thế kỷ XI) vang lên giữa lúc cuộc chiến chống Tống đang quyết liệt, khẳng định "Tiệt nhiên định phận tại thiên thư" (rõ ràng đã định phận ở sách trời). Đây là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, là lời tuyên bố hùng hồn về chủ quyền quốc gia và khí phách dân tộc Việt, sánh ngang với phương Bắc.

Trải qua các triều Lý, Trần, thế nước ngày càng bền vững, nền văn hiến Đại Việt ngày càng thịnh đạt. Đặc biệt, ba lần kháng chiến đánh tan quân Nguyên Mông xâm lược đã chứng tỏ sức mạnh đoàn kết, trí tuệ quân sự và ý chí bất khuất của dân tộc Việt, giúp "Non sông ngàn thuở vững âu vàng."³



Trận Bạch Đằng năm 1287. Ảnh: Minh họa.

Sau thất bại của Hồ Quý Ly, đất nước lại rơi vào ách thống trị tàn bạo của nhà Minh, với âm mưu xóa bỏ văn hóa và nhân tài Việt. Dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi, nhân dân ta "đoàn kết một lòng, kiên quyết vùng lên chiến đấu đã quét sạch được quân Minh ra khỏi bờ cõi." "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi không chỉ là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai mà còn khẳng định một "nước Đại Việt ta, thực là một nước văn hiến," có "cõi bờ sông núi đã riêng, phong tục Bắc - Nam cũng khác,"⁴ củng cố niềm tự hào và bản sắc dân tộc.

Ngay cả khi đất nước chia cắt Trịnh - Nguyễn, nội lực dân tộc vẫn được bồi tụ. Đến cuối thế kỷ XVIII, Việt Nam đã thực sự là một cường quốc ở Đông Nam Á. Việc nhà Tây Sơn nhanh chóng đập tan quân Xiêm (năm 1785) và đại quân Thanh (năm 1789) của Hoàng đế Quang Trung đã cho thấy vị thế, sức mạnh và ý chí quật cường. Lời "hịch" tương truyền của Quang Trung: "Đánh cho để dài tóc! / Đánh cho để đen răng! / Đánh cho nó chích luân bất phản! / Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn! / Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ!"⁵ là một tuyên ngôn văn hóa chính trị mạnh mẽ, khẳng định ý chí làm chủ đất nước.

Khi đất nước rơi vào vòng nô dịch của thực dân Pháp, "lớp lớp người Việt Nam đã kiên cường vùng lên, với ý chí "xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ"⁶." Khát vọng dân tộc không chỉ dừng lại ở độc lập mà còn bộc lộ rõ hơn về một Việt Nam "mới dân chủ, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu." Các nhà Nho cấp tiến như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh,... đã lãnh đạo phong trào yêu nước theo hướng duy tân, kêu gọi "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh," chủ động tiếp nhận tinh hoa văn minh phương Tây để "tự cường". Cuốn "Tân Việt Nam" (năm 1907) của Phan Bội Châu là cương lĩnh thể hiện rõ khát vọng về một Việt Nam độc lập, cường thịnh, dân chủ, tự do và là "nền tảng chính trị, văn hóa, tinh thần, mở lối để Việt Nam trở thành một cường quốc kinh tế tầm vóc toàn cầu".⁷

Bản sắc dân tộc và di sản tinh thần yêu nước

Lịch sử dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm đã tôi luyện nên một bản sắc độc đáo và một di sản tinh thần vô giá. Đây không chỉ là những giá trị được hun đúc qua hàng nghìn năm đấu tranh, mà còn là nền tảng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của một dân tộc kiên cường, bất khuất.

Bản sắc dân tộc Việt là tổng hòa những giá trị văn hóa, tinh thần, và phẩm chất đặc trưng, được định hình từ cội nguồn văn minh lúa nước và tôi luyện qua các biến cố lịch sử.

Tính cố kết cộng đồng cao là đặc điểm nổi bật và xuyên suốt này bắt nguồn từ nền văn minh lúa nước, yêu cầu sự hợp tác chặt chẽ trong canh tác. Tính cố kết được củng cố vững chắc qua các truyền thuyết về chung nguồn cội như “Lạc Long Quân - Âu Cơ”. Ý thức “đồng bào” đã tạo nên sức mạnh nội tại, giúp dân tộc đoàn kết “một lòng” vượt qua mọi thử thách, từ chống thiên tai đến đối phó với giặc ngoại xâm.



Lý Công Uẩn (974 - 1028). Ảnh: Tư liệu.

Sức sống kiên cường, bản lĩnh vượt khó được tôi rèn qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc đầy áp bức đã không thể dập tắt mà còn tôi luyện ý chí sống còn của người Việt. Dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, dân tộc vẫn bền bỉ bảo tồn và phát triển tiếng nói (thể hiện qua chữ Nôm), phong tục tập quán, tín ngưỡng bản địa và kho tàng văn hóa dân gian phong phú. Sự dẻo dai, bền bỉ này cho thấy khả năng thích nghi và vươn lên phi thường.

Nền văn hiến độc đáo và sự tiếp thu chọn lọc được thể hiện rõ nét qua ngôn ngữ, các truyền thống lễ hội, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu. Đồng thời, người Việt luôn có khả năng tiếp thu tinh hoa văn minh bên ngoài một cách có chọn lọc, biến đổi để phù hợp với mình mà không làm mất đi cốt lõi. Sự giao thoa này đã làm phong phú thêm bản sắc Việt, tạo nên một nền văn hiến đa dạng nhưng vẫn rất riêng biệt.

Khát vọng về độc lập, tự do, văn hiến và cường thịnh là nội dung bao trùm, thường trực và ngày càng được nâng tầm qua các thời kỳ. Từ khát vọng tự chủ cơ bản được thể hiện qua các cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc, đến tầm nhìn về một quốc gia độc lập, tự do, có nền văn hóa rực rỡ, và sau này là một quốc gia dân chủ, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Di sản tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất này là nguồn sức mạnh nội tại, là động lực thúc đẩy dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế.

Lòng yêu nước nồng nàn và bất diệt là giá trị cốt lõi, là ngọn lửa cháy bỏng không bao giờ tắt trong tâm hồn mỗi người Việt. Lòng yêu nước không chỉ được thể hiện bằng sự sẵn sàng chiến đấu, hy sinh mà còn bằng ý chí bảo tồn văn hóa, tiếng nói, và truyền thống dân tộc. Từ những nữ anh hùng như Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến các vị lãnh tụ lừng danh như Lý Bí, Ngô Quyền, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung, và các nhà yêu nước đầu thế kỷ XX như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh,... tất cả đều được dẫn lối bởi một tình yêu nước thiết tha, là nguồn cảm hứng cho mọi hành động vì độc lập và tự do.



Chân dung Nguyễn Trãi (1380 - 1442). Ảnh: Tư liệu.

Ý chí bất khuất, không chịu khuất phục là phẩm chất nổi bật, được rèn giũa qua hàng nghìn năm đối mặt với ngoại xâm. Dù kẻ thù hùng mạnh gấp bội, ý chí "xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ" hay "đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ!" luôn thôi thúc người Việt đứng lên chiến đấu. Các chiến thắng lẫy lừng như Bạch Đằng, ba lần chống Nguyên – Mông, hay Ngọc Hồi - Đống Đa là minh chứng sống động cho tinh thần "dám đánh, dám thắng" và không bao giờ cam chịu làm nô lệ.

Không chỉ dũng cảm, người Việt còn rất mưu trí, thể hiện qua các kế sách "tiên phát chế nhân" của nhà Lý, hay khả năng "lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh" trong các cuộc kháng chiến vệ quốc. Điều này cho thấy bản lĩnh, sự linh hoạt và khả năng sáng tạo trong chiến đấu.

Tầm nhìn tiên phong, mở đường cho những khát vọng dân tộc chân chính, bao gồm khả năng của các thế hệ lãnh đạo và hào kiệt trong việc nhìn xa trông rộng, không chỉ lo an dân mà còn tìm cách "mở đường cho dân tộc, cho Tổ quốc tiến đến một tương lai tươi sáng," như tư tưởng duy tân của Phan Bội Châu về một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hùng cường. Hay ý thức về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc được thể hiện trong "Việt Nam Văn hóa sử cương" của Đào Duy Anh.

Như vậy, xuyên suốt các cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại từ ngàn năm Bắc thuộc đến đầu thế kỷ XX, bản sắc dân tộc Việt Nam không ngừng được định hình, củng cố và làm rõ. Đó là bản sắc của một dân tộc có tính cố kết cộng đồng cao, sức sống kiên cường, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất không chịu khuất phục, và khát vọng mãnh liệt về độc lập, tự do, văn hiến và hùng cường. Những di sản tinh thần vô giá này chính là "tảng nền văn hóa chính trị cho cơ đồ đất nước", là cội nguồn sức mạnh để dân tộc Việt Nam tiếp tục vươn lên trong các kỷ nguyên sau này./.

Tài liệu tham khảo:

[1], [2] Ngô Sĩ Liên (1697), *Đại Việt Sử ký toàn thư (Bản dịch)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2013.

[3] Trần Quang Khải (Thế kỷ XIII), *Tụng giá hoàn kinh sư (Bài thơ)*, Thơ văn Lý Trần, Tập I, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1977.

[4] Nguyễn Trãi (1428), *Bình Ngô đại cáo*, Thơ văn Nguyễn Trãi, Nhà xuất bản Văn học, 1978.

[5] Nguyễn Huệ (Hoàng đế Quang Trung) (Thế kỷ XVIII), *Hịch của Quang Trung, Lịch sử Việt Nam, Tập 1*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2017.

[6] Hồ Chí Minh (1941), *Lịch sử nước ta. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 3*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2011.

[7] Phan Bội Châu (1907), *Tân Việt Nam. Phan Bội Châu toàn tập, Tập 4*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1990.

[8] Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 2000.



Sách nói

TỪ BÓNG ĐÊM NÔ LỆ ĐẾN BÌNH MINH ĐỘC LẬP!



Bàn chân của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã in dấu trên nhiều nước thuộc các đại lục Âu, Á, Phi, Mỹ.

Việt Nam, vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chìm trong một bóng đêm tưởng chừng như vô tận. Khắp nơi, tiếng rên xiết của người dân dưới gót giày thực dân hòa lẫn với tiếng roi vọt của bọn cường hào. Làng quê xơ xác, ruộng đồng hoang hóa, những gia đình ly tán vì sưu cao thuế nặng. Cuộc sống nô lệ nghiệt ngã không chỉ trói buộc thể xác mà còn đè nén cả tinh thần của một dân tộc vốn dĩ yêu tự do.

Khát vọng giữa đêm dài

Giữa bối cảnh bi thương ấy, tại một làng quê nghèo xứ Nghệ, có một chàng trai trẻ mang tên Nguyễn Sinh Cung (tên gọi hồi trẻ của Chủ tịch Hồ Chí Minh), người không sinh ra trong nhung lụa, nhưng được thừa hưởng một gia tài quý giá hơn cả vàng bạc. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn của một gia đình nhà nho xứ Nghệ, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Từ thuở ấu thơ, chàng trai Nguyễn Sinh Cung đã thấm đẫm những lời răn dạy của cha, người học rộng tài cao, luôn đau đầu với vận mệnh nước nhà. Người đã tận mắt chứng kiến cảnh dân chúng đói khổ, lầm than, những cuộc nổi dậy bị đàn áp đẫm máu. Hình ảnh người mẹ hiền tận tụy, tần tảo nuôi con trong khó khăn, rồi sớm lìa trần vì bệnh tật, càng khắc sâu vào lòng Người nỗi đau mất mát và ý chí phải làm một điều gì đó cho đất nước.

Ngay từ thuở thiếu thời, lòng Người đã hướng về một điều duy nhất: phải cứu lấy giống nòi. Người đọc sách, suy ngẫm về những cuộc khởi nghĩa thất bại, những con đường cứu nước đã đi qua nhưng không thành. Trong lòng chàng thanh niên ấy, chủ nghĩa yêu nước không chỉ là một khái niệm trừu tượng, mà là một ngọn lửa cháy bỏng, thôi thúc Người không ngừng tìm tòi, suy tư. Người biết, con đường cứu nước cũ đã không còn hiệu quả. Cần một lối đi mới, một ánh sáng mới.

Cuộc hải trình định mệnh

Và rồi, một buổi sáng mùa hè năm 1911, tại bến cảng nhà Rồng tấp nập, tiếng còi tàu dài náo nùng như xé tan màn sương sớm. Trên boong

con tàu cũ kỹ mang tên Đô đốc Latútơ Torêvin, chàng thanh niên ấy, mang cái tên khai sinh Nguyễn Tất Thành, đứng lặng lẽ. Ánh mắt Người không hướng về phía chân trời xa xăm, mà như đang ôm trọn lấy mảnh đất quê hương dần chìm vào xa khuất. Người rời đi với duy nhất một hành trang: trái tim sục sôi nhiệt huyết cứu nước, một trí tuệ thiên phú đang nhen nhóm, cùng nhãn quan sắc bén kẻ thừa từ bao thế hệ cha ông. Biển cả mênh mông mở ra trước mắt, hứa hẹn một cuộc hành trình đầy gian nan nhưng cũng chất chứa niềm hy vọng¹.



Bến Nhà Rồng đầu thế kỷ XX. Từ nơi này, ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc trên con tàu Đô đốc Latouche-Tréville để thực hiện hoài bão giải phóng nước nhà khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc.

Ảnh: Tư liệu TTXVN.

Con tàu đưa Người qua những vùng biển xa lạ. Đến tháng 7 cùng năm đó, con tàu cập cảng Mác-Xây. Dọc đường, Người đã đặt chân lên Côlômbô, ghé qua Poxait, rồi đến một số quốc gia ở châu Phi, châu Mỹ. Cuộc sống nơi đất khách đầy thử thách. Người làm đủ mọi nghề để mưu sinh: phụ bếp trong những nhà hàng sang trọng, cào tuyết trên vỉa hè lạnh giá, hay thợ đốt lò trên những con tàu lớn. Mỗi công việc, mỗi mảnh đời Người gặp gỡ đều là một bài học vô giá, giúp Người thấu hiểu sâu sắc hơn bản chất của sự bóc lột, áp bức và khát vọng tự do cháy bỏng của

những người cùng khổ. Giữa năm 1913, Người đặt chân đến nước Anh, tiếp tục trải nghiệm và tích lũy tri thức, trước khi trở lại nước Pháp vào cuối năm 1917².



Chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp ở khách sạn Carlton tại nước Anh, năm 1913. Ảnh tư liệu

Ánh sáng chân lý và cái tên lịch sử

Những năm tháng ở Pháp, Người không ngừng tìm tòi. Đầu năm 1919, Người tham gia vào một Đảng Xã hội, hòa mình vào dòng chảy chính trị của thời đại. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất vừa kết thúc, một Hội nghị lớn của các nước đế quốc diễn ra tại Véc-xây, từ giữa tháng 6 năm 1919. Rất nhiều dân tộc đang bị áp bức, trong đó có quê hương của Người, từng nuôi hy vọng vào những lời tuyên bố mỹ miều về "quyền tự quyết của các dân tộc". Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Người đã cùng hai đồng chí khác thảo nên bản Yêu sách của nhân dân An Nam, một bản yêu sách tám điểm. Trong đó, nổi bật là yêu cầu các cường quốc phải thừa nhận quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Dưới bản Yêu sách, lần đầu tiên, Người

dùng cái tên Nguyễn Ái Quốc. Dù không được chấp nhận, nhưng bản Yêu sách ấy đã gây chấn động mạnh mẽ, mở đầu cho một hành trình đấu tranh cách mạng đầy bản lĩnh. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc còn khéo léo chuyển thể bản Yêu sách thành thể thơ lục bát và song thất lục bát với tên gọi "Việt Nam yêu cầu ca", lan tỏa sâu rộng trong lòng kiều bào và người Việt trong nước³.

Định mệnh đã mỉm cười vào một ngày hè tháng 7 năm 1920, khi Nguyễn Ái Quốc đọc được "Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa". Từng câu, từng chữ như ánh chớp xuyên qua màn đêm u tối trong tâm trí Người. Nó giải đáp mọi băn khoăn bấy lâu, chỉ rõ con đường giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. Ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã bùng lên trong tâm hồn Người như một ngọn hải đăng giữa biển khơi, dẫn lối cho cuộc đời Người. Chỉ vài tháng sau, vào tháng 12 năm 1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã dứt khoát bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam⁴.



Năm 1920, chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tours với tư cách đại biểu Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Ảnh tư liệu

Từ đây, Nguyễn Ái Quốc không ngừng lao động, hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc các thuộc địa, phong trào công nhân. Người miệt mài nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới. Người đặc biệt nhận thấy, "chỉ có cách mạng Nga là thành công đến nơi" vì đã đem lại quyền lợi cho đông đảo công nông, và nguyên nhân chính là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bôn-sê-vích do Lênin đứng đầu⁵.

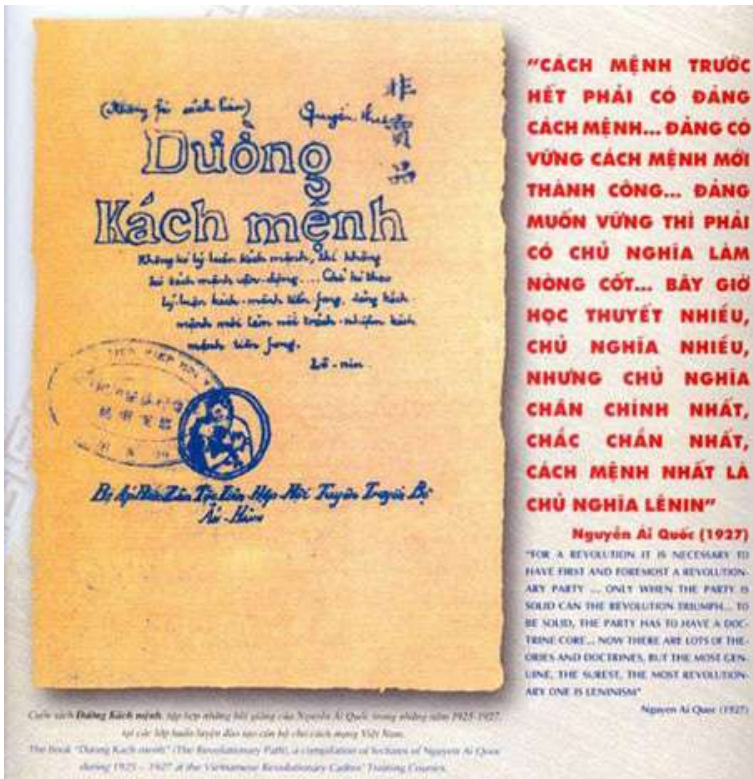
Xây dựng nền móng vững chắc cho tương lai

Từ năm 1921 đến tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc dấn thân vào nhiều hoạt động sôi nổi: Người thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, tham dự các Đại hội quan trọng của Đảng Cộng sản Pháp, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút Báo Người cùng khổ, tờ báo đấu tranh mạnh mẽ cho quyền lợi của các dân tộc bị áp bức. Ngày 13 tháng 6 năm 1923, Người rời Pháp, và đến ngày 30 tháng 6 năm 1923, Người đặt chân đến Xanhpê-téc-bua (Liên Xô)⁶.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1923 đến tháng 10 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế, bổ sung và phát triển lý luận về cách mạng thuộc địa. Người tham gia Quốc tế Nông dân, Đại hội Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên, đồng thời tiếp tục viết nhiều sách báo tuyên truyền cách mạng, và hoàn thành tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" đầy sức tố cáo. Người còn học tập tại trường Đại học phương Đông và tham gia Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản⁷.

Vào tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, vào tháng 6 năm 1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp mở các lớp huấn luyện cán bộ, và ra Báo Thanh niên vào ngày 21 tháng 6 năm 1925, tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam, nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng⁸.

Chính tại Quảng Châu này, Người đã gặp gỡ và giác ngộ nhiều thanh niên yêu nước xuất sắc, những người sau này trở thành trụ cột của cách mạng. Trong số đó có Phạm Văn Đồng, một trí thức trẻ đầy nhiệt huyết. Dù chưa gặp trực tiếp Võ Nguyên Giáp vào thời điểm này, nhưng thông qua những hoạt động, những bài giảng của Người được truyền bá về nước, tư tưởng cách mạng đã bắt đầu kết nối những tâm hồn yêu nước. Họ được hun đúc bởi lý tưởng chung, sẵn sàng cống hiến cho con đường giải phóng dân tộc⁹.



Tác phẩm "Đường Kách mệnh" xuất bản năm 1927. Ảnh tư liệu

Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc được tập hợp và in thành tác phẩm "Đường Kách mệnh", xuất bản vào năm 1927, được phát hành rộng rãi về Việt Nam. Cuốn sách khẳng định rõ ràng: cách mạng trước tiên cần có Đảng cách mạng vững mạnh, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm

cốt. Người còn nhận ra chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là động lực lớn của phong trào giải phóng dân tộc, và Đảng Cộng sản chính là đội tiền phong. Từ mùa hè năm 1927, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hành trình qua Liên Xô, Đức, Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ, Italia, Xiêm (Thái Lan), rồi trở lại Trung Quốc vào cuối năm 1929, luôn giữ vững liên lạc và chỉ đạo cách mạng¹⁰.

Đảng lãnh đạo và cuộc trở về định mệnh

Từ ngày 6 tháng 1 đến 7 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự kiện này mang ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại: sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ bế tắc về đường lối, khủng hoảng về lãnh đạo của cách mạng Việt Nam¹¹.



Đại biểu các tổ chức cộng sản Đông Dương tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hồng Kông mùa xuân năm 1930 do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chỉ trì (Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh)

Ngay sau khi Đảng ra đời, từ năm 1930 đến 1941, dù Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động ở nước ngoài, nhưng dòng chảy cách mạng trong nước đã không ngừng cuộn chảy dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Đây là thời kỳ của những cao trào cách mạng có ý nghĩa to lớn, chuẩn bị cho thắng lợi cuối cùng.

Đầu tiên là Cao trào cách mạng 1930 - 1931, mà đỉnh cao là Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Ngọn lửa căm thù bùng lên từ lòng dân đã làm rung chuyển chế độ thống trị của đế quốc Pháp và bè lũ tay sai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng cách mạng đã vùng dậy mạnh mẽ, trừng trị bọn cường hào, phản động, tay sai thực dân Pháp, và lần đầu tiên trong lịch sử, thiết lập được chính quyền cách mạng ở một số nơi theo hình thức Xô Viết. Dù bị đàn áp dã man, cao trào này đã khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn, để lại những bài học quý báu về xây dựng liên minh công - nông, về xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, và quan trọng nhất là về cách phát động phong trào quần chúng đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền¹².



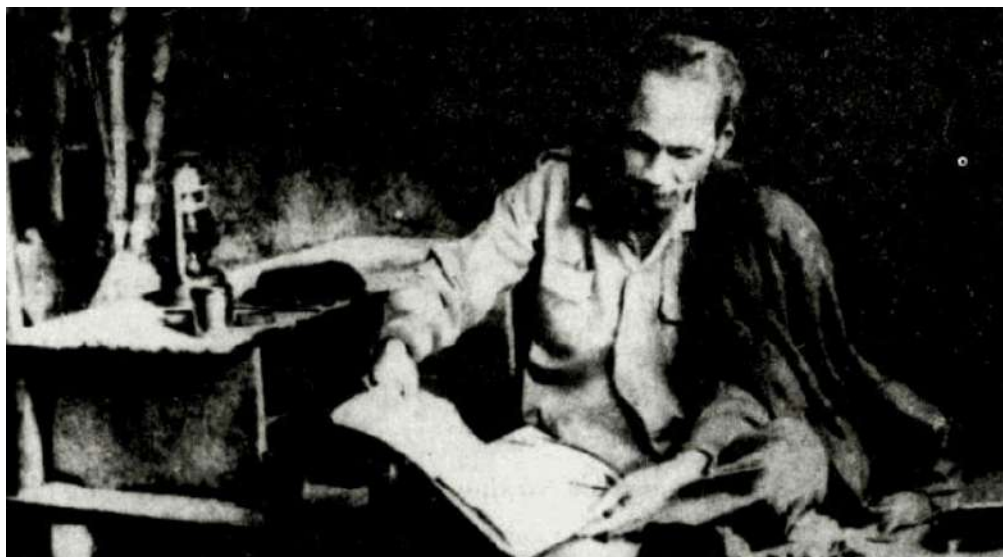
L'Humanité thứ Sáu 19 tháng Sáu 1931 (năm thứ 28, n° 11875)
Source : <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k403934z>

Thông báo của cảnh sát Anh ở Thượng Hải về việc đã bắt được người Cộng sản An Nam Nguyễn Ái Quốc, Ảnh tư liệu

Tháng 6 năm 1931, Người bị nhà cầm quyền Anh bắt giam ở Hồng Kông. Cuối năm 1932, Người được trả tự do. Những năm từ 1934 đến 1938, Nguyễn Ái Quốc (có lúc được gọi là P.C.Lin trong một giai đoạn) tiếp tục hoạt động tại Liên Xô, học tại Trường Quốc tế Lênin, công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, và dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản vào ngày 31 tháng 3 năm 1935¹³.

Cùng lúc đó, trong nước, là Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939). Trong bối cảnh chính quyền Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, Đảng đã khéo léo lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp. Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, dưới sự chỉ đạo tài tình của Đảng, chính quyền thực dân buộc phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ. Hàng triệu quần chúng được giác ngộ về chính trị, trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng. Giai đoạn này, Đảng ta đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm vô giá trong việc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, kinh nghiệm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh một cách công khai, hợp pháp, những bài học sẽ được phát huy tới đa khi thời cơ đến¹⁴.

Tháng 10 năm 1938, Người rời Liên Xô đến Diên An (Trung Quốc), sau đó bắt liên lạc với tổ chức Đảng, chuẩn bị về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Chính trong những ngày tháng hoạt động ở nước ngoài này, Người đã có những cuộc gặp gỡ quan trọng với những nhân vật chủ chốt từ trong nước gửi ra hoặc đã giác ngộ cách mạng. Những cuộc gặp gỡ ấy không chỉ là sự trao đổi, truyền đạt đường lối mà còn là sự kết nối sâu sắc giữa tầm nhìn chiến lược của Người với thực tiễn cách mạng đang sục sôi ở quê nhà. Đồng chí Phạm Văn Đồng, sau một thời gian hoạt động ở trong nước và được cử đi học tập, đã có cơ hội được trực tiếp gặp Người ở nước ngoài, được Người trực tiếp chỉ bảo, truyền đạt những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối giải phóng dân tộc¹⁵.



Bác Hồ ở Pác Bó, Cao Bằng. Ảnh tư liệu

Và rồi, Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) đã bùng nổ trong nước, khi Chiến tranh thế giới thứ hai lan rộng, tạo nên thời cơ ngàn năm có một. Cuộc hành trình dài đằng đẵng của chàng thanh niên ra đi năm xưa, giờ đã là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, kéo dài hơn ba thập kỷ. Ngày 28 tháng 1 năm 1941 (tức ngày mừng hai Tết Tân Tỵ), Người vượt qua mốc 108 (nay là cột mốc 675) biên giới Việt Nam - Trung Quốc, về đến Pác Bó xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ba mươi năm bôn ba, tìm đường cứu nước, kiên trì chiến đấu, bản lĩnh và trí tuệ của Người đã giải đáp sáng tỏ những câu hỏi lớn nhất của dân tộc, mở ra con đường giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Sự trở về của Người không phải là sự kiện đơn lẻ, mà là đỉnh cao của một quá trình chuẩn bị dài hơi, với những hạt giống cách mạng đã được gieo trồng và kết nối ngay từ nước ngoài, cùng với những cao trào cách mạng liên tục trong nước do Đảng lãnh đạo¹⁶.

Ánh sáng bình minh và kỷ nguyên độc lập

Về đến Pác Bó, Người ngay lập tức bắt tay vào công việc. Ở đây, Người đã trực tiếp gặp Võ Nguyên Giáp lần đầu tiên vào một ngày mùa

xuân năm đó. Cuộc gặp gỡ giữa nhà cách mạng lão thành, đã bốn ba khắp năm châu và vị thầy giáo trẻ đầy nhiệt huyết diễn ra trong không khí trang trọng nhưng ấm áp. Người đã nhận thấy ở Võ Nguyên Giáp một tư chất đặc biệt, một tố chất quân sự thiên bẩm. Từ đây, dưới sự chỉ dẫn trực tiếp của Người, Võ Nguyên Giáp bắt đầu dần thân vào con đường quân sự, trở thành một trong những học trò xuất sắc nhất của Người¹⁷.

Vào năm sau, năm 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên mới là Hồ Chí Minh để hoạt động, với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh. Cũng trong năm này, Người bị bắt tại phố Túc Vinh (Trung Quốc) do giấy tờ tùy thân quá hạn, phải chịu cảnh giam cầm. Ngày 9 tháng 8 năm 1944, Hồ Chí Minh được trả tự do, trở về hoạt động tại Pác Bó, Cao Bằng¹⁸.

Đến tháng 12 năm 1944, Hồ Chí Minh gửi một bức thư quan trọng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, đó chính là Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Lực lượng vũ trang cách mạng lớn mạnh từng ngày, báo hiệu một cuộc chuyển mình vĩ đại¹⁹.



Nhân dân và dân quân tự vệ ngày 19/8/1945. Ảnh tư liệu

Khi thời cơ lịch sử đến, ngày 18 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh viết "Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa" gửi quốc dân, đồng bào. Lời kêu gọi vang vọng khắp non sông, thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng đã âm ỉ bấy lâu. Các tỉnh thành trong cả nước đồng loạt khởi nghĩa: chỉ một ngày sau bức thư đó, ngày 19 tháng 8 năm 1945, tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội; tiếp đó là Huế vào ngày 23 tháng 8 và Sài Gòn vào ngày 25 tháng 8. Chỉ trong một thời gian ngắn ngủi, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành chính quyền thắng lợi trên cả nước, đưa chính quyền cách mạng về tay nhân dân²⁰.

Và rồi, vào khoảnh khắc thiêng liêng của lịch sử, một ngày mùa thu, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, hàng vạn đồng bào cả nước tề tựu. Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân, đồng bào. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam), một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á²¹.

Trong lời Tuyên ngôn bất hủ, Người đã trích dẫn những câu bất hủ từ Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp, để khẳng định giá trị phổ quát của quyền con người và quyền dân tộc: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”²²

Không dừng lại ở đó, Người đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam trong suốt gần một thế kỷ, từ việc bóc lột, áp bức đến việc chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Với lập luận đanh thép, Người tuyên bố: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.”²³

Và cuối cùng, với ý chí sắt đá và tầm nhìn sâu rộng về tương lai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố trước toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy²⁴.”



Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc. Ảnh tư liệu

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Việt Nam, từ thân phận nô lệ, đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đây là hội tụ của ý chí độc lập tự chủ, tự lực, tự cường dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, là thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những tư tưởng đã được vận dụng một cách sáng tạo để "lựa tình thế, chọn thời cơ", đưa ra những quyết sách đúng đắn ở tầm chiến lược, dẫn lối dân tộc đến bình minh tự do.

Khái quát ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”²⁵.

Lời khẳng định ấy không chỉ là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam mà còn là nguồn cổ vũ to lớn cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, minh chứng cho sức mạnh phi thường của ý chí độc lập và sự lãnh đạo tài tình của một Đảng cách mạng.

Có thể thấy, hành trình của Người, từ Nguyễn Tất Thành mang khát vọng cháy bỏng ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, đến Nguyễn Ái Quốc tìm thấy chân lý cách mạng ở nước ngoài và thành lập Đảng năm 1930, rồi trở về lãnh đạo đồng bào với tên Hồ Chí Minh vào năm 1941, là một bản anh hùng ca vĩ đại.

Sau hơn ba mươi năm bôn ba, lao tâm khổ tứ, với tầm nhìn chiến lược xuyên thời đại và tài năng kiệt xuất, Người đã không chỉ tìm ra con đường mà còn kiên trì xây dựng lực lượng, chuẩn bị nền tảng vững chắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sự lãnh đạo của Người cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt những năm tháng đầy thử thách, từ những cao trào cách mạng sôi nổi trong nước cho đến khi nắm bắt thời cơ "ngàn năm có một" của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đưa dân tộc Việt Nam vùng lên, giành lại quyền độc lập, tự do. Khoảnh khắc Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử không chỉ là tuyên bố về sự chấm dứt của ách nô lệ, mà còn là lời mở đầu cho một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nơi nhân dân Việt Nam thực sự làm chủ vận mệnh mình.

Hành trình đi tìm hình của nước đã cho thấy tầm vóc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là ở việc Người đã lựa chọn đúng con đường, mà còn ở khả năng kết nối hiệu quả hoạt động cách mạng ở nước ngoài với phong trào trong nước, khơi dậy sức mạnh tiềm tàng của toàn dân để biến khát vọng độc lập thành hiện thực. Chính sự chuẩn bị chu đáo và khả năng chèo lái xuất chúng ấy đã đưa Việt Nam từ một đêm dài nô lệ bước sang bình minh rực rỡ của độc lập, tự do, một minh chứng hùng hồn cho ý chí quật cường của một dân tộc và trí tuệ của một vị lãnh tụ thiên tài./.

Tài liệu tham khảo

[1] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 1 (1890-1925)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 62- 63.

[2] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 1 (1890-1925)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 64-68.

[3] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 467-468.

[4] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 467-470.

[5] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 471-472.

[6] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 1 (1890-1925)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 77-83.

[7] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 98-175.

[8] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 71-72.

[9] Phạm Văn Đồng. *Hồ Chủ tịch của chúng ta*. Hà Nội: Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, tr. 15-18.

[10] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 2*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 268-306.

[11] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 85-87.

[12] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 90-95.

[13] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 2 (1926-1945)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 140-190.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 96-102.

[15] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 2 (1926-1945)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 191-200.

[16] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 2 (1926-1945)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 201-203.

[17] Võ Nguyên Giáp. *Từ nhân dân mà ra*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2004, tr. 30-35.

[18] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 2 (1926-1945)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 210-230.

[19] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 3*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 544-545.

[20] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 110-112.

[21] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 3-8.

[22] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 3-4.

[23] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 5-7.

[24] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 8.

[25] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 40.*

*Sách nói*

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

Năm 1945, ánh sáng độc lập vừa le lói trên mảnh đất Việt Nam sau hàng thế kỷ chìm trong đêm dài nô lệ. Thế chiến thứ hai kết thúc, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng, nhưng thay vì được hưởng hòa bình, dân tộc Việt lại đối mặt với một bức tranh đầy rẫy hiểm nguy. Nhưng cũng có những thuận lợi cơ bản như: uy tín của Liên Xô được nâng cao, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới như một dòng thác cuộn chảy, và quan trọng nhất, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã mang lại một chính quyền nhân dân non trẻ từ Trung ương đến cơ sở. Toàn dân, sau bao năm lầm than, giờ đây tin tưởng tuyệt đối vào Việt Minh và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Cha già dân tộc, nguyện giữ vững nền độc lập vừa giành được.

Nhà nước non trẻ và những thử thách nghiệt ngã

Ngay sau khi tuyên bố độc lập, đất nước ta đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Ở miền Bắc, nạn đói kinh hoàng do Nhật – Pháp gây ra vẫn chưa được khắc phục, ruộng đất bị bỏ hoang, công nghiệp đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Tình hình tài chính vô cùng khó khăn. Hơn 90% số dân không biết chữ, và các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại hết sức nặng nề¹.



Một lớp bình dân học vụ ở Hà Nội những ngày đầu độc lập. "Bình dân học vụ" là phong trào xóa nạn mù chữ trong toàn dân, được Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát động ngày 8/9/1945, ngay sau khi Việt Nam giành được độc lập, nhằm giải quyết "giặc đói" - một trong các vấn đề cấp bách nhất của đất nước thời gian đó.

Ảnh: TTXVN

Lớp bình dân học vụ ở Hà Nội những ngày đầu độc lập. Ảnh tư liệu

Không chỉ đối mặt với "giặc đói", "giặc dốt", nền độc lập non trẻ còn bị bao vây tứ phía bởi "giặc ngoại xâm" và "nội phản". Theo thỏa thuận của các nước đồng minh ở Hội nghị Potsdam, cuối tháng 8 năm 1945, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch ồ ạt kéo vào miền Bắc từ vĩ tuyến 16 trở ra, mang theo các lực lượng tay sai phản động trong các tổ chức “Việt quốc” và “Việt cách”. Chúng ráo riết thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng và đánh đổ chính quyền cách mạng. Ở phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh với danh nghĩa giải giáp quân Nhật đã đồng lõa và tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương. Đêm 22 rạng sáng 23 tháng 9 năm 1945, được sự giúp sức của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”².

Trước tình hình hiểm nguy đó, Người với tầm nhìn vượt thời đại và sự lãnh đạo sáng suốt, đã không chút nao núng. Ngay khi về Thủ đô

Hà Nội, Người cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch ra những đối sách cấp bách để củng cố chính quyền cách mạng và đối phó với âm mưu, hành động của kẻ thù.

Ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc. Chỉ thị này xác định rõ tính chất của “cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”. Kẻ thù chính của cách mạng lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Khẩu hiệu xuyên suốt là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”. Chỉ thị cũng nêu ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân cả nước là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân³.

Để thực hiện những nhiệm vụ đó, Trung ương đề ra các công tác cụ thể: Về nội chính: Xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân; Về quân sự: Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; Về ngoại giao: Kiên trì nguyên tắc “bình đẳng tương trợ”, thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và chủ trương “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp⁴.

Trong thời gian ngắn ngủi này, sức mạnh đoàn kết toàn dân đã được thể hiện rạch ròi qua các phong trào do Người và Đảng phát động:

"Diệt giặc đói": Phát động tăng gia sản xuất, nhường cơm sẻ áo, lập hũ gạo cứu đói, bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý khác. Nạn đói đã từng bước được đẩy lùi⁵.

"Diệt giặc dốt": Phát động phong trào bình dân học vụ, mở các lớp học xóa mù chữ, biến hàng triệu người dân từ không biết chữ thành biết chữ, nâng cao dân trí và ý thức làm chủ đất nước⁶.

Đấu tranh với nội phản: Vạch trần và trấn áp các hoạt động phá hoại của các tổ chức phản động tay sai.

Xây dựng chính quyền: Tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 6 tháng 1 năm 1946 trên toàn quốc, lập nên Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, thể hiện tính chính danh và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân⁷.



*Cử tri ngoại thành Hà Nội bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội khóa I ngày 06/01/1946.
Ảnh tư liệu*

Điểm nhấn của sách lược ngoại giao của Người là quyết định lịch sử ngày 6 tháng 3 năm 1946, khi Người ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp. Một quyết định táo bạo, đầy tính toán để mượn tay Pháp "tổng tiền" quân Tưởng về nước, tránh phải đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù mạnh, đồng thời tranh thủ thời gian vàng ngọc để củng cố lực lượng và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi⁸.

Trước khi lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, Người đã sắp xếp công việc đất nước vô cùng chu đáo. Người đã trao lại quyền Chủ tịch nước cho cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong khoảnh khắc lịch sử đó, Người đã dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng một câu nói kinh điển, thể hiện trọn vẹn tầm nhìn và nguyên tắc ứng xử của cách mạng Việt Nam: "Dĩ bất biến ứng vạn biến". Lời dặn này có nghĩa là lấy cái không thay đổi (mục tiêu độc lập dân tộc) để đối phó với muôn vàn thay đổi của tình hình, giữ vững nguyên tắc nhưng linh hoạt trong sách lược⁹.

Sau đó, Người đích thân sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau. Dù nhận thấy thiện chí của Pháp rất ít ỏi và hội nghị không đạt được kết quả như mong muốn, Người vẫn kiên trì đấu tranh và ký Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946. Tất cả những nỗ lực ấy đều nhằm kéo dài hòa bình, mặc dù Người biết rõ một cuộc kháng chiến toàn quốc khó tránh khỏi¹⁰.

Tuy nhiên, dã tâm của Pháp ngày càng bộc lộ rõ. Tháng 11 năm 1946, chúng tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn. Rồi giữa tháng 12, chúng tàn sát đồng bào ta ở các phố Hàng Bún, Yên Ninh (Hà Nội), ngang ngược đòi tước vũ khí của tự vệ Thủ đô. Không thể nhân nhượng hơn nữa, vào 19 tháng 12 năm 1946, từ Vạn Phúc (Hà Đông), Người đã phát đi Lời kêu gọi Toàn quốc Kháng chiến lịch sử. Lời hiệu triệu ngắn gọn, đanh thép nhưng đầy tình yêu nước đã thổi bùng lên ngọn lửa căm thù và ý chí quyết chiến của cả dân tộc: "Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!"¹¹.



Hình ảnh chiến sỹ cảm tử quân, đoàn viên Thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu ôm bom ba càng, sẵn sàng tiêu diệt xe tăng địch trên đường phố Hà Nội ngày 23/12/1946 mãi mãi là biểu tượng bất tử về cuộc chiến tranh nhân dân, mà ở đó mỗi người dân đều là chiến sỹ và sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc. Ảnh: Nguyễn Bá Khoản/ Tư liệu TTXVN

Ngay tại thủ đô Hà Nội, dưới sự chỉ đạo của Người và Đảng, quân và dân Thủ đô đã anh dũng bước vào 60 ngày đêm "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" (từ 19/12/1946 đến 17/2/1947). Với vũ khí thô sơ, tinh thần quả cảm, các chiến sĩ Vệ quốc đoàn và tự vệ Thủ đô đã bám trụ từng con phố, từng ngôi nhà, làm tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện quý báu để các cơ quan đầu não kháng chiến và lực lượng quân đội chủ lực rút lên Việt Bắc an toàn, tạo tiềm lực ban đầu cho cuộc kháng chiến trường kỳ¹².

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp

Đến tháng 3 năm 1947, Việt Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc, là Thủ đô kháng chiến của cả nước. Từ đây, Người và Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo toàn bộ cuộc kháng chiến. Suốt những năm tháng gian khổ sau đó, Người vẫn luôn sát cánh cùng dân tộc, đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế¹³.

Với tầm nhìn xa trông rộng, Người sớm nhận ra vai trò trọng yếu của một quân đội chính quy mạnh. Năm 1948, để khẳng định vị thế và trao quyền lực cao nhất cho người chỉ huy quân đội, Người đã phong quân hàm Đại tướng cho Đồng chí Võ Nguyên Giáp, gửi gắm niềm tin tuyệt đối vào vị tướng tài ba này, giao cho ông trách nhiệm trực tiếp cầm quân để dẫn dắt quân đội ta đến thắng lợi cuối cùng¹⁴.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Người và Bộ Chính trị, cùng tài thao lược của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, quân và dân ta đã giành nhiều thắng lợi quan trọng:

Nổi bật là Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, khi ta đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của Pháp lên căn cứ địa, phá tan âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch. Chiến thắng này đã bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến¹⁵.



Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đài quan sát mặt trận Đông Khê, Chiến dịch Biên giới, ngày 16/9/1950. Ảnh: Vũ Năng An

Tiếp đó là Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người và Đại tướng Giáp tại mặt trận, đã khai thông biên giới Việt - Trung, phá thế bao vây của địch, giành quyền chủ động chiến lược và mở ra con đường liên lạc quốc tế¹⁶.

Rồi đến các chiến dịch ở Đồng bằng Bắc Bộ (Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung – 1951), Chiến dịch Hòa Bình (1951-1952), Chiến dịch Tây Bắc (1952), Chiến dịch Thượng Lào (1953), mỗi chiến dịch là một bước tiến chiến lược, tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đẩy địch lún sâu vào thế bị động¹⁷.

Đến năm 1950, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, đặc biệt là sự gia tăng can thiệp của đế quốc Mỹ. Ban đầu, cuộc kháng chiến của chúng ta chủ yếu đối đầu với thực dân Pháp. Tuy nhiên, càng về sau, đặc biệt là từ năm 1950, đế quốc Mỹ đã bắt đầu can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Họ coi cuộc chiến này là một phần của chiến lược toàn cầu chống Cộng sản, và coi Pháp là "tiền đồn" ở Đông Nam Á. Vì vậy, Mỹ đã tăng cường viện trợ tài chính và trang thiết bị quân sự không

lò cho Pháp, biến cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam thành một "cuộc chiến ủy nhiệm" của Mỹ. Tổng chi phí quân sự của Pháp tại Đông Dương phần lớn (khoảng 80%) đã được Mỹ tài trợ. Hàng trăm nghìn tấn vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ đã đổ vào Việt Nam để duy trì cuộc chiến. Trước tình hình đó, Đại hội II của Đảng (tháng 2 năm 1951) do Người chủ trì, đã xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới¹⁸.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp quyết định mở Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ (xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên cuối năm 1953). Ảnh tư liệu

Chiến dịch Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu

Đầu năm 1953, với sự viện trợ ngày càng tăng của Mỹ, Pháp lập ra Kế hoạch Navarre, một nỗ lực cuối cùng nhằm xoay chuyển cục diện chiến trường Đông Dương trong vòng 18 tháng. Mục tiêu của Navarre là

tập trung binh lực, xây dựng một khối quân cơ động lớn mạnh để giành lại quyền chủ động, tiến hành các cuộc tấn công lớn nhằm tiêu diệt chủ lực của ta và kết thúc chiến tranh bằng một thắng lợi quân sự quyết định. Trong kế hoạch này, Điện Biên Phủ được chọn làm cứ điểm then chốt để nghiền nát quân chủ lực của ta¹⁹.

Tuy nhiên, trước sự chỉ đạo chủ động, linh hoạt của Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tư lệnh, cùng sự chiến đấu kiên cường, dũng cảm của quân và dân ta, Kế hoạch Navarre ngay lập tức bị phá sản bởi những đòn tiến công chiến lược của ta trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954.

Dưới sự lãnh đạo của Người và Bộ Chính trị, quân và dân ta đã chủ động mở các cuộc tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng, buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động để đối phó, làm suy yếu kế hoạch Navarre: Ta mở chiến dịch tiến công Lai Châu, giải phóng hoàn toàn tỉnh này, buộc địch phải tăng cường lực lượng cho Điện Biên Phủ. Quân ta tiến sang Trung Lào, giải phóng phần lớn tỉnh Khăm Muộn và mở rộng vùng giải phóng ở Lào. Tiếp đó, ta tấn công Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia, gây áp lực lớn lên tuyến hành lang chiến lược của Pháp. Cuộc tiến công vào Bắc Tây Nguyên đã giải phóng Kon Tum, buộc địch phải điều quân từ Điện Biên Phủ và các nơi khác xuống để cứu vãn tình thế²⁰.

Chính chuỗi các cuộc tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954 này đã làm thất bại âm mưu tập trung binh lực của Navarre, buộc Pháp phải xé lẻ khối quân cơ động ra nhiều nơi để đối phó. Đây là những đòn đánh có tính chiến lược, tạo ra một thế trận có lợi, đẩy quân Pháp vào thế bị động, lúng túng trên khắp các chiến trường, mà đỉnh điểm của sự sa lầy chính là việc Navarre phải dồn quân chủ lực lên Điện Biên Phủ, biến nơi đây thành tập đoàn cứ điểm không lỏ với mục đích tiêu diệt "chủ lực Việt Minh".

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được thực dân Pháp và đế quốc Mỹ dồn sức xây dựng kiên cố chưa từng có, với 49 cứ điểm chia thành 8 cụm, trang bị hỏa lực mạnh mẽ và hệ thống công sự vững chắc. Với sự hậu thuẫn và viện trợ khổng lồ từ Mỹ, Pháp đã tập trung hơn 16.000 quân tinh nhuệ cùng hàng trăm máy bay, pháo binh hiện đại. Tướng Navarre và giới quân sự Pháp tự tin tuyên bố Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm", là "cối xay thịt" sẽ nghiền nát chủ lực Việt Minh. Điều này cho thấy, Chiến dịch Điện Biên Phủ không chỉ là cuộc đối đầu giữa Việt Nam và thực dân Pháp, mà còn là cuộc thử lửa với sức mạnh vật chất và ý chí của đế quốc Mỹ đứng đằng sau²¹.

Trong bối cảnh đó, Người đã trao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp toàn quyền quyết định ở mặt trận, một sự ủy quyền vô cùng lớn lao thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối. Trước khi Đại tướng ra chiến trường, Người dặn dò một câu nói lịch sử, thể hiện rõ tầm nhìn và nguyên tắc tối thượng: "Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng, chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh!"²².



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí trong Bộ Chỉ huy chiến dịch họp bàn kế hoạch tác chiến Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Ảnh tư liệu

Lời dặn dò của Người đã trở thành kim chỉ nam cho quyết định táo bạo nhưng sáng suốt của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ban đầu, Bộ Chỉ huy Chiến dịch dự định "đánh nhanh thắng nhanh" trong 2-3 ngày. Quân ta đã dốc toàn lực, bằng tay và xe thồ, kéo pháo lên các vị trí đã định, đưa pháo vào trận địa sẵn sàng khai hỏa. Tuy nhiên, trước tình hình địch có sự thay đổi, công sự chưa vững chắc, và để đảm bảo chắc thắng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đứng trước một quyết định khó khăn bậc nhất trong cuộc đời cầm quân của mình: quyết định kéo pháo ra, chuyển từ phương châm "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Trong khoảnh khắc quyết định lịch sử ấy, Đại tướng đã nhớ như in lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "chắc thắng mới đánh". Dù phải đối mặt với áp lực lớn từ các cán bộ cấp dưới và cả các cố vấn quân sự Trung Quốc lúc bấy giờ, Đại tướng đã kiên quyết bảo vệ và thuyết phục mọi người về sự cần thiết của việc thay đổi phương châm. Ông đã khẳng định rằng, nếu không đảm bảo chắc thắng, chúng ta không thể mạo hiểm xương máu của bộ đội. Chính sự tin tưởng tuyệt đối vào lời dạy của Người, cùng với tầm nhìn chiến lược và sự kiên định của mình, Đại tướng đã biến quyết định "kéo pháo ra" tưởng chừng phi lý thành một bước ngoặt thiên tài, là minh chứng rõ nét cho sự lãnh đạo sáng suốt của Người, ngay cả trong những thời khắc then chốt và khó khăn nhất²³.

Việc kéo pháo ra khỏi trận địa, rồi lại kéo vào sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, là một kỳ tích của sức người và ý chí. Hàng chục vạn lượt dân công, thanh niên xung phong đã bắt chập bom đạn, mưa rừng, bão lũ, ngày đêm mở đường, kéo pháo, vận chuyển lương thực, đạn dược bằng đủ phương tiện thô sơ như xe đạp thồ, gánh bộ. Đó là những ngày mà ý chí Việt Nam đã biến điều không thể thành có thể, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng"²⁴.

Chính nhờ sự thay đổi phương châm và ý chí phi thường đó mà quân đội ta có thời gian đào hào, xây dựng trận địa vững chắc, siết chặt vòng vây, và cuối cùng, sau 56 ngày đêm chiến đấu gian khổ (từ 13/3/1954 -

7/5/1954), đã giành được chiến thắng vĩ đại. Quyết định của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, được soi sáng từ tư tưởng của Người, đã đảm bảo an toàn cho quân ta và dẫn đến thắng lợi hoàn toàn, làm nên "thiên sử vàng" Điện Biên Phủ²⁵.



Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ảnh tư liệu

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" tung bay trên nóc hầm De Castries. Chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" không chỉ là thắng lợi quân sự vĩ đại của Việt Nam, mà còn là một đòn giáng chí tử vào chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. Đặc biệt, nó cũng là thất bại nặng nề đầu tiên của một cường quốc phương Tây được Mỹ hậu thuẫn mạnh mẽ trong cuộc chiến chống phong trào giải phóng dân tộc²⁶.

Chiến thắng này đã đánh sập hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp, buộc Pháp phải từ bỏ ý định cai trị Việt Nam và mở ra một kỷ nguyên mới cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn cầu. Nhiều nước bị áp bức ở châu Á, châu Phi, và Mỹ Latinh đã lấy chiến thắng Điện Biên Phủ làm nguồn cảm hứng, niềm tin và động lực để đứng lên đấu tranh giành

độc lập, tự do. Tầm vóc quốc tế của chiến thắng này chính là ở chỗ nó đã báo hiệu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ, đồng thời khẳng định tầm vóc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo một dân tộc nhỏ bé đánh thắng một đế quốc lớn với sự hỗ trợ của một siêu cường.

Ngay sau chiến thắng, trên mặt trận ngoại giao, sau hơn 2 tháng đấu tranh gay go, phức tạp, ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Genève về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam và Đông Dương được ký kết. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Người, phái đoàn Việt Nam đã đấu tranh kiên cường trên bàn đàm phán, bảo vệ lợi ích quốc gia. Hiệp định chính thức chấm dứt chiến tranh, buộc các bên tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Lào, Việt Nam, Campuchia²⁷.



Hội nghị Geneve 1954 bàn về lập lại hòa bình ở Đông Dương - Ảnh tư liệu

Tuy nhiên, Hiệp định cũng quy định chia Việt Nam thành hai vùng tập kết quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải), với hai chính quyền khác nhau ở hai miền, và ấn định tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956. Đây là một sự chia cắt đầy đau lòng và tạm thời, là kết quả của sự dàn xếp của các cường quốc và sự phức tạp của tình hình quốc tế lúc bấy giờ, khi chúng ta phải đối mặt với nhiều áp lực từ bên ngoài. Mặc dù vậy, Hiệp định Genève đã giúp chấm dứt đổ máu, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam, với miền Bắc hoàn toàn giải phóng, trở thành hậu phương vững chắc cho công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước sau này. Non sông tuy chia cắt tạm thời, nhưng độc lập và tự do đã giành được, mở ra một chương mới cho lịch sử dân tộc²⁸.

Từ năm 1945 đến 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Cha già dân tộc không chỉ là ngọn cờ đầu mà còn là linh hồn, là kiến trúc sư vĩ đại, đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam vượt qua bao thử thách, giành lại độc lập, tự do và đặt nền móng vững chắc cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này. Vai trò của Người là xuyên suốt, là trung tâm của mọi thắng lợi, mãi mãi in đậm trong trái tim mỗi người con đất Việt./.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương. Một số vấn đề về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr. 145-147.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 122-124.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 125.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 126-127.

[5] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 3 (1945-1947)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 30-35.

[6] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 3 (1945-1947)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 36-40.

[7] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 129.

[8] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 165-167.

[9] Võ Nguyên Giáp. *Những chặng đường lịch sử*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2001, tr. 78.

[10] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 288-290.

[11] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 4*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 480-481.

[12] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 136-138.

[13] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 140-142.

[14] Võ Nguyên Giáp. *Điện Biên Phủ. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*, 1964, tr. 10.

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 143-145.

[16] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 150-152.

[17] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 154-160.

[18] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 7*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 56-62.

[19] Bộ Quốc phòng. *Lịch sử kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1994, tr. 450-455.

[20] Bộ Quốc phòng. *Lịch sử kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1994, tr. 460-470.

[21] Võ Nguyên Giáp. *Điện Biên Phủ*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1964, tr. 50-60.

[22] Võ Nguyên Giáp. *Điện Biên Phủ*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1964, tr. 80.

[23] Võ Nguyên Giáp. *Điện Biên Phủ*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1964, tr. 95-105.

[24] Trần Can. *Người con trai Điện Biên*, Nhà xuất bản Kim Đồng, 2004, tr. 50-55.

[25] Bộ Quốc phòng. *Lịch sử kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1994, tr. 550-555.

[26] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 9, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 320-321.

[27] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 173-175.

[28] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 175-176.

*Sách nói*

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LINH HỒN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Hà Nội rực rỡ cờ hoa, hân hoan trong ngày giải phóng, nhưng lòng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn mang nặng trĩu những nỗi niềm. Hiệp định Genève vừa ký kết, đất nước chia đôi, dòng Bến Hải nghiệt ngã như vết cửa chia cắt máu thịt anh em. Từ căn nhà nhỏ ở Bắc Bộ Phủ, Người trầm ngâm nhìn ra khoảng sân, nếp nhăn trên trán hằn sâu nỗi lo toan. Người biết rõ, đây không phải là kết thúc, mà là sự khởi đầu cho một cuộc đấu tranh cam go hơn bội phần.

Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng hai miền

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi với đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (7/5/1954) đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam: Hòa bình độc lập ở Đông Dương, và đặc biệt, miền Bắc Việt Nam được giải phóng khỏi ách đế quốc. Tuy nhiên, ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng "hắt cẳng" thực dân Pháp, âm mưu biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, chuẩn bị gây lại chiến tranh, tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước xã hội chủ nghĩa¹.

Đây chính là cuộc đối đầu lịch sử trực diện giữa hai hệ tư tưởng lớn của thế giới trong thế kỷ XX: phe tư bản chủ nghĩa (do Mỹ đứng đầu, muốn ngăn chặn cộng sản) và phe xã hội chủ nghĩa (do Liên Xô, Trung

Quốc đứng đầu). Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng và thống nhất đất nước. Miền Nam Việt Nam trở thành tâm điểm nóng của cuộc Chiến tranh Lạnh toàn cầu.



Bác Hồ nói chuyện với các chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên Phong tại đền Giếng, Đền Hùng, Phú Thọ, ngày 19-9-1954. Ảnh tư liệu

Trước tình hình mới, Người cùng Trung ương Đảng đã vạch ra hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành: xây dựng miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa để trở thành hậu phương vững chắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc - dân chủ - nhân dân trong cả nước. Đây là một đường lối sáng suốt, thể hiện tầm nhìn chiến lược vĩ đại của Người, nhận định đúng bản chất thời cuộc và con đường duy nhất để giải phóng dân tộc². Trong không khí dạt dào niềm vui chiến thắng, miền Bắc được giải phóng, Người cùng Trung ương Đảng và Chính phủ vui mừng về lại Thủ đô. Trên đường về Hà Nội, ngày 19/9/1954, Người ghé thăm Đền Hùng và gặp các cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn Quân Tiên phong chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô. Tại đây, Người đã nói chuyện với các cán bộ và chiến sĩ những lời bất hủ, vang vọng ngàn

năm: "... Ngày xưa các vua Hùng đã có công dựng nước, ngày nay bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước..." Lời căn dặn ấy không chỉ là sự nhắc nhở về truyền thống dựng nước và giữ nước mà còn là lời hiệu triệu thiêng liêng về trách nhiệm của thế hệ hiện tại trước vận mệnh dân tộc³.

Ngày 11/10/1954, Người về đến Hà Nội. Trong ngày này, Người đã ra lời kêu gọi đồng bào Hà Nội ra sức giữ gìn trật tự an ninh, nhanh chóng ổn định đời sống. Ngày 12/10/1954, Người chủ trì phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ tại Hà Nội, sau 8 năm xa cách thủ đô đi kháng chiến. Sáng 31/12/1954, Người cùng Đoàn đại biểu Đảng, Nhà nước đến đặt vòng hoa tại nghĩa trang liệt sĩ. Mở đầu lễ viếng, Người nói: "Ngày mai là năm mới, là ngày đồng bào và bộ đội vui mừng Chính phủ về Thủ đô. Trong lúc cả nước vui mừng, mọi người đều thương tiếc và nhớ ơn các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc"⁴.



Chủ tịch Hồ Chí Minh (giữa), Đại tướng Võ Nguyên Giáp (thứ 2 từ trái sang) cùng các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ra mắt quốc dân đồng bào trong buổi lễ tại quảng trường Ba Đình ngày 1/1/1955. (Ảnh: TTXVN)

Và rồi ngày 01/01/1955, trên quảng trường Ba Đình lịch sử, 25 vạn đồng bào Hà Nội thay mặt nhân dân cả nước vui mừng đón chào Người và Chính phủ về Thủ đô, đánh dấu một kỷ nguyên mới cho miền Bắc.

Sau khi được hoàn toàn giải phóng, miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm “xoá bỏ chế độ người bóc lột người ở nước ta, nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân. Đó là một cuộc cách mạng vĩ đại và vẻ vang trong lịch sử loài người, nhưng đồng thời cũng là một cuộc cách mạng gay go, phức tạp và khó khăn nhất”. Người đã nhận định và chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, và Người nói: “Những khó khăn tuy to và nhiều, nhưng đều thuộc tính chất tương đối tạm thời. Toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm thì nhất định khắc phục được”⁵.

Tháng 7/1955, Hội nghị bàn về sản xuất cứu đói được triệu tập. Tại Hội nghị này, Người đã phân tích sâu sắc nguyên nhân gây ra nạn đói là do chính sách bóc lột và thống trị của bọn đế quốc, phong kiến đối với nhân dân ta. Người nhấn mạnh chính sách của Đảng và Chính phủ lúc này là phải hết sức chăm lo đến đời sống của nhân dân. Người nói những lời thấu tận tâm can: “Nếu dân đói Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân đốt Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi... Nếu dân đói, rét, đốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được”. Lời nói ấy không chỉ thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đời sống nhân dân mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước⁶.

Trải qua những cuộc vật lộn với bao thử thách, khó khăn nặng nề, miền Bắc dần dần đi vào ổn định, sinh hoạt của nhân dân trở lại bình thường. Trung ương Đảng, đứng đầu là Người, đã tập trung lãnh đạo nhân dân ta ra sức khôi phục kinh tế, nâng cao sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh để ổn định kinh tế và bước đầu thực hiện nâng cao đời sống của nhân dân. Đồng thời Người còn coi việc chấn chỉnh công tác văn hóa xã hội là một trong những nhiệm vụ cấp bách cần phải tiến hành đồng thời với các nhiệm vụ khác. Việc củng cố, chấn chỉnh nền giáo dục phổ thông và đại học, đào tạo đội ngũ cán bộ giáo dục vừa có trình độ chính trị vững vàng, vừa có trình độ chuyên môn khá phải được tiến hành càng sớm càng tốt, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển sự nghiệp đất nước.



*Bác Hồ với thiếu nhi và cán bộ miền Nam tập kết ở Hà Nội năm 1956.
Ảnh tư liệu*

Đặc biệt, với tầm nhìn chiến lược sâu rộng, Người đã chỉ đạo việc đón hàng vạn con em cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Nam ra miền Bắc học tập. Đây là một quyết định mang tính chiến lược về đào tạo nhân lực cho tương lai cách mạng. Người muốn chuẩn bị một thế hệ cán bộ tài năng, trung kiên, hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng trở về phục vụ quê hương miền Nam khi thời cơ đến. Những "hạt giống cách mạng" ấy sẽ là lực lượng nòng cốt cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước sau này⁷.

Để động viên nông dân thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, Người đã dành nhiều thời gian đi thăm nhiều cơ sở sản xuất. Dấu chân của Người đã in trên nhiều đồng ruộng miền Bắc. Đến với các nơi, Người thường nói: “Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu CNXH thì phải yêu lao động, vì không lao động thì chỉ là nói suông”. Người luôn nêu gương cần cù, giản dị, lo trước quần chúng, vui sau quần chúng. Trong những năm kháng chiến chống Pháp cũng như sau hòa bình lập lại, khi còn ở trong rừng cũng như lúc về Hà Nội, Người luôn luôn làm việc chăm chỉ, kế hoạch, đúng giờ giấc. Sinh hoạt của Người vẫn giản

dị, đơn sơ. Đạo đức và tác phong của Người đã động viên nhân dân ta quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, anh dũng để phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Ngày 14/7/1957, lần đầu tiên kể từ khi rời quê hương, Người về thăm lại quê nhà. Đồng bào trong tỉnh Nghệ An đã đón tiếp Người bằng những tình cảm vô cùng thân mật và đầm ấm. Nói chuyện với đồng bào Nghệ An, Người nói: "Tôi là một người con của tỉnh nhà đã hơn 50 năm xa cách quê hương. Hôm nay là lần đầu tiên trở về thăm quê hương tỉnh nhà. Có thể nói là: Quê hương nghĩa nặng tình sâu - Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình". Gặp gỡ đồng bào, bà con, Người ân cần thăm hỏi sức khỏe, tình hình sản xuất đời sống, căn dặn bà con đoàn kết phấn đấu, không ngừng vươn lên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Bốn năm sau, ngày 08/12/1961, Người lại một lần nữa về thăm quê hương. Làm việc với Tỉnh ủy Nghệ An, Người căn dặn các đồng chí trong Tỉnh ủy cần quan tâm hơn nữa đến việc phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, trồng cây công nghiệp⁸.

Công cuộc khôi phục kinh tế ở miền Bắc bắt đầu từ giai đoạn 1955 - 1957 đã cơ bản hoàn thành thắng lợi. Người đã nhận định: "Các cơ sở sản xuất cũ đã được khôi phục, nhiều nhà máy mới đã được dựng lên, mức sản xuất của nhiều ngành đã đạt mức trước chiến tranh. Lương thực đã vượt xa mức đó. Hoạt động kinh tế trong nước trở lại bình thường, hoạt động văn hoá bước đầu phát triển, đời sống nhân dân đã được cải thiện bước đầu"⁹.

Sau khi hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế ở miền Bắc, Người lại tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960). Năm 1959, Người phát động "Tết trồng cây" làm cho đất nước càng ngày càng xuân. Người đặc biệt quan tâm giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, Đảng viên và

nhân dân ta. Năm 1958, lấy bút danh là Trần Lực, Người viết tác phẩm “Đạo đức cách mạng”. Đồng thời, Người cũng rất chăm lo xây dựng đội ngũ thanh thiếu niên nước ta thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, Người nói: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”¹⁰.



Chủ tịch Hồ Chí Minh trồng cây ở Công viên Thống Nhất, Hà Nội, ngày 11-1-1960. Ảnh: Tư liệu

Đầu năm 1960, trong không khí toàn Đảng, toàn dân ta thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đảng ta tròn 30 tuổi và đón chào Đại hội Đảng lần thứ III, Người viết bài: “Ba mươi năm hoạt động của Đảng”. Đây là một văn kiện tổng kết lịch sử Đảng ta qua 30 năm đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang¹¹.

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ III họp tại Hà Nội. Trong lời khai mạc Đại hội, Người chỉ rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống

nhất nước nhà”. Đại hội đã vạch ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đường lối cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về phát triển kinh tế - văn hoá theo con đường xã hội chủ nghĩa. Người được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần III, nhân dân miền Bắc càng thêm phấn khởi, tin tưởng, cụ thể là ra sức tiến hành ba cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa¹².

Trong khi miền Bắc vững bước tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thì ở miền Nam cuộc đấu tranh của đồng bào ta chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai ngày càng phát triển. Nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Người đối với cách mạng miền Nam, quân và dân miền Nam đã từng bước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ra sức xây dựng lực lượng, củng cố phong trào, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy xe lửa Gia Lâm ngày 19/5/1955.
Ảnh tư liệu*

Ngày 06/7/1956, Người gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước kiên quyết đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Bằng những lời lẽ thống thiết, mong muốn nước nhà sớm thống nhất, Người kêu gọi: “Hỡi đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài...nay chúng ta phải đoàn kết thi cuộc đấu tranh chính trị của chúng ta nhất định thắng lợi, nước nhà nhất định thống nhất”¹³.

Ngay sau Hiệp định Genève, tình hình miền Nam trở nên cực kỳ phức tạp. Đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định, từ chối tổng tuyển cử, đàn áp dã man những người yêu nước, đặc biệt là những người kháng chiến cũ và gia đình họ. Chúng thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng", ban hành Đạo luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam, gây ra những tổn thất nặng nề cho lực lượng cách mạng và nhân dân¹⁴.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng, đứng đầu là Người, đã nhận định rõ: con đường duy nhất để giải phóng miền Nam là đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị. Đối với miền Nam trong giai đoạn 1954-1960, nhiệm vụ cách mạng được xác định là: tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tức là đánh đổ đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới, xây dựng một chế độ dân chủ tiến bộ, sau đó tiến tới thống nhất đất nước. Đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, đòi hỏi sự kiên cường và hy sinh to lớn¹⁵.

Nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Người đối với cách mạng miền Nam, quân và dân miền Nam đã từng bước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ra sức xây dựng lực lượng, củng cố phong trào, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Ban đầu, phong trào đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị, đòi hỏi thi hành Hiệp định Genève, đòi tự do dân chủ, chống lại các chính sách đàn áp của địch. Nhưng trước sự khủng bố ngày càng tàn bạo của địch, nhiều cuộc nổi dậy tự phát đã nổ ra, cho thấy một sự thay đổi tất yếu trong hình thức đấu tranh. Đỉnh cao của giai đoạn này chính là Phong trào Đồng Khởi ở miền Nam¹⁶.

Sau những tổn thất nặng nề do chính sách "tố cộng, diệt cộng", trước yêu cầu bức thiết của cách mạng, tháng 1 năm 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp và ra nghị quyết quan trọng. Nghị quyết này khẳng định con đường cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Đây là một quyết định lịch sử, đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân miền Nam¹⁷.

Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, phong trào đấu tranh của quần chúng miền Nam đã chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị, từ giữ vững lực lượng sang thế tiến công, mà tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi. Tháng 1/1960, cuộc Đồng Khởi bùng nổ ở Mỹ Tho, Bến Tre, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Thị Định chỉ huy. Từ Bến Tre, phong trào nhanh chóng lan rộng ra các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và cả Tây Nguyên. Hàng triệu lượt người đã vùng lên khởi nghĩa, phá tan ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn. Nhiều "ấp chiến lược" của địch bị phá vỡ, các cơ quan chính quyền Ngô Đình Diệm ở cơ sở bị tê liệt, tan rã⁸.



*Phong trào Đồng Khởi bùng nổ tại tỉnh Bến Tre, bắt đầu từ ngày 17/1/1960.
Ảnh tư liệu*

Phong trào Đồng Khởi đã làm phá sản một mảng lớn chính sách "bình định" của Mỹ - Ngụy, làm rung chuyển tận gốc rễ chính quyền Sài Gòn ở nông thôn, gây ra sự khủng hoảng sâu sắc cho chính quyền Diệm. Từ thế giữ gìn lực lượng, bị động chống đỡ, cách mạng miền Nam đã chuyển hẳn sang thế tiến công, làm thay đổi cục diện chiến trường.

Trong cao trào cách mạng đó, thực hiện chủ trương của Người, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Mặt trận đã thông qua chương trình hành động gồm 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm nhằm mục đích giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Sự ra đời của Mặt trận đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân yêu nước dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc¹⁹.

Đối đầu với "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ"

Trước tình hình leo thang chiến tranh ác liệt của đế quốc Mỹ, ngày 27/3/1964, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Chính trị đặc biệt tại Hà Nội. Hội nghị này được ví như "Hội nghị Diên Hồng thứ hai" trong lịch sử dân tộc. Tại đây, Người đã tổng kết 10 năm xây dựng miền Bắc, nhấn mạnh những thành tựu to lớn và những khó khăn, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ chống Mỹ trong tình hình mới, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Người kêu gọi đồng bào miền Bắc "Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt". Nhờ đó phong trào cách mạng miền Nam đã phá tan cuộc "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ²⁰.

Bị thua đau ở miền Nam, Mỹ bắt đầu mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ngày 05/8/1964, chúng liêu lĩnh cho máy bay, tàu chiến bắn phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Người

kêu gọi “lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước. Tất cả chúng ta hãy đoàn kết, nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”²¹.



*Chiến thuật "trục thẳng vận" của Mỹ thất bại nặng nề trong trận Ấp Bắc.
Ảnh tư liệu*

Ngày 29/6/1966, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng không quân lớn ném bom ở Hải Phòng và Hà Nội, tiến hành cuộc leo thang mới cực kỳ nghiêm trọng. Ngày 17/7/1966, Người ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Lời kêu gọi “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã trở thành kim chỉ nam, là ngọn cờ tập hợp và truyền cảm hứng cho toàn dân tộc. Cùng với toàn quân, nhân dân miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Người, đã đẩy lên phong trào thi đua chống Mỹ cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu với khí thế vô cùng mạnh mẽ²².

Hơn thế nữa, Người còn có những dự đoán thiên tài về cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ ra miền Bắc. Ngay từ năm 1965,

khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, Người đã sớm nhận định rằng: "Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua". Lời dự đoán này không chỉ thể hiện sự thấu hiểu sâu sắc bản chất hiếu chiến của đế quốc Mỹ mà còn là một tầm nhìn chiến lược vĩ đại. Cụ thể hơn, vào cuối năm 1967, đầu năm 1968, trong một cuộc họp Bộ Chính trị, Người đã chỉ thị: "Mỹ sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, có thua nó mới chịu thua. Các chú phải nghiên cứu cách đánh B.52". Và tháng 5/1968, Người nhắc lại: "Sớm muộn rồi Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh phá Hà Nội, các chú nên nhớ, trước khi thua ở Việt Nam, Mỹ sẽ đánh Hà Nội, nhưng chúng sẽ thất bại ở đó". Nhờ những dự đoán sớm và chính xác này, quân và dân ta đã có sự chuẩn bị chu đáo về lực lượng, vũ khí, và phương án tác chiến, đặc biệt là xây dựng lưới lửa phòng không nhiều tầng, nhiều lớp để đón đánh máy bay B.52²³.

Tâm vóc của Người còn thể hiện rõ nét trong đường lối ngoại giao đối ngoại, tranh thủ tối đa sự ủng hộ và nguồn lực quốc tế. Trong bối cảnh thế giới có nhiều phức tạp, đặc biệt là sự mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Người đã khéo léo vận dụng đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa quan hệ để tranh thủ sự giúp đỡ vật chất và tinh thần từ cả hai cường quốc xã hội chủ nghĩa này. Người đã có nhiều chuyến công du, gặp gỡ các nhà lãnh đạo quốc tế, giải thích rõ bản chất cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam, kêu gọi lương tri nhân loại ủng hộ. Những hoạt động này đã giúp Việt Nam nhận được một lượng lớn vũ khí, lương thực, thuốc men và sự hỗ trợ về kỹ thuật, góp phần quan trọng vào việc tăng cường sức mạnh chiến đấu²⁴.

Mậu Thân 1968: Cú đấm thép tạo bước ngoặt chiến lược

Toàn bộ quá trình phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta qua các giai đoạn đã dẫn tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 long trời chuyển đất, mà trong lời chúc tết năm đó, Người đã khẳng định: "Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua". Đây là một dấu ấn lịch sử không thể phai mờ, mang đậm dấu ấn tư duy chiến lược của Người. Dựa trên Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng (tháng 1/1968), khẳng định quyết tâm "thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước", ta đã mở một đòn tấn công bất ngờ và đồng loạt trên khắp các đô thị miền Nam, đặc biệt là Sài Gòn, Huế²⁵.

Dù mục tiêu tổng khởi nghĩa chưa hoàn thành, nhưng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã tạo ra những tác động vô cùng to lớn. Cuộc tiến công đánh thẳng vào các trung tâm đầu não của địch, kể cả Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, đã làm chấn động nước Mỹ và thế giới. Nó chứng minh rằng không có nơi nào ở miền Nam là an toàn đối với quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn, bác bỏ hoàn toàn những tuyên bố lạc quan về tình hình chiến tranh của giới chức Mỹ²⁶.



Quân giải phóng tấn công sân bay Tân Sơn Nhất trong chiến dịch Mậu Thân 1968. Ảnh tư liệu

Mậu Thân 1968 đã phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ. Những hình ảnh khốc liệt và sự thật về cuộc Tổng tiến công đã gây sốc lớn cho công chúng Mỹ. Niềm tin của người dân Mỹ vào cuộc chiến bị lung lay nghiêm trọng, tạo nên một làn sóng biểu tình, phản đối chiến tranh mạnh mẽ chưa từng có. Đây là áp lực chính trị cực lớn buộc chính quyền Mỹ phải thay đổi chính sách²⁷.

Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường và áp lực từ dư luận trong nước, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson đã phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31/3/1968) và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Paris. Điều này đã mở ra cục diện "vừa đánh, vừa đàm", đánh dấu một bước ngoặt chiến lược trong cuộc kháng chiến. Mậu Thân 1968 đã giúp cách mạng Việt Nam tranh thủ được sự ủng hộ mạnh mẽ hơn từ các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Nó phơi bày bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, khiến nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế và nhân dân yêu chuộng hòa bình đứng về phía Việt Nam, tạo thêm nguồn lực và áp lực quốc tế lên Mỹ. Đây là sự kế thừa và phát huy tầm nhìn ngoại giao của Người²⁸.

Giữa cao trào Tổng tiến công và nổi dậy đều khắp của quân và dân ta, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam ra đời. Người coi đó là “một thắng lợi to lớn của chính sách đoàn kết toàn dân chống Mỹ, cứu nước, làm cho bọn Mỹ Ngụy càng lộ rõ bộ mặt cướp nước và bán nước của chúng”. Để đáp ứng yêu cầu to lớn của cuộc chiến đấu và nguyện vọng toàn dân, ngày 6/6/1969, các lực lượng yêu nước ở miền Nam đã họp Đại hội đại biểu quốc dân, nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ²⁹.

Trong bức điện ngày 11/6/1969, thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đã gửi lời chào mừng đến Chính phủ Cách mạng lâm thời và Hội đồng cố vấn. Bị thua đau ở cả hai miền Nam - Bắc, Chính phủ Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phải nói chuyện với đại diện Chính phủ ta và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại hội nghị 4 bên ở Paris. Sau 4 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta. Người đánh giá: “Thắng lợi đó là thắng lợi của đường lối

cách mạng đúng đắn của Đảng ta, thắng lợi của lòng yêu nước nồng nàn và sức mạnh của toàn dân đoàn kết chiến đấu, quyết thắng, thắng lợi của chế độ XHCN tốt đẹp. Đó là thắng lợi chung của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc. Đó cũng là thắng lợi của nhân dân các nước anh em và bè bạn ta khắp năm châu”³⁰.

Di chúc thiêng liêng soi đường cách mạng

Từ bao năm qua, Người luôn dành muôn vàn tình thương yêu cho nhân dân ta ở miền Nam, thể hiện từ việc chăm sóc các cháu thiếu niên nhi đồng tập kết ra Bắc, đến việc vun trồng cây vú sữa của đồng bào miền Nam tặng Người. Người từng rơi lệ những khi nghe tin đồng bào miền Nam bị giặc Mỹ và tay sai giết hại. Người rất xúc động khi ôm hôn những đại biểu đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, tháng 10/1962, Người nói: "Hình ảnh miền Nam yêu quý ở trong trái tim tôi"³¹.

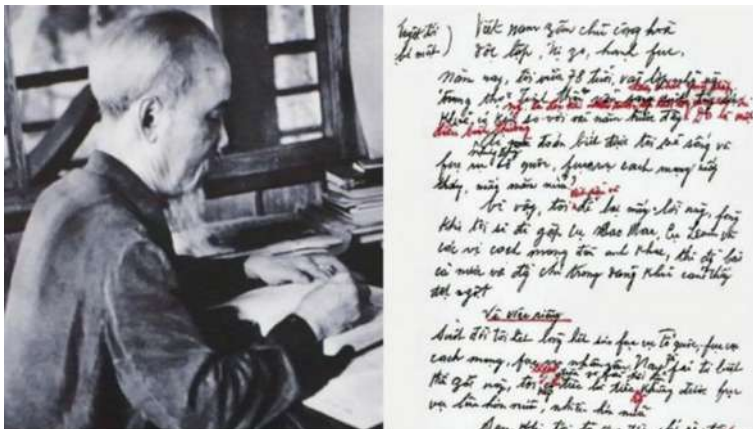


Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp các thiếu nhi dũng sĩ miền Nam tại Phủ Chủ tịch năm 1968. Ảnh: TTXVN.

Chưa giải phóng được miền Nam, Người xem như chưa làm tròn nhiệm vụ. Bởi vậy, khi được tin Quốc hội tặng Người Huân chương Sao Vàng, Người đã tỏ lòng biết ơn và đề nghị Quốc hội: "Chờ cho đến ngày

miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý ấy. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng"³².

Vậy mà, ngày 2 tháng 9 năm 1969, Người qua đời, để lại muôn vàn tiếc thương cho toàn dân tộc và bạn bè quốc tế. Tuy nhiên, trước khi ra đi, Người đã để lại một bản Di chúc lịch sử, như một bản tổng kết tư tưởng, một lời căn dặn thiêng liêng cho thế hệ mai sau, chứa đựng những tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi và định hướng lâu dài cho cách mạng Việt Nam đến năm 1975, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này.³³



Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ảnh tư liệu

Di chúc khẳng định niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, bất chấp những khó khăn, gian khổ: "Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn"³⁴. Người cũng tiên liệu: "Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà." Đây không chỉ là lời tiên đoán mà còn là mệnh lệnh thiêng liêng, tiếp thêm sức mạnh tinh thần vô tận cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tiếp tục chiến đấu cho đến ngày toàn thắng.

Mùa xuân năm 1969, trong lời thơ chúc tết, Người đã thúc giục toàn dân: “Vì độc lập, vì tự do/Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào/Tiến lên chiến sỹ đồng bào/Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”³⁵.

Di chúc chỉ rõ: "Đầu tiên là công việc đối với con người", phải chăm lo đời sống của nhân dân, giải quyết các vấn đề xã hội như thương binh, liệt sỹ, người già yếu, trẻ mồ côi. Người nhấn mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Đây là định hướng chiến lược lâu dài cho công cuộc tái thiết và phát triển đất nước sau này³⁶.

Về xây dựng Đảng là nội dung quan trọng bậc nhất trong Di chúc. Người căn dặn: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân." Lời dặn này là lời răn dạy sâu sắc, là kim chỉ nam cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống tham nhũng, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi thời kỳ³⁷.



Đơn vị pháo cao xạ bảo vệ Thủ đô đã bắn rơi nhiều máy bay B-52 trong trận 12 ngày đêm. Ảnh: TTXVN

Về đoàn kết quốc tế, Người luôn coi trọng đoàn kết quốc tế, coi đó là một nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Di chúc tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của việc củng cố và phát triển mối quan hệ đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Những lời căn dặn đó của Người đã trở thành nguồn động lực tinh thần vô tận, là kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam tiếp tục chiến đấu. Dù không còn được thấy Bác trực tiếp, nhưng tinh thần, tư tưởng, và ý chí độc lập tự chủ của Người đã thấm sâu vào mọi quyết sách, mọi hành động³⁸.



Ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã chính thức được ký kết, buộc Mỹ phải rút quân về nước.

Ảnh: TTXVN

Giải phóng miền Nam, thống nhất Đất nước

Sau khi Người mất, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, theo con đường mà Người đã vạch ra, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống lại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ. Những thắng lợi quân sự vang dội tiếp nối, đỉnh cao là Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972 ở Hà Nội và các tỉnh miền Bắc. Chính

nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ những dự đoán thiên tài của Người mà quân và dân Hà Nội đã làm nên một "Điện Biên Phủ trên không" vĩ đại, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của Mỹ trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972. Trận thắng này đã chứng minh tính đúng đắn trong tầm nhìn của Bác, và đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris vào tháng 1 năm 1973, chấm dứt chiến tranh xâm lược, và rút hết quân về nước³⁹.



Quân Giải phóng đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23 địch tại Buôn Ma Thuột, ngày 11/3/1975. Ảnh tư liệu: TTXVN.

Hai năm sau Hiệp định Paris, với tư tưởng độc lập, tự chủ và tinh thần "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào" mà Người đã định hướng, quân và dân ta đã nắm bắt thời cơ chiến lược. Vào đầu năm 1975, Bộ Chính trị đã nhận định "thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976", đồng thời nhấn mạnh "nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, phải lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975"⁴⁰.

Các chiến dịch lớn đã được triển khai thần tốc: Chiến dịch Tây Nguyên mở màn vào tháng 3 với thắng lợi Buôn Ma Thuột, tạo ra sự sụp

đổ dây chuyền của địch; tiếp đó là Chiến dịch Huế - Đà Nẵng giải phóng các thành phố lớn này. Đến ngày 9/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử chính thức bắt đầu. Đây là đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, thể hiện sự vận dụng thiên tài tư tưởng "thần tốc, táo bạo, bất ngờ" của Người. Năm cánh quân lớn của ta với khí thế "tiến như vũ bão" đã đồng loạt mở các mũi tấn công vào Sài Gòn. Từ các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, các binh đoàn chủ lực của ta đã phá vỡ tuyến phòng thủ của địch, tiến vào trung tâm thành phố. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cánh quân và tinh thần chiến đấu dũng cảm, quyết liệt của quân và dân đã làm cho chính quyền Sài Gòn nhanh chóng tan rã⁴¹.

Đúng 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, xe tăng của Quân giải phóng húc đổ cổng Dinh Độc Lập. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam kiêu hãnh tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử không chỉ là một chiến dịch quân sự đơn thuần, mà còn mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc, chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh và thực hiện trọn vẹn mong ước thống nhất đất nước của Người⁴².

Chiến dịch Hồ Chí Minh là đòn quyết định cuối cùng, kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ nhất trong lịch sử Việt Nam, buộc Mỹ phải từ bỏ hoàn toàn âm mưu thống trị miền Nam. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là thắng lợi trọn vẹn, vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam, hiện thực hóa khát vọng cháy bỏng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn dân tộc về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất từ Bắc chí Nam. Hình ảnh xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập đã trở thành biểu tượng sống mãi của độc lập và tự do. Nó đã mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội: Với thắng lợi này, dân tộc Việt Nam bước vào một thời kỳ mới, xây dựng và phát triển đất nước trong hòa bình, thống nhất⁴³.

Chiến dịch là sự vận dụng sáng tạo và thành công đường lối chiến tranh nhân dân, tư tưởng tiến công thần tốc, táo bạo, bất ngờ, và khả năng nắm bắt thời cơ chiến lược tuyệt vời mà Người đã vun đắp và truyền lại. Mặc dù Người không còn chứng kiến, nhưng tinh thần và tư tưởng của Người đã dẫn lối cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đi đến thắng lợi cuối cùng. Góp phần to lớn vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới: Thắng lợi của Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập, đóng góp vào phong trào cách mạng thế giới, làm cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ bị lung lay.



Xe tăng của Quân Giải phóng húc đổ cánh cổng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4. Ảnh tư liệu: TTXVN

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là một dấu son chói lọi, một trong những mùa xuân Đại thắng rực rỡ nhất trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Với kỳ tích này, đã kết thúc trọn vẹn 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đúng như lời Người đã nói, Tổ quốc Việt Nam đã thống nhất, đồng bào Nam Bắc đã sum họp một nhà⁴⁴.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh là linh hồn, là người Cha già vĩ đại đã dẫn dắt cả dân tộc vượt qua mọi gian khó, hy sinh để viết nên trang sử hào hùng nhất của thế kỷ 20, góp phần xây dựng nền hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Tầm vóc của Người không chỉ nằm ở những quyết sách chiến lược, mà còn ở khả năng truyền cảm hứng, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của hàng triệu con người Việt Nam, được cụ thể hóa trong những Nghị quyết mang tính lịch sử của Đảng, cùng với đường lối ngoại giao kiên cường, mềm dẻo và những dự đoán thiên tài về cục diện chiến tranh, cũng như con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này. Tư tưởng, đạo đức và di sản cách mạng vĩ đại mà Người đã để lại cho nhân dân ta, non sông Đất nước ta mãi mãi là ngọn hải đăng soi đường dẫn lối để dân tộc ta vững bước tiến cùng nhân loại tiến vào những kỷ nguyên hòa bình, thịnh vượng và phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 173-177.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 177-179.

[3] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh*, tập 5 (1951-1959), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 195-196.

[4] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh*, tập 5 (1951-1959), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 200-202.

[5] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 9, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 248-251.

[6] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 9, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 325-327.

[7] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh*, tập 5 (1951-1959), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 400-405.

[8] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 6 (1960-1969)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 102-292.

[9] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 10*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 34-36.

[10] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 11*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 208-210 và tr. 562-563.

[11] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 12*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 3-35.

[12] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 12*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 320-323.

[13] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 10*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 367-368.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 180-181.

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 184-185.

[16] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 186-187.

[17] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 187-188.

[18] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 189-191.

[19] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 191-192.

[20] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 14*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 296-302.

[21] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 14*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 367-368.

[22] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 14*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 367-368.

[23] Bộ Quốc phòng. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, tr. 250-255.

[24] Bộ Ngoại giao Việt Nam. *Ngoại giao Việt Nam (1945-2000)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 150-160.

[25] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 544.

[26] Bộ Quốc phòng. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, tr. 300-305.

[27] Bộ Quốc phòng. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, tr. 305-310.

[28] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 214-215.

[29] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 216-217.

[30] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 549-550.

[31] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 6 (1960-1969)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 350-355

[32] Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 6 (1960-1969)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 540-541

[33] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 611-615.

[34] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 612.

[35] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 544.

[36] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 612-613.

[37] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 15*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 614.

[38] Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 15, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 614-615.

[39] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 220-222.

[40] Bộ Quốc phòng. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, tr. 480-485.

[41] Bộ Quốc phòng. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, tr. 500-520.

[42] Bộ Quốc phòng. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, tr. 530-535.

[43] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 235-237.

[44] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 237.

*Sách nói*

THẬP KỶ THỬ THÁCH, BẢN LĨNH VÀ BƯỚC NGOẶT “ĐỔI MỚI” (1976 - 1986)

Thập kỷ từ 1976 đến 1986 không chỉ là một giai đoạn bản lề, mà còn là một bài kiểm tra khốc liệt về ý chí và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam sau chiến tranh. Đây là thời kỳ mà non sông vừa thống nhất, nhưng đất nước lại đứng trước muôn vàn khó khăn, từ cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới đến những trăn trở tìm lối thoát cho mô hình kinh tế bao cấp trì trệ. Chính trong gian khó ấy, ánh sáng của tư duy mới đã lóe lên, dẫn đến công cuộc Đổi mới vĩ đại, mở ra một chương hoàn toàn mới cho Việt Nam.

Thông nhất non sông

Ngay sau ngày non sông liền một dải, Việt Nam đã nhanh chóng bắt tay vào công cuộc củng cố nền tảng chính trị và xã hội. Chỉ một năm sau ngày giải phóng miền Nam, vào ngày 25/4/1976, hơn 23 triệu cử tri trên khắp cả nước, với tinh thần của những người làm chủ vận mệnh quốc gia, đã nô nức thực hiện quyền công dân của mình. Đây là cuộc Tổng tuyển cử lịch sử bầu Quốc hội khóa VI (1976-1981), Quốc hội chung của cả nước đầu tiên sau thống nhất. Sự kiện chính trị trọng đại này không chỉ đánh dấu bước thắng lợi quyết định trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, mà còn khẳng định ý chí đoàn kết và quyết tâm xây dựng một Việt Nam độc lập, thống nhất¹.



Hàng vạn nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh diễu hành chào mừng ngày bầu cử Quốc hội thống nhất đất nước 23/4/1976. Ảnh tư liệu

Tiếp nối thành công của cuộc Tổng tuyển cử, Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất diễn ra từ ngày 24/6 đến 3/7/1976 tại Hà Nội. Tại kỳ họp lịch sử này, vào ngày 2/7/1976, Quốc hội đã đưa ra những quyết định trọng đại: Chính thức lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thông qua Quốc kỳ nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng 5 cánh; Thông qua Quốc huy hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng 5 cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; Xác định Thủ đô là Hà Nội; Chọn bài “Tiến quân ca” làm Quốc ca. Đặc biệt, Quốc hội cũng ra Nghị quyết về việc chính thức đặt tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện lòng tri ân sâu sắc đối với vị lãnh tụ vĩ đại².

Ngày 31/12/1976, một khoảnh khắc đầy xúc động đã diễn ra: hai con tàu mang tên Thống Nhất đồng loạt xuất phát từ ga Hà Nội và ga Sài Gòn, bắt đầu hành trình nối liền Bắc-Nam đầu tiên sau 30 năm gián đoạn vì chiến tranh (từ năm 1936). Sau gần 80 giờ chạy, vào ngày 4/1/1977, cả hai con tàu đã tới đích, hoàn thành sứ mệnh khai thông tuyến đường sắt Bắc-Nam. Đây không chỉ là một kỳ tích về giao thông mà còn là biểu tượng sống động của sự thống nhất, nối liền những trái tim Việt Nam từ Bắc vào Nam³.

Vòng vây cấm vận và tình đồng chí khắp năm Châu

Trong bối cảnh địa chính trị vô cùng phức tạp, Việt Nam phải đối mặt với lệnh cấm vận thương mại nặng nề từ Hoa Kỳ và các nước phương Tây.

Tuy nhiên, Việt Nam không hề đơn độc! Giữa vòng vây cô lập, đất nước vẫn nhận được sự đồng hành, giúp đỡ chí tình từ nhiều quốc gia bạn bè trên thế giới, thể hiện tình đoàn kết quốc tế và ý chí vươn lên mãnh liệt của dân tộc.

Việt Nam - Lào - Campuchia: Mỗi quan hệ gắn bó keo sơn được củng cố qua Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (tháng 7/1977). Với Campuchia, Việt Nam đã cử lực lượng quân tình nguyện lớn và hỗ trợ tái thiết đất nước.

Liên Xô và Đông Âu là mối quan hệ cung cấp nguồn lực sống còn cho Việt Nam. Liên Xô viện trợ hàng tỷ USD mỗi năm, giúp Việt Nam xây dựng các công trình trọng điểm mang tính biểu tượng như Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Trị An, Cầu Thăng Long, Nhà máy Xi măng Bim Sơn. Các nước Đông Âu cũng đóng góp vào công nghiệp nhẹ và y tế. Sự hỗ trợ này giúp Việt Nam khôi phục sản xuất, xây dựng hạ tầng, đào tạo nhân lực và đảm bảo quốc phòng trong giai đoạn gian khó nhất. Ngày 19/6/1981, Hiệp định liên Chính phủ Việt Nam và Liên Xô về việc thành lập Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Việt-Xô đã được ký kết.

Đây là một quyết định có tầm nhìn chiến lược, đặt nền móng và góp phần quyết định sự phát triển của ngành dầu khí nước ta. Từ đó, Vietsovpetro đã trở thành biểu tượng hợp tác kinh tế quan trọng. Vào ngày 26/6/1986, Vietsovpetro đã khai thác tấn dầu thô đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ, mở ra kỷ nguyên mới cho ngành năng lượng Việt Nam⁴.

Dù cũng đôi mặt cấm vận, Cuba vẫn kiên định viện trợ, giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình như Khách sạn Thắng Lợi, Trại bò giống Ba Vì, Bệnh viện Việt Nam-Cuba (Đồng Hới). Tình cảm chân thành ấy được gói gọn trong câu nói bất hủ của Chủ tịch Fidel Castro: "Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu mình"⁵.



Việt Nam tham gia Phong trào Không liên kết ngày 26/8/1976. Ảnh tư liệu

Ngày 26/8/1976, tại Hội nghị cấp cao Phong trào Không liên kết lần thứ 5 ở Colombo (Sri Lanka), Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Phong trào. Sự kiện này là một bước đi chiến lược quan trọng, khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam, không tham gia vào bất kỳ khối quân sự nào trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Phong trào không liên kết là một diễn đàn lý tưởng để Việt Nam thể hiện chính sách "đa phương hóa, đa dạng hóa" quan hệ quốc tế, không phụ thuộc hoàn

toàn vào một khối hay một cường quốc nào. Trong giai đoạn này, phong trào không liên kết giúp Việt Nam tập hợp lực lượng, tìm kiếm sự đồng cảm và ủng hộ chính trị từ các quốc gia cùng cảnh ngộ (đa số là các nước đang phát triển từng là thuộc địa). Các thành viên Phong trào không liên kết đã thể hiện sự ủng hộ chính trị kiên định đối với Việt Nam⁶.

Với vai trò quan trọng trong Phong trào Không liên kết, Ấn Độ đã giúp Việt Nam tập hợp lực lượng và giảm bớt áp lực cô lập. Về kinh tế, Ấn Độ cung cấp 300.000 tấn lúa mì viện trợ khẩn cấp, giúp Việt Nam giải quyết vấn đề an ninh lương thực. Đặc biệt, Ấn Độ là một trong những quốc gia đầu tư sớm nhất vào Việt Nam sau năm 1975, thể hiện niềm tin vào tiềm năng của Việt Nam dù đang bị cấm vận⁷.

Một sự kiện ngoại giao quan trọng đã diễn ra vào ngày 20/9/1977: Việt Nam chính thức gia nhập Liên Hợp Quốc, trở thành quốc gia thành viên thứ 149 của tổ chức lớn nhất hành tinh này. Việt Nam đã chuyển mình mạnh mẽ, từ một nước cần sự hỗ trợ để tái thiết, đến nay đã trở thành đối tác ngày càng tích cực, chủ động, đóng góp thực chất vào các hoạt động của Liên Hợp Quốc⁸.



Lễ thượng cờ Việt Nam tại trụ sở Liên hợp quốc năm 1977. Ảnh tư liệu

Ở khu vực Mỹ Latinh và Châu Phi, nhiều quốc gia vừa giành độc lập như Nicaragua, Angola đã thể hiện sự ủng hộ chính trị này là vô cùng quan trọng, giúp Việt Nam giảm bớt áp lực từ sự cô lập. Ở Trung Đông, Iraq cung cấp dầu mỏ dưới dạng vay nợ vào thời điểm Việt Nam thiếu thốn năng lượng trầm trọng⁹.

Đặc biệt nhiều quốc gia Bắc Âu như Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan đã dành hàng trăm triệu đô la Mỹ viện trợ không hoàn lại (tới 91% tổng viện trợ) từ năm 1975 đến 1978, góp phần quan trọng khắc phục hậu quả chiến tranh¹⁰.

Bước ngoặt “Đổi mới” lịch sử và ánh sáng Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chính những khó khăn chồng chất về kinh tế - xã hội, sự bế tắc của mô hình kế hoạch hóa tập trung, Đảng ta đã thẳng thắn đề ra con đường “Đổi mới” Đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng diễn ra từ ngày 27 đến 31/3/1982 có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội này đã phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng đang được hình thành, báo hiệu một sự chuyển mình lớn lao. Sự thay đổi tư duy này cuối cùng đã dẫn đến quyết định Đổi mới vĩ đại tại Đại hội Đảng lần thứ VI vào tháng 12/1986¹¹.

Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn này, tư tưởng Hồ Chí Minh đã không ngừng được soi rọi và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, trở thành kim chỉ nam định hướng cho đường lối Đổi mới:

Thấm nhuần tinh thần "lấy dân làm gốc", "vì dân": Khi nền kinh tế bao cấp khiến đời sống nhân dân kiệt quệ, Đảng đã nhìn nhận lại, đổi chiều với tư tưởng "com no áo ấm" cho nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quyết định Đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, cùng các chính sách như Khoán 100, Khoán 10 trong nông nghiệp, chính là sự vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng sức lao động, phát huy quyền làm chủ và sự sáng tạo của nhân dân, nhằm nâng cao đời sống cho người dân¹².

Tôn trọng thực tiễn, không giáo điều: Tư tưởng "thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý" của Hồ Chí Minh đã được vận dụng mạnh mẽ. Những sai lầm trong mô hình bao cấp đã buộc chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá khách quan tình hình để tìm ra con đường đúng đắn, dũng cảm từ bỏ những quan niệm cũ không còn phù hợp¹³.

Phát triển tư tưởng đối ngoại "Độc lập – Tự chủ" và "Thêm bạn bớt thù": Việc nhận ra sự phụ thuộc quá mức vào Liên Xô và những hệ quả tiêu cực đã dẫn đến sự phát triển tư duy đối ngoại Hồ Chí Minh. Đại hội VI khẳng định đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, sẵn sàng "làm bạn với tất cả các nước" trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Đây là sự vận dụng sáng tạo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu và linh hoạt trong quan hệ với các cường quốc, tránh đối đầu không cần thiết¹⁴.



Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Ảnh tư liệu.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại: Nhận thức rõ xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Đại hội VI đã khẳng định cần tranh thủ tối đa các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài (vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý) để phục vụ công cuộc xây dựng đất nước, đúng như tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc kết hợp nội lực và ngoại lực¹⁵.

Thập kỷ 1976-1986 là một thập kỷ đầy cam go và thử thách, nhưng cũng là giai đoạn mà Việt Nam đã kiên cường vượt qua khó khăn, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, đồng thời thể hiện bản lĩnh và trí tuệ để tìm ra con đường phát triển phù hợp. Những chủ trương Đổi mới táo bạo tại Đại hội VI năm 1986 không chỉ là lời giải cho những bế tắc của giai đoạn trước, mà còn là ánh sáng soi đường, đặt nền móng vững chắc cho những thành tựu rực rỡ của Việt Nam trong những thập kỷ tiếp theo. Những kinh nghiệm quý báu từ giai đoạn này, đặc biệt là việc liên tục soi chiếu và vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh vào từng hoàn cảnh cụ thể, tiếp tục được vận dụng và phát huy hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37 (1976), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004, tr. 143-145.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37 (1976), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004, tr. 177-180.

[3] Bộ Giao thông Vận tải. Lịch sử đường sắt Việt Nam (1881-2010), Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2010, tr. 250-252.

[4] Bộ Ngoại giao Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam (1945-2000), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 185-190.

[5] Bộ Ngoại giao Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam (1945-2000), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 220-222.

[6] Bộ Ngoại giao Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam (1945-2000), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 210-212.

[7] Bộ Ngoại giao Việt Nam. *Ngoại giao Việt Nam (1945-2000)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 225-227.

[8] Bộ Ngoại giao Việt Nam. *Ngoại giao Việt Nam (1945-2000)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 213-214.

[9] Bộ Ngoại giao Việt Nam. *Ngoại giao Việt Nam (1945-2000)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 228-230.

[10] Nguyễn Dy Niên. *Ngoại giao Việt Nam - Nhìn lại 60 năm*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2005, tr. 160-162.

[11] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 43 (1982) và tập 47 (1986)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004.

[12] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 47 (1986)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004, tr. 300-305.

[13] Ban Tuyên giáo Trung ương. *Giáo trình Lý luận chính trị Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 150-155.

[14] Bộ Ngoại giao Việt Nam. *Ngoại giao Việt Nam (1945-2000)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 230-240.

[15] Ban Tuyên giáo Trung ương. *Giáo trình Lý luận chính trị Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017, tr. 160-165.



Sách nói

VIỆT NAM HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (1986 - ĐẾN NAY)



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với các đại biểu dự Đại hội Đảng VI - Đại hội "Đổi mới" của Việt Nam, diễn ra tại Hà Nội từ ngày 15-18/12/1986, với chủ đề: "Hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để".

Ảnh: TTXVN

Gần 40 năm kể từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 12/1986, công cuộc Đổi mới đã trở thành hành trình vĩ đại, biến Việt Nam từ một quốc gia đứng trước bờ vực khủng hoảng thành một nền kinh tế năng động và có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Đây là minh chứng rõ ràng cho ý chí và năng lực của một dân tộc kiên cường, không ngừng học hỏi và đổi mới.

Vượt qua khủng hoảng và đặt nền móng hội nhập (1986 - 1995)

Giai đoạn mở đầu của Đổi mới là cuộc chiến sinh tồn để thoát khỏi tình trạng kinh tế suy kiệt và phá vỡ thế bao vây, cấm vận. Việt Nam khi đó chìm trong khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng với lạm phát phi mã lên tới 774,7% (năm 1986)¹, sản xuất đình trệ, hàng hóa khan hiếm và đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Thêm vào đó, việc bị bao vây cấm vận kinh tế cùng với thiếu hụt viện trợ quốc tế đã làm tình hình thêm phức tạp.



Ngày 11/7/1995, Việt Nam và Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Ảnh TTXVN

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, "kiến trúc sư trưởng" của Đổi mới². Đại hội VI của Đảng đã thể hiện sự dũng cảm và quyết tâm đổi mới tư duy, kiên quyết

xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Ông đã khơi dậy tinh thần "dám nghĩ, dám làm" từ cơ sở, đặc biệt là từ TP. Hồ Chí Minh, để tiến tới những quyết sách mang tính đột phá: "cởi trói" cho sản xuất, khuyến khích kinh tế nhiều thành phần, và ưu tiên phát triển nông nghiệp để giải quyết vấn đề lương thực cấp bách.

Những thành công mang tính sống còn: Kiểm chế lạm phát từ mức ba con số xuống một con số, ổn định kinh tế vĩ mô³; Việt Nam từ nước nhập khẩu lương thực đã tự túc và bắt đầu xuất khẩu gạo từ năm 1989, chấm dứt nạn đói kinh niên⁴; Ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (1987), thu hút những dòng vốn FDI đầu tiên, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển⁵.

Đặc biệt, trong giai đoạn này, Việt Nam bình thường hoá quan hệ với các nước lớn và chủ động mở rộng hội nhập quốc tế. Sau khi bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991)⁶, dấu mốc quan trọng là việc Hoa Kỳ dỡ bỏ cấm vận thương mại vào tháng 2/1994⁷. Tiếp đó, vào tháng 7/1995, Hoa Kỳ và Việt Nam chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao⁸, mở ra cơ hội lớn cho hợp tác kinh tế và đối ngoại.



Ngày 28/7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN. Ảnh: TTXVN

Gia nhập ASEAN vào năm 1995⁹, đã đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của Việt Nam với khu vực và khởi đầu kỷ nguyên hội nhập mới. Dù nền kinh tế còn non yếu và thể chế kinh tế thị trường còn sơ khai, việc vượt qua khủng hoảng và đặt nền móng là thành công mang tính sống còn, tạo tiền đề vững chắc cho các giai đoạn phát triển sau này.

Đẩy mạnh Công nghiệp hóa, Hiện đại hoá Đất nước (1996 - 2010)

Sau khi thoát khỏi khủng hoảng, Việt Nam bước vào giai đoạn tăng tốc phát triển, đặt mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Thách thức lớn nhất là làm sao để nâng cao năng lực cạnh tranh khi Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn, đặc biệt sau tác động của khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998.

Giai đoạn này tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Các nhà lãnh đạo chủ chốt như Thủ tướng Võ Văn Kiệt ("tổng công trình sư" của nhiều dự án chiến lược như đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam)¹⁰ và Thủ tướng Phan Văn Khải ("kiến trúc sư" của quá trình hội nhập, với việc ban hành Luật Doanh nghiệp 1999 "cởi trói" cho kinh tế tư nhân)¹¹ đã có những đóng góp quan trọng.



*Thủ tướng Võ Văn Kiệt chỉ đạo thi công đường dây 500kv Bắc - Nam.
Ảnh tư liệu*

Mục tiêu là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các ngành dịch vụ và công nghiệp chế biến, chế tạo, đồng thời tích cực chuẩn bị tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu quan trọng. Những thành tựu nổi bật trong giai đoạn này: (1) Tốc độ tăng trưởng GDP cao: Bình quân 7-8%/năm, giúp Việt Nam chính thức trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp vào năm 2010 (khoảng 1.160 USD/người)¹²; (2) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng nhanh chóng, đạt khoảng 170 tỷ USD vào năm 2010; (3) Xóa đói giảm nghèo ấn tượng: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% (1993) xuống dưới 10% (2010)¹³, cải thiện rõ rệt đời sống cho hàng triệu người¹⁴.

Sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ năm 1995, quan hệ song phương tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Năm 2001, Việt Nam ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ (BTA)¹⁵, mở ra cơ hội lớn cho thương mại và đầu tư. Đỉnh cao là việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007¹⁶, khẳng định cam kết hội nhập sâu rộng. Việt Nam còn đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN lần đầu tiên (2010)¹⁷ và tổ chức Hội nghị Cấp cao APEC 2006¹⁸.



Ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Ảnh: TTXVN

Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng vẫn chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào tài nguyên và lao động giá rẻ. Các vấn đề như ô nhiễm môi trường, khoảng cách giàu nghèo, tham nhũng và lãng phí bắt đầu bộc lộ, đòi hỏi những cải cách mạnh mẽ hơn.

Hội nhập sâu rộng và khẳng định vị thế (2011 - 2024)

Giai đoạn này chứng kiến Việt Nam tập trung vào chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững và khẳng định vai trò, vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Bối cảnh toàn cầu đầy biến động (khủng hoảng tài chính, biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị, đại dịch COVID-19) đặt ra áp lực lớn về tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong hơn 10 năm qua¹⁹, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật và mang tính nền tảng: (1) Phòng, chống tham nhũng quyết liệt: Với phương châm "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", đã củng cố niềm tin của nhân dân²⁰; (2) Ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng ấn tượng: Việt Nam duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định. Tính đến 12/2024, quy mô GDP ước đạt 476,3 tỷ USD (thứ 4 ASEAN, thứ 34 thế giới)²¹. Tăng trưởng GDP cả năm 2024 ước khoảng 6,0 - 6,5%²². Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 4.700 USD, lạm phát được kiểm soát thành công ở mức 3,63%²³; (3) Thương mại bứt phá: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD (tăng 15,4%), xuất siêu 24,77 tỷ USD²⁴. Đặc biệt, thặng dư thương mại với Hoa Kỳ đạt 123,5 tỷ USD, kỷ lục, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thặng dư thương mại lớn thứ ba với Hoa Kỳ²⁵; (4) Thu hút FDI kỷ lục: Vốn FDI thực hiện ước đạt khoảng 25,35 tỷ USD (tăng 9,4%), là mức giải ngân cao nhất từ trước đến nay²⁶; (5) Đổi mới sáng tạo: Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) tiếp tục thăng hạng, xếp thứ 44/133 quốc gia vào năm 2024²⁷; (6) Phát triển con người: Tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc năm 2024 là 4,06% (giảm 1,65%)²⁸. Chỉ số Phát triển Con người (HDI) năm 2023 đạt 0,766, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có mức phát triển con người cao²⁹.



Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Ảnh TTXVN

Đặc biệt trong giai đoạn này, Việt Nam từng bước nâng tầm vị thế đối ngoại. Công tác đối ngoại được đẩy mạnh theo đường lối ngoại giao "cây tre"³⁰, đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng và nâng tầm vị thế quốc tế. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia và quan hệ đối tác kinh tế, thương mại với hơn 230 quốc gia/vùng lãnh thổ³¹. Đặc biệt, việc nâng tầm quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện với nhiều cường quốc và đối tác quan trọng, bao gồm: Trung Quốc (2008), Nga (2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022), Hoa Kỳ (9/2023), Nhật Bản (11/2023), Australia (03/2024), Pháp (10/2024), Malaysia (11/2024), New Zealand (02/2025), Indonesia (03/2025), Singapore (03/2025) và Thái Lan (05/2025)³² đã củng cố vững chắc vị thế đối ngoại của Việt Nam, tạo một mạng lưới đối tác tin cậy rộng lớn. Giai đoạn này đã tạo ra một nền tảng vững chắc về kinh tế vĩ mô ổn định, một khung khổ pháp lý và thể chế dần được hoàn thiện, cùng một vị thế quốc tế được nâng cao. Đây là cơ sở quan trọng để giai đoạn tiếp theo có những điều kiện thuận lợi hơn để thực hiện các chiến lược cấu trúc lại và phát triển đột phá.

Kỷ nguyên vườn mình và phát triển đột phá toàn diện

Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng và Cách mạng công nghiệp 4.0 (AI, công nghệ số) bùng nổ, Việt Nam đang đứng trước thời điểm "hội tụ" các lợi thế để tạo ra bước đột phá. Lịch sử cách mạng đã chứng minh khả năng tạo nên kỳ tích khi ý Đảng hòa quyện với lòng dân, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường.

Trước yêu cầu lịch sử đó, ngay khi trên cương vị người lãnh đạo cao nhất của Đảng vào tháng 8 năm 2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã xác định tầm nhìn và định hình những chính sách chiến lược về “Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”³³. Đây không chỉ là một khái niệm mà là tầm nhìn chiến lược cho giai đoạn phát triển đột phá toàn diện của Việt Nam.

Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, đây là thời kỳ mà toàn dân tộc sẽ phát huy tối đa nội lực, tự tin vượt qua mọi thách thức để xây dựng thành công một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, và vững vàng sánh vai với các cường quốc. Đại hội XIV của Đảng là điểm khởi đầu cho "Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc" dựa trên nền tảng vững chắc của gần 40 năm Đổi mới.



Để hiện thực hóa khát vọng này, Tổng Bí thư Tô Lâm đã đưa ra bảy định hướng chiến lược quan trọng, được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động và quyết sách mạnh mẽ, đặc biệt là những thay đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025³⁴.

1. Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng: Để nâng cao năng lực lãnh đạo, đảm bảo Đảng là người cầm lái vĩ đại, đưa đất nước tiến lên mạnh mẽ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: Thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, tránh bao biện hoặc buông lỏng. Tinh gọn bộ máy, hợp nhất các cơ quan, phân định rõ vai trò lãnh đạo và quản lý. Đổi mới nghị quyết theo hướng ngắn gọn, thực chất, khả thi, tạo động lực cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Xây dựng chi bộ vững mạnh, nâng cao chất lượng sinh hoạt. Đổi mới kiểm tra, giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, xử lý nghiêm tham nhũng, tiêu cực.

2. Tăng cường tính Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa: Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần liên tục được hoàn thiện nhằm thể chế hóa đường lối của Đảng, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người và quyền công dân. Để đạt mục tiêu này, cần đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp với các giải pháp: chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng khuyến khích sáng tạo, phát triển; bảo đảm luật có tính ổn định, ngắn gọn, quy định nguyên tắc, giao Chính phủ, địa phương xử lý các vấn đề linh hoạt; đổi mới quy trình xây dựng và thực thi pháp luật, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát quyền lực, chống tiêu cực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; chủ động xây dựng hành lang pháp lý cho các vấn đề mới như chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh,... tạo đột phá phát triển đất nước.

3. Tinh gọn tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Công tác tinh giản biên chế, gắn với vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa triệt để, gây cản trở phát triển, làm gia tăng thủ tục hành chính, lãng phí nguồn lực và làm lỡ thời cơ phát triển đất nước. Để khắc phục, cần tiếp tục xây dựng bộ máy Đảng, Quốc

hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết. Cần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát rõ ràng trách nhiệm giữa các cấp. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát để nâng cao tính chủ động và tự cường của địa phương. Tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 18 để làm cơ sở cho những quyết sách đổi mới mạnh mẽ về công tác tổ chức cán bộ trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội quy định 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh chính thức đi vào hoạt động với cơ cấu đã sắp xếp³⁵. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) quy định thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp (tỉnh và xã), với 3.321 đơn vị hành chính cấp xã trên cả nước³⁶. Cơ cấu tổ chức HĐND và UBND cấp xã cũng được tinh gọn và chuyên môn hóa, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động. Cũng từ ngày 01/7/2025, các luật sửa đổi liên quan đến tổ chức TAND và VKSND có hiệu lực, sắp xếp lại TAND thành 3 cấp (Tối cao, cấp tỉnh, và khu vực), tăng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho TAND khu vực và bổ sung quy định về Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế, thể hiện sự hoàn thiện thể chế tư pháp³⁷.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện: Tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho phát triển số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo,... đảm bảo khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức.

Mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số³⁸. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số.

5. Quyết liệt chống lãng phí: Xác định lãng phí là mối nguy hại nghiêm trọng, ngang tầm với tham nhũng. Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban hành quy định của Đảng để nhận diện, chiến lược quốc gia, quy định của pháp luật và thực thi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công theo tinh thần “xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng cả lĩnh vực”. Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ trong chuyển đổi để giảm thiểu lãng phí. Giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém. Sớm hoàn thành cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”.

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ chất lượng cao: Đảm bảo cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu. Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được. Tăng cường

tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trên cơ sở phân định rõ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung với người phiêu lưu, liều lĩnh, viển vông, không thực tế; bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay khi có kế hoạch, không để nhụt chí. Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thử thách đối với các đồng chí là nhân sự được quy hoạch tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, bảo đảm lựa chọn ra được cấp ủy, nhất là người đứng đầu có năng lực lãnh đạo, có sức chiến đấu cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì sự nghiệp chung, có năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trên từng lĩnh vực, địa bàn.

7. Đột phá mạnh mẽ về kinh tế: Nhận diện rõ nguy cơ tụt hậu, bẫy thu nhập trung bình (năng suất lao động giảm, phụ thuộc FDI vào xuất khẩu sản phẩm giản đơn, rào cản thể chế). Giải pháp đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của đất nước và phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội là ưu tiên cao nhất. Tập trung xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mà Cương lĩnh của Đảng đã xác định (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Cộng sản lãnh đạo). Tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi

xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. Khởi xướng và thực hiện cách mạng chuyển đổi số. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển.



Những định hướng chiến lược nêu trên, đã được cụ thể hóa qua "bộ tứ trụ cột" chính sách tạo nên khung lý luận và hành động cho mô hình phát triển mới của Việt Nam: (1) Nghị quyết số 66-NQ/TW về Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật: Thúc đẩy chuyển đổi căn bản tư duy xây dựng pháp luật từ "quản lý" sang "phục vụ" và "kiến tạo", biến pháp luật thành công cụ kích thích phát triển, khuyến khích sáng tạo, và bảo vệ quyền tự do kinh doanh³⁹; (2) Nghị quyết số 57-NQ/TW về Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Khẳng định vai trò của KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là phương thức sản xuất mới và động lực chính. Ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao và chiến lược như AI, bán dẫn, vật liệu và năng

lượng mới nhằm nâng cao năng suất và chuyển dịch lên các khâu giá trị gia tăng cao hơn⁴⁰; (3) Nghị quyết số 68-NQ/TW về Phát triển kinh tế tư nhân: Khẳng định vai trò trụ cột của kinh tế tư nhân, với các chính sách cụ thể nhằm nuôi dưỡng và hỗ trợ (ví dụ: mục tiêu 2 triệu doanh nghiệp hoạt động, các ưu đãi về thuế, đất đai, nguồn vốn). Đây là giải pháp chiến lược để khơi thông mọi nguồn lực xã hội, đặc biệt khi số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường đạt kỷ lục 197.900 năm 2024⁴¹; (4) Nghị quyết số 59-NQ/TW về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới: Đề ra định hướng hội nhập quốc tế một cách chủ động, toàn diện và thực chất, coi đây là điều kiện bắt buộc để nâng cao nội lực và sức cạnh tranh quốc gia, tiếp cận công nghệ, thị trường và tri thức toàn cầu⁴².

Giai đoạn hiện tại là cực kỳ quan trọng bởi nó là sự tổng hòa và tiếp nối những thành tựu của gần 40 năm Đổi mới, đồng thời là bước chuyển mình quyết liệt để giải quyết những thách thức còn tồn tại và nắm bắt cơ hội mới. Sự "chuyển động đồng pha" mạnh mẽ và nhất quán giữa Đảng, Quốc hội và Chính phủ, thể hiện qua các quyết sách và luật mới có hiệu lực từ 1/7/2025, tạo niềm tin vững chắc vào khả năng bứt phá của Việt Nam. Mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam đã ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực. GDP 6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,52%, mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2025⁴³. Vốn FDI thực hiện đạt 11,72 tỷ USD (tăng 8,1%) và tổng vốn FDI đăng ký đạt hơn 21,5 tỷ USD (tăng gần 33%), mức cao nhất kể từ năm 2009⁴⁴.

Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc là giai đoạn tổng hòa những thành tựu của gần 40 năm Đổi mới, là thời điểm để đất nước tận dụng mọi lợi thế, giải quyết triệt để những điểm nghẽn còn tồn tại và bứt phá mạnh mẽ. Đây là lời hiệu triệu toàn dân tộc phát huy tối đa nội lực, kết hợp với các quyết sách táo bạo và đồng bộ (như "bộ tứ trụ cột" nghị quyết và các cải cách lớn có hiệu lực từ 1/7/2025), nhằm hiện thực hóa khát vọng xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công

bằng, văn minh, vững vàng sánh vai với các cường quốc, và đạt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc chính là động lực mạnh mẽ để Việt Nam khẳng định vị thế và tạo nên những kỳ tích mới trong thời đại Hồ Chí Minh./.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Đình Tư (2018). *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1975-2015*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương (2016). *Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo kiên định, sáng tạo của Đảng và cách mạng Việt Nam*.

[3] Tổng cục Thống kê. (Các năm). *Niên giám thống kê. (Dữ liệu về lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô giai đoạn 1986-1995)*.

[4] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. *Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp*.

[5] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1987). *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*.

[6] Bộ Ngoại giao Việt Nam (2021). *Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc: Từ bình thường hóa đến đối tác hợp tác chiến lược toàn diện*.

[7] Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (1994). *Thông báo về việc dỡ bỏ cấm vận thương mại đối với Việt Nam*.

[8] Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (1995). *Thông báo về bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam*.

[9] Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). (1995). *Tuyên bố chung về việc Việt Nam gia nhập ASEAN*.

[10] Báo Nhân Dân, (2010). *Thủ tướng Võ Văn Kiệt - Tổng công trình sư của nhiều công trình thế kỷ*.

[11] Báo Chính phủ, (2015). *Thủ tướng Phan Văn Khải với dấu ấn cải cách, hội nhập*.

[12] Ngân hàng Thế giới (World Bank). *Dữ liệu về GDP và thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam*.

- [13] Tổng cục Hải quan. *Thống kê xuất nhập khẩu Việt Nam*.
- [14] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. *Báo cáo về công tác giảm nghèo*.
- [15] Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR), (2001). *Thông báo về Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA)*.
- [16] Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), (2007). *Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO*.
- [17] Ban Thư ký ASEAN, (2010). *Thông báo về việc Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN 2010*.
- [18] Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC), (2006). *Tuyên bố của các nhà lãnh đạo APEC 2006 tại Hà Nội*.
- [19] Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. *Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và dấu ấn lãnh đạo*.
- [20] Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. *Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng*.
- [21], [22], [23], [24], [25], [26], [28] Tổng cục Thống kê, (2024). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 (ước tính đến tháng 12/2024)*.
- [27] Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), (2024). *Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) 2024*.
- [29] Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), (2024). *Báo cáo Phát triển Con người 2023/2024*.
- [30] Bộ Ngoại giao Việt Nam, (2023). *Đường lối đối ngoại "cây tre Việt Nam"*.
- [31], [32] Bộ Ngoại giao Việt Nam, (2025). *Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại năm 2024 và định hướng năm 2025*.
- [33], [34] Thông tấn xã Việt Nam/Báo Chính phủ, (2024). *Tổng Bí thư Tô Lâm định hình "Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc" và các định hướng chiến lược*.
- [35] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2025). *Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*.
- [36] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2025). *Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)*.

[37] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2025). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

[38] Bộ Thông tin và Truyền thông, (2023). Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030.

[39] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2025). Nghị quyết số 66-NQ/TW về Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

[40] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2025). Nghị quyết số 57-NQ/TW về Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

[41] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW về Phát triển kinh tế tư nhân.

[42] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2025). Nghị quyết số 59-NQ/TW về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

[43], [44] Tổng cục Thống kê, (2025). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 (ước tính).

*Sách nói*

KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC!

Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa của "Kỷ nguyên vươn mình", một giai đoạn phát triển chiến lược đầy tham vọng, hứa hẹn đưa đất nước bứt phá mạnh mẽ. Tầm nhìn này không chỉ xuất phát từ những khát vọng lớn lao mà còn dựa trên nền tảng vững chắc của gần 40 năm Đổi mới. Tuy nhiên, hành trình vươn mình này đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn toàn diện về điểm mạnh, điểm yếu nội tại, nắm bắt cơ hội và đối mặt thẳng thắn với thách thức, từ đó đưa ra những hành động cụ thể, hiệu quả.

Điểm mạnh: Nền tảng vững chắc cho khát vọng vươn mình

Những thành tựu vượt bậc của gần 40 năm Đổi mới đã kiến tạo nên những điểm mạnh cốt lõi, là hành trang vững chắc cho Việt Nam tiến vào kỷ nguyên mới. Trước hết, ổn định chính trị - xã hội là lợi thế cạnh tranh hàng đầu của Việt Nam¹. Môi trường hòa bình và ổn định chính trị được giữ vững đã tạo niềm tin vững chắc cho người dân, đồng thời thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài.

Việt Nam đã xây dựng được tiềm lực kinh tế tăng trưởng vượt bậc. Từ một nước nghèo, chúng ta đã vươn lên thành quốc gia có thu nhập trung bình từ năm 2008². Tốc độ tăng GDP bình quân từ 1986 đến 2023 đạt 6,55%/năm, thuộc nhóm cao nhất thế giới³. Theo Tổng cục Thống kê,

GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm 2023, và GDP quý I/2025 tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước⁴. Đáng chú ý, GDP bình quân đầu người năm 2025 dự kiến gần gấp 25 lần so với ba thập kỷ trước⁵. Với quy mô thương mại nằm trong Top 20 thế giới⁶ và là mắt xích quan trọng trong 16 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)⁷, vị thế kinh tế của Việt Nam ngày càng được củng cố. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2024 tăng 14,3%, cho thấy sức bật mạnh mẽ⁸.



Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Cơ hội và thách thức!

Vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam không ngừng được nâng cao. Từ một quốc gia bị bao vây, cô lập, Việt Nam hiện đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia⁹ và có quan hệ Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện với 30 nước¹⁰. Sự hội nhập sâu rộng này không chỉ mở rộng quan hệ đối ngoại mà còn giúp Việt Nam tích cực đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế, nâng cao tiếng nói trên trường quốc tế. Tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/3/2025 đạt 10,98 tỷ USD, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm trước, thể hiện niềm tin lớn của nhà đầu tư quốc tế¹¹.

Việt Nam có nguồn lực con người dồi dào, cần cù và khát vọng vươn lên. Với dân số trẻ (lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 53,0 triệu người vào năm 2024)¹², lao động Việt Nam có tinh thần cần cù, ý chí học hỏi và khát vọng mạnh mẽ. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 58% (năm 1993) xuống còn khoảng 2,93% (năm 2023) và mục tiêu giảm 0,8%-1% vào năm 2025¹³, cho thấy sự vươn lên rõ rệt về đời sống. Tuổi thọ trung bình tăng từ 62 tuổi (năm 1990) lên 73,7 tuổi (năm 2023), và dự kiến đạt 75 tuổi vào năm 2025¹⁴, phản ánh sự cải thiện về chất lượng sống.



*Bản sắc văn hóa phong phú và tinh thần đại đoàn kết
là nguồn nội lực vô giá. Ảnh: Internet*

Cuối cùng, bản sắc văn hóa phong phú và tinh thần đại đoàn kết là nguồn nội lực vô giá. Với hơn 8.000 lễ hội truyền thống và 294 bảo vật quốc gia, Việt Nam sở hữu một di sản văn hóa đa dạng. Lòng yêu nước, tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã và đang giúp dân tộc vượt qua mọi khó khăn, vững bước tiến lên¹⁵.

Điểm yếu: Những rào cản cần vượt qua

Để "Vườn mình" mạnh mẽ hơn, Việt Nam cần thẳng thắn nhìn nhận và khắc phục những điểm yếu còn tồn tại. Đầu tiên, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng của chúng ta vẫn chưa cao. Mặc dù đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế đã tăng (đạt 37,61% giai đoạn 2021-2023)¹⁶, và tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân khoảng 5,3%-5,4% vào năm 2025¹⁷, nhưng năng suất lao động tổng thể vẫn còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế vẫn còn phụ thuộc nhiều vào các ngành thâm dụng lao động và tài nguyên, thay vì dựa vào đổi mới và công nghệ.

Năng lực đổi mới sáng tạo và khoa học - công nghệ còn hạn chế. Dù Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam đã cải thiện đáng kể, tăng từ vị trí 59 (năm 2016) lên vị trí 44 (năm 2024)¹⁸, việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ lõi, công nghệ cao còn yếu. Khả năng hấp thụ và làm chủ công nghệ nhập khẩu chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến sự phụ thuộc vào nước ngoài trong nhiều lĩnh vực quan trọng.



Mặc dù nền kinh tế đã có cải thiện, sự phân hoá giàu nghèo vẫn tiếp tục tăng. Ảnh: Internet

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều. Dù đã phổ cập giáo dục ở nhiều cấp với tổng số hơn 25 triệu học sinh, sinh viên trong năm học 2024-2025¹⁹, nhưng chất lượng giáo dục đại học và đào tạo nghề chưa đáp ứng kịp yêu cầu của thị trường lao động hiện đại. Đặc biệt, chúng ta đang thiếu hụt trầm trọng nhân lực chất lượng cao trong các ngành công nghệ mới, vốn là động lực chính của “Kỷ nguyên vườn mình”. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2025, nhưng tỷ lệ có bằng, chứng chỉ chỉ khoảng 29%-29,5%²⁰, cho thấy còn nhiều dư địa cải thiện chất lượng chuyên môn.

Hạ tầng kỹ thuật và xã hội chưa thực sự hoàn thiện. Một số khu vực hạ tầng giao thông, năng lượng, và hạ tầng số vẫn còn thiếu đồng bộ. Điều này cản trở sự phát triển toàn diện và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng tăng của một nền kinh tế đang phát triển nhanh.



*Ô nhiễm không khí gây hại trực tiếp đến sức khỏe con người.
Ảnh: Internet*

Cuối cùng, khoảng cách phát triển và các vấn đề xã hội vẫn là mối lo ngại. Mặc dù tỷ lệ nghèo đã giảm đáng kể, nhưng sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng miền, đô thị và nông thôn vẫn còn đáng kể. Các vấn đề đô thị như ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, và áp lực về an sinh xã hội cũng là những thách thức lớn mà chúng ta cần giải quyết đồng bộ. Đồng thời, năng lực quản trị và thể chế còn bất cập. Dù công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh, vẫn còn những hạn chế trong cải cách hành chính, cơ chế phối hợp liên ngành và hiệu quả giám sát. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh yêu cầu phải đẩy mạnh cải cách thể chế, pháp luật để mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội²¹.

Cơ hội và thách thức trong "Kỷ nguyên vươn mình"

"Kỷ nguyên vươn mình" là sự đan xen giữa những cơ hội vàng và các thách thức lớn, đòi hỏi Việt Nam phải linh hoạt và bản lĩnh để nắm bắt và vượt qua. Về cơ hội, sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số và dữ liệu lớn là cơ hội vàng để Việt Nam bứt phá²². Bằng cách đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và chính phủ số, chúng ta sẽ tạo ra động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất và hiệu quả trên mọi lĩnh vực. Kỳ vọng tỷ trọng kinh tế số chiếm 20,5% GDP vào năm 2025, cho thấy tiềm năng to lớn²³.

Hơn nữa, mạng lưới Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) rộng khắp và vị thế quốc tế ngày càng cao là điều kiện thuận lợi để Việt Nam tiếp tục thu hút nguồn vốn FDI chất lượng cao, tiếp nhận công nghệ tiên tiến và mở rộng thị trường xuất khẩu. Với quy mô dân số lớn và trẻ, Việt Nam sở hữu một thị trường nội địa đầy tiềm năng, không chỉ là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế mà còn cung cấp nguồn lao động dồi dào. Cuối cùng, vị trí thuận lợi trong khu vực Đông Nam Á giúp Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, mở ra nhiều cơ hội hợp tác và phát triển²⁴.



Thu hút nguồn vốn FDI chất lượng cao vào Việt Nam ngày một tăng.

Ảnh: Internet

Tuy nhiên, thách thức cũng không hề nhỏ. Nguy cơ "bẫy thu nhập trung bình" vẫn là thách thức kinh tế lớn nhất²⁵; nếu không có những thay đổi đột phá trong mô hình tăng trưởng, Việt Nam có thể mất đà phát triển và khó thoát khỏi nhóm thu nhập trung bình. Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cũng đặt Việt Nam vào môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn với các nền kinh tế lớn và các đối thủ trong khu vực.

Tình hình kinh tế thế giới với nhiều bất ổn, xung đột địa chính trị khó lường, các vấn đề như lạm phát (chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5% vào năm 2025)²⁶, giá năng lượng và suy thoái kinh tế toàn cầu có thể tác động tiêu cực đến Việt Nam. Nếu không nhanh chóng làm chủ và thích ứng với các công nghệ mới, Việt Nam có nguy cơ bị tụt hậu. Sự thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành công nghệ mũi nhọn, là một rào cản lớn. Cuối cùng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai, an ninh mạng và các thách thức về môi trường tiếp tục là những mối đe dọa thường trực, đòi hỏi khả năng ứng phó linh hoạt và hiệu quả cao²⁷.

Hành động: Chuyển hóa tiềm năng thành hiện thực

Để hiện thực hóa khát vọng "Vươn mình" và vượt qua thách thức, Việt Nam cần triển khai đồng bộ và quyết liệt các hành động chiến lược trên mọi lĩnh vực. Trong bối cảnh đó, năm 2025 và trong quá trình chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV của Đảng vào năm 2026, Tổng Bí thư Tô Lâm đã đưa ra một số giải pháp trọng tâm nhằm định hướng cho công cuộc phát triển đất nước²⁸.

Đầu tiên, cần đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh²⁹. Điều này đòi hỏi sự dịch chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, chú trọng các yếu tố công nghệ và đổi mới. Song song đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cấp thiết³⁰, nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thu hút mọi nguồn lực và thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế.



Đảng và Nhà nước ban hành nhiều cơ chế, chính sách đột phá tạo đà phát triển kinh tế, xã hội.

Đặc biệt, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải trở thành động lực chính cho tăng trưởng³¹. Đây là yếu tố then chốt giúp Việt Nam nắm bắt cơ hội từ cách mạng công nghiệp 4.0. Cùng với đó, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới là vô cùng quan trọng³², bởi con người luôn là yếu tố trung tâm của mọi sự phát triển. Không chỉ tập trung vào kinh tế, Việt Nam cũng cần phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân³³. Sự phát triển phải đi đôi với tiến bộ xã hội, đảm bảo an sinh và hạnh phúc cho mọi người dân.



Thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

Đồng thời, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu là giải pháp sống còn³⁴ để đảm bảo sự phát triển bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, việc củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc cho

mọi sự phát triển³⁵. Kết hợp với việc nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, Việt Nam sẽ tạo ra môi trường hòa bình, hợp tác, và nâng cao vị thế trên trường quốc tế, góp phần hiện thực hóa khát vọng "Vườn mình" mạnh mẽ³⁶.

Cụ thể hóa các giải pháp này, chúng ta đang tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm. Đầu tiên, phải đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững. Điều này đòi hỏi sự chuyển đổi mạnh mẽ từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chúng ta sẽ ưu tiên phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

Để đạt được điều này, cần đầu tư vào công nghệ mới, cải thiện kỹ năng cho người lao động, và tối ưu hóa quy trình sản xuất thông qua ứng dụng công nghệ thông tin. Đồng thời, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, tạo sân chơi bình đẳng, minh bạch cho mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và thu hút FDI chất lượng cao (Tổng vốn FDI thực hiện quý I/2025 đạt 4,96 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước)³⁷. Việc đầu tư mạnh vào hạ tầng kỹ thuật và xã hội bao gồm hạ tầng giao thông, năng lượng, viễn thông và hạ tầng số là yếu tố then chốt tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển văn hóa - xã hội toàn diện là nhiệm vụ trọng tâm. Chúng ta cần đổi mới giáo dục và đào tạo một cách toàn diện, tập trung vào đào tạo nhân lực chất lượng cao, có tư duy sáng tạo, kỹ năng số, và khả năng thích ứng với yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời khuyến khích học tập suốt đời. Song song đó, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia vững mạnh, đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, thúc đẩy hợp tác giữa nhà nước, doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Việc phát huy mạnh mẽ các giá trị văn hóa, đạo đức, tinh thần yêu nước, tự cường, cùng với việc chú trọng bảo tồn và phát huy di sản văn

hóa dân tộc, sẽ củng cố nền tảng xã hội. Song hành với đó là nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giảm nghèo đa chiều và đảm bảo công bằng xã hội, mở rộng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội cho mọi đối tượng. Cuối cùng, cần triển khai các giải pháp giảm phát thải, sử dụng tài nguyên tiết kiệm và đầu tư vào năng lượng tái tạo, đồng thời ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Thứ ba, việc giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh và nâng cao vị thế quốc tế là không thể thiếu. Điều này bao gồm việc tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên mới. Cần xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đảm bảo khả năng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước.



Lễ xuất quân của Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 6 và Đội Công binh số 3 lên đường thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại Nam Sudan và khu vực Abyei (24/9/2024). Ảnh: TTXVN

Về đối ngoại, thực hiện đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, nâng cao vai trò và tiếng nói của Việt Nam trong các diễn đàn khu vực và quốc tế, góp phần vào hòa bình, hợp tác và phát triển. Đặc biệt, phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận, chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vì mục tiêu chung là xây dựng đất nước.

Cuối cùng, chủ động nắm bắt và làm chủ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia là động lực then chốt. Chúng ta cần ưu tiên phát triển hạ tầng số, xây dựng một nền tảng số vững chắc, đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Tập trung đầu tư vào công nghệ chiến lược, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ mũi nhọn như AI, Big Data, IoT, Blockchain để tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia. Song song đó, phát triển nhân lực số chất lượng cao thông qua việc xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, thu hút và giữ chân nhân tài, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp công nghệ trong nước.

Hiện thực hóa khát vọng "Sánh vai cùng các cường quốc năm châu"

"Kỷ nguyên vươn mình" không chỉ là một mục tiêu, mà là một hành trình tất yếu và đầy triển vọng của Việt Nam trong bối cảnh thế kỷ XXI. Những lợi thế nội tại vững chắc từ lịch sử Đổi mới, cùng với tiềm năng to lớn về kinh tế, con người và vị thế địa chính trị, đã tạo nền móng vững chắc cho khát vọng bứt phá. Dù phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp từ bối cảnh quốc tế và những hạn chế nội tại, nhưng với sự nhận thức rõ ràng và tinh thần cầu thị, Việt Nam đã và đang đưa ra những hành động chiến lược quyết liệt và phù hợp.

Đặc biệt, quyết tâm chính trị đã được thể hiện rõ nét thông qua việc ban hành và triển khai các nghị quyết mang tính chất cốt lõi, cùng các

chính sách sáp nhập, tinh gọn bộ máy được thực hiện mạnh mẽ³⁸. Cụ thể, các nghị quyết về phát triển khoa học và công nghệ, thúc đẩy kinh tế tư nhân, đổi mới cơ chế lập pháp và hoàn thiện pháp luật, cùng với việc nâng cao toàn diện hạ tầng kỹ thuật và xã hội (bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng số...) chính là những trụ cột chiến lược³⁹.



Những chủ trương này đã và đang được cụ thể hóa thành hành động, đặc biệt khi nhiều chính sách quan trọng đi vào thực thi từ ngày 01/7/2025⁴⁰. Đây là minh chứng cho sự đồng bộ giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước với thực tiễn, chuyển hóa ý chí thành những hành động cụ thể, tạo ra một hệ thống chính trị vững mạnh, một bộ máy nhà nước hiệu lực, hiệu quả.

Khát vọng “Kỷ nguyên vườn mình” không chỉ phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử, mà còn tiếp nối và phát huy những giá trị bền vững mà dân tộc Việt Nam đã kiên cường theo đuổi

qua nhiều thế hệ: độc lập, tự chủ, tự cường và khát vọng về một đất nước phồn vinh, hùng mạnh. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự đồng lòng của toàn dân và những bước đi táo bạo, đúng đắn, Việt Nam chắc chắn sẽ hiện thực hóa khát vọng xây dựng một quốc gia phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc, góp phần đưa Việt Nam sánh vai cùng các cường quốc năm châu như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước./.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Mạnh Hùng, (2020). *Ổn định chính trị - yếu tố nền tảng cho phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam*. Tạp chí Cộng sản, số 954, tr. 45-48.

[2] Ngân hàng Thế giới (World Bank), (2008). *Vietnam: From Low-Income to Lower-Middle-Income Economy*. Báo cáo quốc gia.

[3] Tổng cục Thống kê, (2024). *Niên giám Thống kê 2023*. (Dữ liệu về GDP bình quân).

[4] Tổng cục Thống kê, (2025). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý I/2025 và ước thực hiện năm 2024*.

[5] Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), (2025). *World Economic Outlook Database*, April 2025.

[6] Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), (2024). *World Trade Statistical Review 2024*.

[7] Bộ Công Thương, (2024). *Danh sách các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên*.

[8] Tổng cục Hải quan, (2025). *Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2024*.

[9] Bộ Ngoại giao Việt Nam, (2024). *Danh sách các quốc gia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam*.

[10] Bộ Ngoại giao Việt Nam, (2025). *Thông tin về các đối tác chiến lược và toàn diện của Việt Nam*.

[11] Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (2025). Báo cáo tình hình thu hút FDI Quý I/2025.

[12] Tổng cục Thống kê, (2024). Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ 2024. (Số liệu về lực lượng lao động).

[13] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (2024). Báo cáo công tác giảm nghèo đa chiều năm 2023 và mục tiêu năm 2025.

[14] Tổng cục Thống kê, (2024). Báo cáo Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2023.

[15] Cục Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), (2024). Thống kê lễ hội truyền thống và bảo vật quốc gia.

[16] Tổng cục Thống kê, (2024). Báo cáo Phân tích năng suất lao động Việt Nam giai đoạn 2021-2023.

[17] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2025). Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

[18] Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), (2024). Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) 2024.

[19] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2024). Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024 và phương hướng năm học 2024-2025. (Số liệu học sinh, sinh viên). [20] Tổng cục Thống kê. (2025). Báo cáo kết quả Điều tra lao động việc làm năm 2024 và dự kiến 2025.

[21] Báo Nhân Dân, (2024). Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm về đẩy mạnh cải cách thể chế, pháp luật.

[22] Bộ Khoa học và Công nghệ, (2023). Chiến lược quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

[23] Bộ Thông tin và Truyền thông, (2023). Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

[24] Tổng cục Thống kê, (2024). Tổng quan dân số Việt Nam 2024.

[25] Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), (2018). Nghiên cứu về hấp thu nhập trung bình và kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam.

[26] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2025). Dự báo lạm phát (CPI) năm 2025.

[27] Bộ Tài nguyên và Môi trường, (2023). Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

[28] Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (2024). Các giải pháp trọng tâm do Tổng Bí thư Tô Lâm định hướng cho công cuộc phát triển đất nước.

[29] [30] [31] [32] [33] [34] [35] [36] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2025). Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 (sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn mới).

[37] Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (2025). Báo cáo tình hình thu hút FDI Quý I/2025.

[38] Văn phòng Trung ương Đảng, (2025). Thông báo về các nghị quyết và chính sách sáp nhập, tinh gọn bộ máy.

[39] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2025). Các luật và nghị quyết mới có hiệu lực từ 01/7/2025.

[40] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2025). Công báo về thời điểm có hiệu lực của các chính sách quan trọng.

*Sách nói*

VIỆT NAM 2045: TÂM NHÌN VÀ KHÁT VỌNG DÂN TỘC TRONG THẾ KỶ XXI

Việt Nam đang kiên định trên hành trình hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045, đúng dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước (02/09/1945 - 02/09/2045)¹. Đây không chỉ là một mục tiêu mang tính ý chí mà còn là tầm nhìn chiến lược được xây dựng vững chắc trên những bài học lịch sử đã được đúc kết, nội lực hiện tại và sự nắm bắt sâu sắc các xu thế lớn của thời đại.

Những bài học lịch sử kiến tạo khát vọng

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước cùng hành trình gần 40 năm Đổi mới đã cung cấp những bài học vô giá, định hình khát vọng và tầm nhìn cho Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Thứ nhất, độc lập dân tộc và tự chủ: Kim chỉ nam bất biến. Lịch sử Việt Nam là bản anh hùng ca về khát vọng độc lập dân tộc, tự chủ và thống nhất đất nước. Từ ngàn năm chống ngoại xâm đến những cuộc kháng chiến vĩ đại thế kỷ XX, giá trị này luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, hun đúc nên bản lĩnh kiên cường của người Việt². Trong 40 năm Đổi mới, Việt Nam kiên định con đường tự chủ, linh hoạt trong đối ngoại, mở rộng hợp tác nhưng không bị lệ thuộc. Chính sách "đa dạng hóa, đa

phương hóa quan hệ quốc tế" đã mở ra không gian phát triển rộng lớn, thu hút nguồn lực và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế³. Bài học này khẳng định rằng, để hiện thực hóa khát vọng 2045, Việt Nam phải tiếp tục giữ vững tính độc lập, tự chủ về mọi mặt, không ngừng củng cố nội lực, đảm bảo lợi ích quốc gia là trên hết.



Cán bộ, chiến sĩ thuộc Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 6 và Đội Công binh số 3 lên đường sang châu Phi làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, tháng 9/2024. Ảnh: Giang Huy

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc: Sức mạnh nội sinh vô tận. Tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những bài học lịch sử quý giá nhất của Việt Nam. Từ sự đồng lòng của "Bách Việt" trong buổi đầu dựng nước đến sức mạnh tổng hợp của "toàn dân tộc ra trận" trong các cuộc chiến tranh giải phóng, đoàn kết luôn là nhân tố quyết định mọi thắng lợi⁴. Thành công của công cuộc Đổi mới trong 40 năm qua là minh chứng sống động nhất cho sức mạnh này, với sự đồng thuận và chung sức đồng lòng của nhân dân đã tạo nên những đột phá vượt bậc⁵. Để đạt được Tầm nhìn 2045, việc tiếp tục củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố then chốt, nhằm huy động tối đa trí tuệ và nguồn lực của mọi tầng lớp nhân dân, bao gồm cả kiều bào ở nước ngoài.

Thứ ba, thích ứng linh hoạt, đổi mới và sáng tạo. Dân tộc Việt Nam luôn thể hiện khả năng thích ứng nhanh, linh hoạt và sáng tạo trong mọi hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt rõ nét trong công cuộc Đổi mới. Đường lối Đổi mới khởi nguồn từ "khoán 10" trong nông nghiệp, cởi trói sức sản xuất⁶, mở cửa thị trường, là kết quả của một tư duy dám nghĩ, dám làm, dám vượt qua những rào cản cũ để tìm ra con đường phát triển phù hợp. Thành công vang dội của Đổi mới đã đưa Việt Nam từ một nước nghèo đói trở thành nền kinh tế năng động⁷. Bài học này nhấn mạnh rằng, để hiện thực hóa khát vọng 2045, đổi mới sáng tạo phải được xem là động lực chính, khuyến khích tư duy đột phá, dám thử nghiệm cái mới, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.



Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thứ tư, phát triển kinh tế gắn liền với xã hội và văn hóa là quan điểm bao trùm. Việt Nam luôn coi trọng sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội và giữ gìn bản sắc văn hóa. Mục tiêu phát

triển không chỉ dừng lại ở tăng trưởng kinh tế mà còn hướng đến sự tiến bộ xã hội và hạnh phúc của con người⁸. Trong 40 năm Đổi mới, dù tập trung phát triển kinh tế, Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu đáng kể về giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, chăm sóc y tế và giáo dục⁹. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc¹⁰. Bài học này chỉ ra rằng, khát vọng 2045 hướng tới một đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc phải là phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội, với văn hóa là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh.

Thứ năm, vai trò lãnh đạo của Đảng: Nhân tố quyết định thành công. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố then chốt, xuyên suốt dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ giành độc lập, thống nhất đất nước đến công cuộc Đổi mới, Đảng luôn là lực lượng tiên phong, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội¹¹. Trong 40 năm Đổi mới, Đảng đã chủ động đề ra đường lối đúng đắn, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế thời đại, mang lại những thành tựu có ý nghĩa lịch sử¹². Để đạt được Tầm nhìn 2045, cần tiếp tục khẳng định và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo để thích ứng với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Nền tảng “Đổi mới - Hội nhập và Phát triển”

Sau gần 40 năm Đổi mới (tính từ năm 1986 đến nay), Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Điều này khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam là phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại¹³. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) đã cụ thể hóa tầm nhìn này thành các mốc rõ ràng: đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển có công

nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao¹⁴.

Thực tiễn đã chứng minh khả năng chuyển mình của Việt Nam. Chúng ta đã duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng, với mức bình quân 5,95% giai đoạn 2011-2020¹⁵ và đạt 5,05% năm 2023¹⁶, thuộc nhóm cao trong khu vực và thế giới. Việt Nam đã thoát khỏi nhóm nước thu nhập thấp vào năm 2008¹⁷ và hiện có GDP bình quân đầu người ước đạt 4.284 USD năm 2023¹⁸. Để đạt mục tiêu thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam cần duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người gần 6% mỗi năm trong hơn hai thập kỷ tới, một thách thức lớn nhưng hoàn toàn khả thi nếu phát huy tối đa các nguồn lực và tận dụng hiệu quả các xu thế toàn cầu.



Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng.

Nội lực của đất nước còn nằm ở nguồn nhân lực dồi dào với dân số khoảng 100 triệu người, trong đó lực lượng lao động trẻ, năng động chiếm tỉ lệ cao¹⁹. Đặc biệt, tầng lớp trung lưu của Việt Nam đang tăng

trưởng nhanh chóng. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2022), tầng lớp này chiếm khoảng 13% dân số và dự kiến tăng lên 26% vào năm 2026²⁰. Dự báo của Statista (2021) cho thấy, dân số thuộc tầng lớp trung lưu có thể đạt hơn 50 triệu người vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng 10,1% giai đoạn 2016-2021, cao nhất Đông Nam Á²¹. Đây chính là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiêu dùng nội địa và thu hút đầu tư.

Nắm bắt các xu thế lớn của thời đại

Để hiện thực hóa khát vọng 2045, Việt Nam đang chủ động nắm bắt và thích nghi với các xu thế toàn cầu.

Chuyển đổi số và Kinh tế số: Việt Nam xác định chuyển đổi số là trụ cột chính, được cụ thể hóa trong Nghị quyết 52-NQ/TW (2019)²² và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia (Quyết định 749/QĐ-TTg năm 2020)²³. Mục tiêu đặt ra là kinh tế số sẽ đóng góp 20% GDP vào 2025 và 30% GDP vào 2030²⁴. Đặc biệt, trong bối cảnh gần 40 năm đổi mới, kinh tế số đã và đang trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, với đóng góp vào GDP ngày càng lớn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đối mặt với thách thức về mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, thể hiện qua Chỉ số sẵn sàng AI của chính phủ năm 2023 (Oxford Insights) khi xếp thứ 59/193 quốc gia/vùng lãnh thổ, với điểm số cần cải thiện về công nghệ, hạ tầng, vốn nhân lực và đổi mới sáng tạo²⁵. Để khắc phục, Việt Nam đang và sẽ đẩy mạnh đầu tư, cải cách thể chế và đặc biệt là tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và AI.

Phát triển Xanh và Kinh tế tuần hoàn: Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại COP26²⁶. Cam kết này được cụ thể hóa trong Quy hoạch điện VIII (tháng 5/2023), với mục tiêu năng lượng tái tạo chiếm 2/3 tổng công suất toàn hệ thống vào năm 2045²⁷. Trong giai đoạn gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã và đang chứng kiến những bước chuyển mình mạnh mẽ trong cơ cấu năng lượng, với tỉ trọng năng lượng tái tạo ngày càng tăng. Để đạt được mục tiêu này, ngành điện Việt Nam

ước tính cần trên 500 tỉ USD đầu tư đến năm 2045²⁸. Thách thức lớn là việc chuyển hóa cam kết thành hành động đột phá, đòi hỏi những thay đổi thể chế mạnh mẽ hơn để thu hút các nguồn tài chính xanh và tư nhân.



Việt Nam chủ động đào tạo nguồn nhân lực thích ứng với các xu thế toàn cầu.

Già hóa dân số và cơ hội kinh tế bạc: Bên cạnh cơ hội từ tầng lớp trung lưu, Việt Nam đang đối mặt với thách thức già hóa dân số với tốc độ nhanh. Với gần 17% dân số từ 60 tuổi trở lên vào tháng 2/2023 (Bộ Công an)²⁹, Việt Nam sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2036³⁰. Điều này đặt ra áp lực lớn về an sinh xã hội, y tế và nguồn cung lao động. Đặc biệt, trong bối cảnh gần 40 năm đổi mới, vấn đề già hóa dân số sẽ trở nên rõ nét hơn, đòi hỏi các chính sách an sinh xã hội và thị trường lao động phải có những điều chỉnh phù hợp. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để phát triển kinh tế bạc (Silver Economy), biến già hóa dân số thành động lực phát triển mới. Các giải pháp đang được triển khai bao gồm khuyến khích sinh sản, đào tạo lại kỹ năng lao động, thu hút lao động nước ngoài và ứng dụng công nghệ để nâng cao năng suất.

Hội nhập Quốc tế và vị thế địa chính trị: Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các hiệp định thương mại tự do

(FTA) thể hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP³¹, giúp mở rộng thị trường và thu hút FDI chất lượng cao (đạt 36,6 tỉ USD năm 2023). Trong giai đoạn gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã và đang củng cố vị thế là điểm đến hấp dẫn của FDI, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn. Để giảm thiểu rủi ro từ biến động địa chính trị và phân mảnh chuỗi cung ứng, Việt Nam ưu tiên đa dạng hóa đối tác, thị trường và chuỗi cung ứng. Chúng ta cũng không ngừng nâng cao vị thế quốc tế (điển hình là Ủy viên không thường trực HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2020-2021 với 192/193 phiếu thuận). Dù vậy, cạnh tranh gay gắt và áp lực tuân thủ các chuẩn mực quốc tế cao hơn về lao động, môi trường, quản trị vẫn là những thách thức cần vượt qua.



Phát triển giao thông và đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng.

Phát triển hạ tầng và đô thị hóa: Hạ tầng là nền tảng cho phát triển. Việt Nam đặt mục tiêu hoàn thành 5.000 km đường cao tốc vào năm 2030 và khởi công đường sắt cao tốc Bắc – Nam vào năm 2028. Trong bối cảnh gần 40 năm đổi mới, nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm đã và đang hoàn thành, tạo động lực mới cho các vùng kinh tế, đồng thời mạng lưới hạ tầng sẽ được kết nối đồng bộ hơn, đóng góp đáng kể vào

việc giảm chi phí logistics và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia. Song hành là đô thị hóa bùng nổ, với mục tiêu đạt trên 50% tỉ lệ đô thị hóa vào năm 2030 (theo Nghị quyết 06-NQ/TW năm 2022). Tuy nhiên, quản lý đô thị hóa bền vững, tránh các vấn đề ô nhiễm, ùn tắc và thiếu hụt dịch vụ công là thách thức. Việt Nam sẽ tập trung vào quy hoạch thông minh, phát triển giao thông công cộng hiệu quả và đầu tư đồng bộ hạ tầng xã hội.

Khát vọng và quyết sách chiến lược

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đầy biến động, Việt Nam nhận thức rõ “hoặc là bứt lên, hoặc là tụt hậu”. Bài học sau gần 40 năm đổi mới cho thấy, đổi mới tư duy là nhân tố mở đường và quyết định cho những thay đổi căn bản. Cái quyết định nhất chính là bản lĩnh, sự kết tinh cốt cách và khí phách Việt Nam vì nền độc lập, tự do.

Việt Nam kiên định nguyên tắc “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, coi độc lập dân tộc và tự do của nhân dân là “bất biến”, là lợi ích tối thượng. Mọi sự đổi mới, dù ở phương diện nào, cũng đều xoay quanh mục tiêu bảo vệ và phát triển lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Để hiện thực hóa khát vọng đến năm 2045, cần một tầm nhìn chính trị chiến lược sâu rộng và những quyết sách cụ thể, kiên quyết. Đó là một quá trình xử lý hài hòa mối quan hệ giữa hội nhập toàn cầu và việc giữ vững địa vị, sức mạnh độc lập, tự chủ của đất nước. Từ đó, cần định vị giá trị quốc gia: Tự do - Dân chủ - Pháp quyền - Đạo đức - Phát triển. Từng cá nhân tổ chức luôn theo đuổi mục tiêu: “Thượng tôn luật pháp - Kết nối tiềm năng - Gia tăng giá trị - Phát triển bền vững”. Đây chính là tầm nhìn chiến lược, quyết sách kiên định, kết tinh phẩm giá, cốt cách và cương lĩnh hành động đổi mới của dân tộc ta, một cách kiên định, sáng tạo và tràn đầy khát vọng vì một Việt Nam hùng cường, trong nửa đầu thế kỷ XXI./.

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

[2] Viện Lịch sử Đảng, (2015). Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội: Kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

[3] Bộ Ngoại giao Việt Nam, (2023). Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam.

[4] Hồ Chí Minh, (1969). Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

[5] Ban Tuyên giáo Trung ương, (2016). Đổi mới: Thành tựu và bài học kinh nghiệm. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

[6] Tổng cục Thống kê, (1990). Chính sách "khoán 10" và tác động đến nông nghiệp Việt Nam.

[7] Ngân hàng Thế giới (World Bank). Vietnam Economic Report.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

[9] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo về công tác giảm nghèo và an sinh xã hội.

[10] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Báo cáo về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

[11] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

[12] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Các Nghị quyết và Kết luận về công tác xây dựng Đảng và đổi mới.

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

[14] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

[15] Tổng cục Thống kê, (2021). Niên giám Thống kê 2020. (Dữ liệu GDP giai đoạn 2011-2020).

[16] Tổng cục Thống kê, (2024). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023. (Dữ liệu GDP năm 2023).

[17] Ngân hàng Thế giới (World Bank), (2008). Vietnam: From Low-Income to Lower-Middle-Income Economy.

[18] Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), (2024). World Economic Outlook Database, April 2024. (Dữ liệu GDP bình quân đầu người năm 2023).

[19] Tổng cục Thống kê, (2024). Báo cáo Tổng điều tra dân số và nhà ở 2024. (Số liệu dân số và lực lượng lao động).

[20] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (2022). Báo cáo về tình hình phát triển tầng lớp trung lưu tại Việt Nam. (Số liệu về tầng lớp trung lưu).

[21] Statista, (2021). Middle-class population in Vietnam from 2016 to 2021 with a forecast until 2030. (Dự báo tầng lớp trung lưu).

[22] Bộ Chính trị, (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

[23] Thủ tướng Chính phủ, (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

[24] Bộ Thông tin và Truyền thông, (2023). Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. (Mục tiêu kinh tế số).

[25] Oxford Insights, (2023). *Government AI Readiness Index 2023*. (Chỉ số sẵn sàng AI của chính phủ).

[26] Văn phòng Chính phủ, (2021). *Thông báo về cam kết của Việt Nam tại COP26*.

[27] Thủ tướng Chính phủ, (2023). *Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)*. (Mục tiêu năng lượng tái tạo).

[28] Bộ Công Thương, (2023). *Báo cáo về ước tính đầu tư cho ngành điện để đạt mục tiêu năng lượng tái tạo đến 2045*.

[29] Bộ Công an, (2023). *Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2023 (số liệu cập nhật tháng 2/2023)*. (Tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên).

[30] Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (Bộ Y tế), (2017). *Dự báo dân số và già hóa dân số Việt Nam*. (Thời điểm dân số già).

[31] Bộ Công Thương, (2024). *Tổng kết các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới*.

*Sách nói*

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: KHỞI XƯƠNG TẦM NHÌN VÀ KHÁT VỌNG “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC”

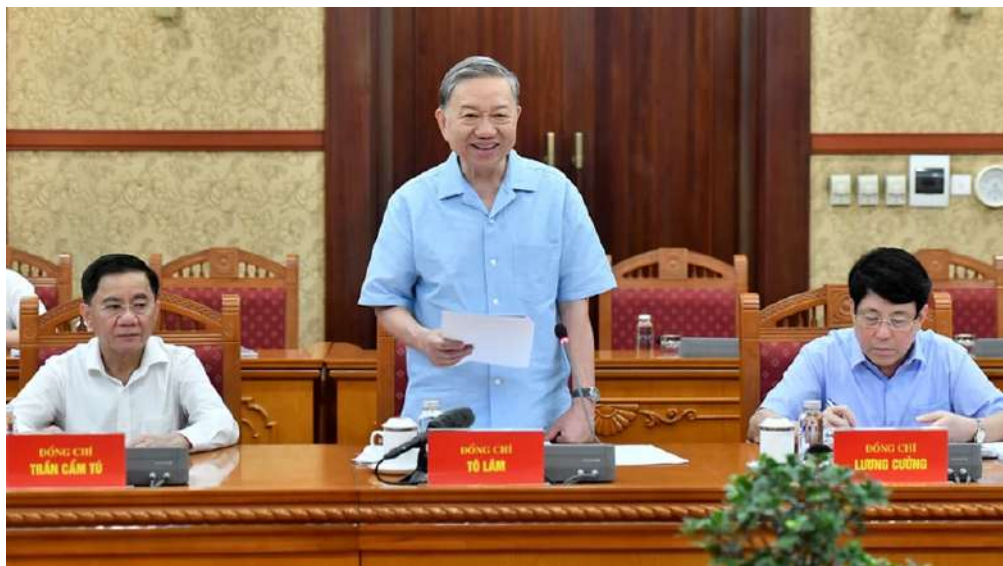
Ngày 13/8/2024, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có bài phát biểu quan trọng tại cuộc họp Thường trực Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Đây không chỉ là một diễn văn mang tính chiến lược để định hướng công tác chuẩn bị cho sự kiện chính trị trọng đại sắp tới, mà còn khởi xương và xác định rõ ràng tầm nhìn về một "kỷ nguyên vườn mình của Dân tộc Việt Nam".

Những bài học lịch sử kiến tạo khát vọng Định vị kỷ nguyên mới: Điểm tựa cho khát vọng vườn mình

Điểm cốt lõi trong bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm là việc định vị rõ ràng thời điểm lịch sử hiện tại là "khởi điểm lịch sử mới, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của Dân tộc Việt Nam". Sự khẳng định này không phải là một nhận định chung chung, mà được căn cứ vững chắc trên những thành tựu cụ thể.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ Đại hội XIV diễn ra "sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước... 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với nhiều kết quả có tính bước ngoặt, dấu ấn nổi bật". Đây là sự nhìn nhận

khách quan về chặng đường phát triển đã qua, với những mốc son lịch sử quan trọng, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn tiếp theo.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì cuộc họp Thường trực Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Ảnh: Đăng Khoa

Ông nhấn mạnh: "Thế và lực của đất nước, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng tăng lên; ý Đảng và lòng dân hòa quyện trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sớm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu". Dẫn chứng này trực tiếp chỉ ra sự gia tăng về sức mạnh nội tại và vị thế quốc tế của Việt Nam, là cơ sở vững chắc để định hình một kỷ nguyên mới, nơi khát vọng "sánh vai với các cường quốc năm châu" trở nên hiện thực hơn bao giờ hết.

Việc xác định một kỷ nguyên mới không chỉ đơn thuần là tổng kết quá khứ, mà quan trọng hơn là khơi dậy một tinh thần tự tin, tự hào và ý chí vươn lên mãnh liệt của toàn dân tộc. Đây chính là nền tảng tư tưởng cốt lõi, là điểm xuất phát cho mọi chủ trương, đường lối và giải pháp sẽ được hoạch định trong văn kiện Đại hội XIV.

Văn kiện Đại hội XIV: "Ngọn đuốc soi đường" cho hành trình vươn mình

Đề tâm nhìn về "kỷ nguyên vươn mình" được hiện thực hóa, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã làm rõ vai trò then chốt của văn kiện Đại hội XIV như một "ngọn đuốc soi đường". Điều này được cụ thể hóa qua những yêu cầu nghiêm ngặt đối với việc xây dựng văn kiện.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu văn kiện phải có "những đổi mới mạnh mẽ hơn nữa về hình thức và nội dung" để phù hợp với kỷ nguyên mới. Đây là một sự khởi xướng tư duy đổi mới trong công tác xây dựng đường lối, không ngại vượt qua những lối mòn cũ để đạt được sự đột phá.

Ông nhấn mạnh: "Văn kiện không nên quá dài, phải mang tính định hướng cao để các cấp ủy, mọi đảng viên phải thấm nhuần và thực hiện". Yêu cầu này cho thấy sự ưu tiên tính hiệu quả và khả năng quán triệt của văn kiện, đảm bảo nó thực sự là kim chỉ nam dễ hiểu, dễ thực hiện cho toàn Đảng, toàn dân trong quá trình phát triển.



*Quang cảnh cuộc họp Thường trực Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.
Ảnh: Đăng Khoa*

Việc "Tổng kết 40 năm đổi mới" được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đặc biệt lưu ý, yêu cầu thực hiện "rất khẩn trương với sự đầu tư rất lớn về công sức, trí tuệ". Sự đầu tư nghiêm túc này nhằm chắt lọc những bài học quý báu, những "nhân tố mới của thực tiễn" để phục vụ cho sự phát triển "nhanh, bền vững" trong giai đoạn mới.

Tư tưởng "Kiên định đi đôi với đổi mới sáng tạo" được cụ thể hóa: "kiên định một cách sáng tạo, sáng tạo một cách kiên định theo phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh". Đây là chìa khóa để giữ vững nền tảng tư tưởng trong khi vẫn không ngừng đổi mới, thích ứng với xu thế vận động của thời đại, tạo động lực cho sự vươn mình.

Việc "lấy thực tiễn là thước đo kiểm nghiệm chân lý, nắm bắt xu thế vận động của thời đại để tạo động lực phát triển mới" được đề cao. Đây là cơ sở khoa học để hoạch định các chính sách phù hợp, đưa đất nước "phát triển cất cánh".

Các trụ cột chiến lược: Lộ trình cụ thể cho khát vọng vươn mình

Bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã phác thảo những định hướng lớn, những trụ cột chiến lược cụ thể, là lộ trình chi tiết để hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc:

Thứ nhất, tăng cường sức mạnh nội sinh: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh việc "phát huy cao nhất tinh thần 'tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc'", cùng với việc "giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, lấy nguồn lực nội sinh, nguồn lực con người là nền tảng, nguồn lực khoa học - công nghệ là đột phá để đưa đất nước phát triển cất cánh". Đây là sự cụ thể hóa về việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là tiềm năng con người và khoa học công nghệ, nhằm tạo đà cho sự vươn mình kinh tế - xã hội.

Thứ hai, phát triển con người và văn hóa làm nền tảng: "Phát triển con người toàn diện; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà

bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng phát triển, là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước". Dẫn chứng này khẳng định tầm quan trọng vượt trội của yếu tố con người và văn hóa trong quá trình vươn mình bền vững.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Khơi xướng tâm nhìn và khát vọng “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”

Thứ ba, “dân là gốc” và mục tiêu hạnh phúc của Nhân dân: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tái khẳng định nguyên tắc cốt lõi: “Dân là gốc”, “Nhân dân là chủ thể, trung tâm của công cuộc đổi mới”, với mục tiêu cao nhất là “lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của đổi mới, phát triển, được sống hạnh phúc trong môi trường an ninh, an toàn, không ai bị bỏ lại phía sau”. Khát vọng vươn mình của dân tộc phải gắn liền với sự ấm no, hạnh phúc và quyền lợi chính đáng của mỗi người dân.

Thứ tư, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh: Cuộc chiến “không ngừng”, “không nghỉ” chống tham nhũng, tiêu cực được nhấn mạnh, là

điều kiện tiên quyết để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, "là đạo đức, là văn minh", đủ sức lãnh đạo dân tộc vươn mình vượt qua mọi thách thức nội tại.

Đặc biệt, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã nhấn mạnh, Đại hội XIV của Đảng sẽ diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi, mang đến cả thời cơ và thách thức. Với thế và lực tích lũy sau 40 năm đổi mới cùng sự đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, Đại hội có nhiệm vụ đề ra các phương hướng, giải pháp chiến lược để Việt Nam "cất cánh" trong những năm tới.

Nội dung trọng tâm là giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, lấy nguồn lực nội sinh, con người làm nền tảng và khoa học - công nghệ làm đột phá. Đại hội cũng xác định rõ các định hướng lớn, bao gồm: kiên định phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu.

Việt Nam sẽ tiếp tục giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia trên cơ sở luật pháp quốc tế, đồng thời kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, là bạn, là đối tác tin cậy. Quan điểm "Dân là gốc" sẽ được kiên định, đảm bảo mọi chủ trương, chính sách xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Đại hội cũng nhấn mạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đổi mới toàn diện, mở rộng không gian phát triển, và không ngừng tăng cường đoàn kết trong Đảng và toàn dân. Cuộc chiến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ được đẩy mạnh "không ngừng", "không nghỉ", nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm là một tầm nhìn chiến lược đầy mạnh mẽ và khát vọng về kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc Việt Nam. Mọi nội dung, từ việc định vị bối cảnh lịch sử, yêu cầu đối với văn kiện Đại hội, đến các định hướng chiến lược cụ thể, đều

hội tụ về một mục tiêu chung: xây dựng một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, sánh vai với các cường quốc năm châu. Đây là kim chỉ nam quan trọng, tạo động lực to lớn cho Đại hội XIV của Đảng và cho chặng đường phát triển sắp tới của đất nước trong kỷ nguyên mới./.





Sách nói

TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM TRAO ĐỔI CHUYÊN ĐỀ KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Theo TTXVN, chiều 25/11/2024, tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo sư, Tiến sỹ Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.”



Tham dự buổi trao đổi có các đồng chí: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng; Lãnh đạo các Ban Đảng Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các đồng chí Thứ trưởng và tương đương các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thường trực các Tổ biên tập Văn kiện Đại hội XIV, Tổ trưởng Tổ biên tập báo cáo chính trị tại các địa phương, bộ, ngành và các đồng chí học viên các Lớp Bồi dưỡng cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

Đây là chuyên đề đặc biệt quan trọng để chuẩn bị cho việc xây dựng, hoàn thiện văn kiện Đại hội Đảng các ngành, các cấp, các địa phương tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và định hướng xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

Ý Đảng hòa quyền với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước

Về một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, kỷ nguyên thịnh vượng dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, cho hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên vườn mình là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển theo chế độ xã hội Xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở

thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nhất trí, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh.

Cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là những thành tựu vĩ đại đạt được sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giúp Việt Nam tích lũy đủ thế và lực cho sự phát triển bứt phá trong giai đoạn tiếp theo. Thế giới đang trong thời kỳ thay đổi có tính thời đại, từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để xác lập trật tự thế giới mới, đây cũng là thời kỳ cơ hội chiến lược quan trọng, giai đoạn nước rút của cách mạng Việt Nam để đạt mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu 100 năm thành lập nước.

Sự biến chuyển có tính thời đại đem đến thời cơ, thuận lợi mới nhưng cũng xuất hiện nhiều khó khăn, thách thức mới, trong đó thách thức nổi trội hơn. Tuy nhiên, thời cơ, vận hội vẫn có thể xuất hiện giữa những đột biến trong cục diện thế giới. Vấn đề là chúng ta làm sao phải nắm bắt được thời cơ, vận hội đó. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo và công nghệ số đem đến cơ hội mà những quốc gia đang phát triển, chậm phát triển có thể nắm bắt để đi trước đón đầu, phát triển vượt bậc.

Lịch sử Cách mạng Việt Nam cho thấy, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, bằng sự khơi dậy ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, bằng việc huy động sức mạnh toàn dân kết hợp

với sức mạnh thời đại, Đảng ta đã đưa dân tộc ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, tạo nên những kỳ tích trong Cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa độc lập, tự do, hạnh phúc. Hiện nay là thời điểm ý Đảng hòa quyền với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, thịnh vượng sớm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng

Trao đổi những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, Tổng Bí thư nêu rõ, về cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, bên cạnh những kết quả, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn những tồn tại, hạn chế và yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng, đảm bảo Đảng là người cầm lái vĩ đại, đưa dân tộc ta vượt lên đã trở thành vấn đề cấp thiết, vấn đề sống còn.

Tổng Bí thư yêu cầu cần tập trung thực hiện một số giải pháp chiến lược, thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tuyệt đối không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Tập trung tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của Đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “Bộ tổng tham mưu,” là đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước. Trong đó, nghiên cứu, đẩy mạnh việc hợp nhất một số cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng, bảo đảm nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng không trùng với nhiệm vụ quản lý; phân biệt và quy định rõ nhiệm vụ cụ thể của các cấp lãnh đạo trong các loại hình tổ chức Đảng, tránh tình trạng bao biện làm thay, hoặc tồn tại song trùng, hình thức.



*Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đại biểu dự buổi trao đổi.
(Ảnh: Thống Nhất/TTXVN)*

Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện Nghị quyết của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên thật sự là các “tế bào” của Đảng. Người thực hiện các Nghị quyết của Đảng phải là tất cả các đảng viên. Do vậy, Nghị quyết của các cấp ủy, tổ chức Đảng phải ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ thực hiện, xác định đúng, trúng yêu cầu, nhiệm vụ, con đường, cách thức phát triển của đất nước, của dân tộc, của từng địa phương, từng bộ, ngành; phải có tầm nhìn, tính khoa học, tính thực tiễn, thiết thực và tính khả thi; tạo sự phấn khởi, tin tưởng, kỳ vọng và động lực thôi thúc hành động của cán bộ, đảng viên, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và nhân dân thực hiện Nghị quyết của Đảng.

Xây dựng các chi bộ cơ sở vững mạnh, có tính chiến đấu cao, có năng lực đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống; đổi mới,

nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ cơ sở Đảng, đảm bảo hoạt động sinh hoạt chi bộ thực chất, hiệu quả. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của Đảng. Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền kiểm tra, giám sát gắn với phát hiện, xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng kiểm tra, giám sát để tham nhũng, tiêu cực.

Tinh gọn tổ chức bộ máy với phương châm “Trung ương làm gương - Địa phương hưởng ứng”

Về tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Tổng Bí thư nhấn mạnh, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, nhất là đối với các cơ quan Trung ương là vấn đề đặc biệt hệ trọng, có thể coi đây là một cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy; tác động đến sự phát triển của đất nước và tâm tư, tình cảm, quyền lợi của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Đây cũng là vấn đề khoa học tổ chức, rất khó khăn, phức tạp, bởi có nhiều quan điểm, ý kiến với góc nhìn khác nhau.

Vì vậy, việc triển khai thực hiện khẩn trương nhưng không nóng vội, cần làm rõ các nguyên tắc để xác định không trùng lắp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, các đơn vị khác phối hợp; làm rõ các chính sách cụ thể để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động (cả việc làm công tác chính trị tư tưởng và chế độ, chính sách), bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới đời sống của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và người lao động; bảo đảm bộ máy hệ thống chính trị vận hành liên tục, không đứt quãng, không bỏ trống thời gian, địa bàn, lĩnh vực trong quá trình sắp xếp lại. Xây dựng tổ chức bộ máy hiệu lực hiệu quả là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất, dũng cảm, sự hy sinh của từng cán bộ, đảng viên cùng với quyết tâm rất cao của toàn Đảng, cả hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp làm với phương châm “Trung ương làm gương - Địa phương hưởng ứng.”

Nhấn mạnh một số giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới, Tổng Bí thư chỉ rõ, đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được; tăng cường tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số; xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Cơ quan tổ chức phải có bộ công cụ đánh giá, phân định rõ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung với người phiêu lưu, liều lĩnh, viển vông, không thực tế; có cơ chế bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay từ khi đề xuất kế hoạch; sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thử thách đối với các đồng chí là nhân sự được quy hoạch tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, bảo đảm lựa chọn ra được cấp ủy, nhất là người đứng đầu có năng lực lãnh đạo, có sức chiến đấu cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì sự nghiệp chung, có năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trên từng lĩnh vực, địa bàn.

Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản Chỉ ra một số giải pháp, định hướng chiến lược phát triển kinh tế, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu, bẫy thu nhập trung bình, Tổng Bí thư yêu cầu, đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế-văn hóa, xã hội của đất nước và phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội là ưu tiên cao nhất. Tập trung xây dựng mô hình xã hội chủ

nghĩa Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mà Cương lĩnh của Đảng đã xác định (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Cộng sản lãnh đạo).

Tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. Khởi xướng và thực hiện cách mạng chuyển đổi số. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển.

Về tăng cường tính Đảng trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, Tổng Bí thư nêu rõ quan điểm, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải liên tục được hoàn thiện để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, phát huy dân chủ, vì con người, công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Phổ cập xã hội số trong toàn dân

Về chuyển đổi số, Tổng Bí thư nêu một số giải pháp chủ yếu tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho phát triển số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó đặt ra mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số; khuyến khích phong trào “bình dân học vụ số” để phổ cập xã hội số trong toàn dân.



Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.” (Ảnh: Thống Nhất/TTXVN)

Nhân mạnh, lãng phí hiện nay diễn ra khá phổ biến, dưới nhiều dạng thức khác nhau, đã và đang gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng cho phát triển, Tổng Bí thư lưu ý giải pháp chiến lược những năm tới đó là: Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Từ ban hành quy định của Đảng để nhận diện, chiến lược quốc gia, quy định của pháp luật và thực thi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công theo tinh thần “xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng cả lĩnh vực.”

Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế-kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản

lý, sử dụng tài sản công; thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ trong chuyển đổi để giảm thiểu lãng phí. Giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém. Sớm hoàn thành cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác,” “tự nguyện,”.

Tổng Bí thư nhấn mạnh, đây là một số nội dung cơ bản cần trao đổi, quán triệt, thống nhất và tổ chức thực hiện trong thời gian tới nhằm đưa Việt Nam vươn cao, vươn xa, vươn tới những mục tiêu mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn là “Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Tại các buổi trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, Tổng Bí thư Tô Lâm luôn nhấn mạnh 7 định hướng chiến lược nhằm đưa Việt Nam vào kỷ nguyên phát triển mới. Các định hướng này tập trung vào việc cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, tinh gọn bộ máy, và tăng cường tính Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để khắc phục các hạn chế về thể chế và thủ tục. Đặc biệt, Tổng Bí thư nhấn mạnh việc chuyển đổi số là phương thức sản xuất mới, cần có hành lang pháp lý và nguồn nhân lực phù hợp. Cuộc chiến chống lãng phí sẽ được đẩy mạnh ngang tầm chống tham nhũng, đồng thời chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, dám nghĩ, dám làm. Về kinh tế, Việt Nam cần đột phá thể chế, phát triển lực lượng sản xuất mới và khởi xướng cách mạng chuyển đổi số để vượt qua nguy cơ tụt hậu và bẫy thu nhập trung bình.



Sách nói

TƯƠNG LAI CHO THẾ HỆ VƯỜN MÌNH

Xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nhiệm kỳ 2024 - 2029 ngày 18/12/2024.

Trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, thanh niên thế hệ trẻ luôn giữ vị trí quan trọng, được ví như rường cột quyết định sự hưng thịnh của dân tộc. Trong mọi thời kỳ cách mạng từ khi có Đảng lãnh đạo đến nay, thanh niên luôn là lực lượng tiên phong, đóng vai trò nòng cốt, từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Có thể nói lịch sử của Đảng ta từ khi ra đời đến nay luôn có dấu ấn, thể hiện rõ vai trò của các thế hệ thanh niên ưu tú, xuất sắc của dân tộc. Các đồng chí Tổng bí thư đầu tiên, các nhà lãnh đạo tài ba của Đảng, các trí thức lớn của Việt Nam đều đã giữ các cương vị trọng trách ngay từ khi còn đang tuổi thanh niên.

Trong giai đoạn mới hiện nay, vai trò của lực lượng thanh niên càng trở nên quan trọng. Thanh niên là trụ cột để đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới, là nguồn lực chủ yếu để xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất mới, đồng thời là đội ngũ tiên phong tham gia các lĩnh vực mới. Thanh niên là chủ nhân tương lai của đất nước, là nhân tố quan trọng trong xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.



Tổng Bí thư Tô Lâm tặng hoa chúc mừng Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam khóa IX - Ảnh: VGP/Đức Tuấn

Thành tựu và thách thức

Sự trưởng thành, bền vững, thậm chí vận mệnh của đất nước phụ thuộc rất nhiều vào lực lượng thanh niên và thế hệ trẻ. Trong các cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống đế quốc, ngoại xâm giành độc lập, tự do, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, hàng triệu triệu thanh niên đã dâng hiến tuổi thanh xuân “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

Lịch sử dân tộc mãi mãi khắc ghi lớp lớp thanh niên ra trận “mà lòng phơi phới dậy tương lai” với tinh thần| “vững vàng hơn dãy Trường Sơn”, “Chưa hết giặc là ta chưa về”. Trong chiến đấu, trong xây dựng và bảo vệ đất nước, chúng ta luôn thấy hình bóng của “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Năm xung phong”, “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”, “Thanh niên đi đầu trong sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và “Thanh niên Việt Nam- Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”...

Những năm gần đây, thế hệ trẻ Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực học thuật, thể thao và văn hóa, góp phần khẳng định vị thế đất nước trên trường quốc tế. Thanh niên Việt Nam liên tục giành được các giải thưởng uy tín trong các kỳ thi quốc tế về toán học, vật lý, hóa học, tin học, sáng tạo khoa học kỹ thuật, nghệ thuật... Những thành công này cho thấy trí tuệ và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ của thanh niên Việt Nam trong môi trường toàn cầu hóa. Trong lĩnh vực thể thao, thanh niên cũng liên tục lập nên những dấu mốc đáng tự hào tại các giải đấu khu vực và thế giới, thể hiện rõ sức mạnh thể chất và tinh thần thi đấu kiên cường.

Về văn hóa, thế hệ trẻ đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam đã được quảng bá rộng rãi trên thế giới thông qua những nỗ lực không ngừng của các bạn trẻ trong các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế, các chương trình văn hóa nghệ thuật đa dạng và sáng tạo.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, chúng ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam, dù đã được nâng cao, nhưng vẫn còn khoảng cách khá xa so với các quốc gia phát triển, đặc biệt là ở khả năng sáng tạo, năng suất lao động, kỹ năng thực hành và trình độ ngoại ngữ. Hiện Việt Nam đã nằm trong nhóm 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, tuy nhiên năng suất lao động của ta hiện vẫn đứng thứ 117/181 nước/vùng lãnh thổ được thống kê, chỉ tương đương 11,4% so với Singapore, bằng 35,4% của Malaysia, chưa kể các quốc gia phát triển khác.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc cải thiện chất

lượng cuộc sống, giáo dục và y tế cho Nhân dân. Tuy nhiên, khi xét đến thể chất, sức khỏe tổng thể và chiều cao trung bình của thanh niên, vẫn tồn tại một khoảng cách rõ rệt so với các nước trong khu vực và các nước phát triển trên thế giới.

Chiều cao trung bình của nam giới ở Việt Nam trong lần khảo sát gần nhất vào năm 2020 là 168,1cm, nữ giới là 156,2cm, thấp hơn so với các nước trong khu vực như Thái Lan (nam 171 cm, nữ 159 cm), Hàn Quốc (nam 174 cm, nữ 161 cm) và Nhật Bản (nam 172 cm, nữ 158 cm). Tuổi thọ của người Việt Nam hiện nay là 74,5 năm (cao gần gấp đôi so với mức 45 tuổi của năm 1945 và khoảng 50 tuổi của năm 1975) thấp hơn 5-10 năm so với Nhật Bản (84,6 năm), Hàn Quốc (83,5 năm) hay Đức (81,2 năm). Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở Việt Nam (19,6%) cũng cao hơn nhiều so với các nước phát triển như Nhật Bản (2%) hay Singapore (4%), cho thấy vấn đề dinh dưỡng từ nhỏ vẫn ảnh hưởng lâu dài đến thể chất thanh niên. Trong các cuộc thi đấu thể thao thành tích cao, Việt Nam có thể đạt thành tích tốt trong các môn đòi hỏi kỹ năng nhưng khó cạnh tranh được ở các môn yêu cầu sức mạnh và sức bền.

Một thách thức nữa là việc Việt Nam hiện đang bước vào giai đoạn cuối của thời kỳ dân số vàng trong khi hiện tượng già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. Năm 2011 tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm trên 10% tổng dân số, đến năm 2022, tỷ lệ này đã tăng lên khoảng 12,8%, tương đương khoảng 12,5 triệu người cao tuổi. Dự kiến đến năm 2036, tỷ lệ người cao tuổi sẽ đạt 20%, đồng nghĩa với việc Việt Nam bước vào giai đoạn dân số già. Khi dân số già đi, tỷ lệ người lao động giảm, số người phụ thuộc tăng lên, dẫn tới gánh nặng tài chính ngày càng cao cho nhóm dân số trong độ tuổi lao động. Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cũng sẽ chịu áp lực ngày càng lớn khi nhu cầu chăm sóc người cao tuổi tăng cao. Đây là thách thức lớn đối với việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững để tận dụng hiệu quả nguồn nhân lực trẻ trước khi bước vào giai đoạn dân số già.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ mai một đáng kể. Hiện tượng giao lưu, hội nhập văn hóa trên quy mô toàn cầu mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và xã hội nhưng cũng đồng thời tạo ra những thách thức lớn trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống. Các xu hướng văn hóa ngoại lai, nếu không được tiếp nhận một cách tỉnh táo và có chọn lọc, có thể làm lu mờ, thậm chí làm xói mòn những nét đẹp vốn có của văn hóa dân tộc.

Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của vấn đề này chính là sự thay đổi trong lối sống và tư duy của giới trẻ. Nhiều thanh niên ngày nay dễ dàng tiếp nhận những giá trị mới, hiện đại từ bên ngoài mà ít quan tâm đến các giá trị truyền thống của dân tộc. Sự phổ biến của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội và giải trí quốc tế khiến cho nhiều người trẻ ngày càng xa rời những giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc, như các loại hình nghệ thuật truyền thống, lễ hội dân gian, ẩm thực truyền thống, và cả những giá trị đạo đức, tinh thần đoàn kết cộng đồng vốn là nét đẹp riêng của người Việt. Tệ nạn xã hội, tỷ lệ phạm tội trong giới trẻ ngày càng diễn biến phức tạp và đang len lỏi vào đời sống của một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên, làm suy yếu nòng cốt giống của dân tộc.

Trong một thế giới đầy biến động

Thế giới đang bước vào một thời kỳ phát triển đột phá chưa từng có về công nghệ và khoa học kỹ thuật. Sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, dữ liệu lớn và tự động hóa đang định hình mạnh mẽ, nhanh chóng cách thức làm việc, sinh hoạt và giao tiếp toàn cầu. Điều này đòi hỏi mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải chuẩn bị kỹ lưỡng một thế hệ trẻ đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe về nguồn nhân lực để hội nhập và phát triển bền vững.

Về mặt trí tuệ, thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay cần hơn bao giờ hết khả năng sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng xử lý nhanh chóng

những thay đổi về công nghệ. Thanh niên phải được đào tạo để trở thành những người tiên phong trong việc làm chủ công nghệ mới, có đủ năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng những thành tựu tiên tiến nhất vào thực tiễn. Đồng thời, thế hệ trẻ cần có tư duy toàn cầu, khả năng giao tiếp quốc tế và kỹ năng ngoại ngữ vượt trội để chủ động hội nhập vào môi trường quốc tế, cạnh tranh công bằng và hiệu quả với bạn bè thế giới.

Tuy nhiên, trí tuệ thôi là chưa đủ. Thể chất khỏe mạnh và bản lĩnh vững vàng cũng là điều kiện không thể thiếu để thế hệ trẻ có thể thích nghi và phát triển trong môi trường toàn cầu cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Một thế hệ thanh niên khỏe mạnh về thể chất sẽ đảm bảo nguồn lực lao động chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Do đó, giáo dục thể chất cần được chú trọng hơn nữa, kết hợp với việc xây dựng hệ thống y tế cộng đồng và cơ sở vật chất thể thao hiện đại nhằm cải thiện sức khỏe tổng thể và nâng cao tâm vóc người Việt Nam.

Trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, thế hệ trẻ cũng cần được giáo dục, bồi dưỡng để luôn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Văn hóa đóng vai trò là nền tảng tinh thần quan trọng trong quá trình phát triển toàn diện của thanh niên Việt Nam. Văn hóa không chỉ giúp định hình bản sắc quốc gia mà còn là sức mạnh mềm quan trọng, giúp Việt Nam khẳng định vị thế và hình ảnh trên trường quốc tế. Đồng thời, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần nhân văn sâu sắc và ý thức trách nhiệm xã hội cao phải được bồi dưỡng thường xuyên, nhằm xây dựng một thế hệ trẻ có đủ năng lực và nhân cách để đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội và thế giới.

Thực tế cho thấy, các nước phát triển, các cường quốc thế giới và khu vực đều ưu tiên phát triển giáo dục toàn diện, tăng cường thể chất và bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Chúng ta cần học tập và áp dụng linh hoạt những bài học quốc tế này để xây dựng một thế hệ thanh niên xuất sắc, đảm bảo đất nước vững bước phát triển trong kỷ nguyên mới.

Trước vận hội mới của đất nước

Sau 80 năm lập nước và 50 năm hoàn toàn thống nhất đất nước và gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đang bước vào giai đoạn có tính đột phá trong phát triển, mở ra những cơ hội nhưng đồng thời cũng đang đứng trước những thách thức chưa từng có. Đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, đối diện với những biến đổi mạnh mẽ từ những đột phá về khoa học công nghệ và những biến động toàn cầu.

Hướng tới năm 2045, dấu mốc trọng đại kỷ niệm 100 năm thành lập nước, chúng ta đặt ra mục tiêu chiến lược là phải trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao. Để đạt được điều đó, Việt Nam cần có một thể hệ trẻ không chỉ xuất sắc về trí tuệ mà còn vượt trội về thể chất, giàu bản sắc văn hóa, đủ khả năng cạnh tranh và sánh vai với các cường quốc năm châu, khẳng định vị thế đất nước trên trường quốc tế.

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là lấy con người làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, vì con người vừa là mục đích cuối cùng, vừa là động lực chính thúc đẩy sự phát triển xã hội. Và, phát triển kinh tế- xã hội vì mục tiêu thỏa mãn nhu cầu tinh thần và vật chất ngày càng cao hơn của nhân dân. Phát triển con người trở thành vấn đề trọng tâm và mang tính chiến lược quyết định sự thành công của đất nước. Vì vậy, công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đầu tư và phát triển thể hệ trẻ trở thành ưu tiên chiến lược hàng đầu trong giai đoạn mới. Xây dựng và nuôi dưỡng một thể hệ thanh niên mạnh mẽ, trí tuệ và văn minh chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam không ngừng vươn lên, trở thành quốc gia phát triển, biểu tượng của khát vọng, sức mạnh và ý chí dân tộc.

Định hướng phát triển con người mới hướng tới năm 2045

Khoảng thời gian từ 2025 đến 2045 chỉ còn đúng 20 năm. Những em bé được sinh ra trong quãng thời gian này sẽ là lớp thanh - thiếu niên của thế hệ mới, là chủ nhân tương lai của đất nước Việt Nam phát triển hưng thịnh. Để hướng tới năm 2045 với tầm nhìn về một Việt Nam phát triển toàn diện, việc định hướng phát triển con người, đặc biệt là thế hệ trẻ, trở thành ưu tiên chiến lược. Trước hết, cần đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo nhằm phát triển trí tuệ và tri thức. Hệ thống giáo dục phải được đổi mới sâu rộng, tập trung phát triển các kỹ năng sáng tạo, STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học), ngoại ngữ, kỹ năng số và công nghệ hiện đại. Giáo dục trí tuệ cần đi đôi với giáo dục văn hóa, đạo đức và thẩm mỹ để hình thành những cá nhân toàn diện. Đồng thời, việc thúc đẩy tinh thần tự học, học tập suốt đời, xây dựng một xã hội học tập toàn diện cũng là nhiệm vụ then chốt. Để xây dựng lực lượng tinh hoa, chúng ta cũng cần có các chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài trẻ trở về từ nước ngoài, xây dựng đội ngũ nhân lực có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Song song với giáo dục trí tuệ là chiến lược nâng cao sức khỏe và thể chất của người Việt. Cần khuyến khích phát triển thể thao học đường một cách bài bản và hiệu quả nhằm nâng cao tầm vóc người Việt Nam. Chúng ta cần đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2045 là chiều cao trung bình của thanh niên Việt Nam phải đạt một mức nào đó ngang bằng với các nước phát triển trong khu vực. Để hiện thực hóa mục tiêu này, việc đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe toàn dân và xây dựng các cơ sở hạ tầng thể thao hiện đại trở thành yêu cầu cấp thiết. Chúng ta cũng cần đặt mục tiêu tăng số lượng vận động viên thể thao thành tích cao, hướng tới giành huy chương tại các giải đấu lớn như ASIAD và Olympic, không chỉ ở các môn đòi hỏi kỹ năng mà cả các môn đòi hỏi thể lực, sức mạnh vượt trội.

Văn hóa là yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển con người. Chúng ta cần tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nghệ thuật, đồng thời đổi mới và hiện đại hóa để phù hợp với thời đại. Mục tiêu là xây dựng con người Việt Nam giàu bản sắc dân tộc: yêu nước, nhân ái, sáng tạo, hội nhập mà không hòa tan. Việc thúc đẩy công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một động lực kinh tế và sức mạnh mềm quốc gia cũng cần được chú trọng.

Trong chiến lược phát triển dân số, chúng ta cần duy trì cơ cấu dân số hợp lý, tận dụng hiệu quả giai đoạn dân số vàng hiện nay trước khi bước vào thời kỳ dân số già. Chất lượng dân số cần được cải thiện thông qua các chương trình sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục toàn diện. Chính sách hỗ trợ các gia đình trẻ, khuyến khích mức sinh thay thế và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em cần được thực hiện đồng bộ.

Việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lý tưởng và khát vọng cống hiến trong thanh niên trở nên đặc biệt quan trọng. Chúng ta cần tạo môi trường để giới trẻ tham gia tích cực vào các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế xanh và các dự án văn hóa quốc gia, đồng thời khuyến khích thanh niên hội nhập quốc tế sâu rộng. Qua đó, thanh niên không chỉ tiếp thu tinh hoa thế giới mà còn lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc của Việt Nam ra quốc tế.

Để hiện thực hóa các mục tiêu lớn này, Đảng và Nhà nước sẽ đầu tư mạnh mẽ và toàn diện nguồn lực nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của thế hệ trẻ, đặc biệt là “Thế hệ vươn mình”. Giáo dục, đào tạo, thể thao, văn hóa và chính sách dân số sẽ là những trọng tâm ưu tiên hàng đầu trong chiến lược quốc gia. Mỗi chính sách, mỗi chương trình hành động đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực cạnh tranh quốc tế của thế hệ trẻ Việt Nam. Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách tạo môi trường và

điều kiện thuận lợi để thanh niên phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hòa về đức - trí - thể - mỹ.

Cần nghiên cứu, xây dựng các nhóm chính sách đặc thù, phù hợp nhằm phát huy vai trò tiên phong của thanh niên trong lao động sản xuất, tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đi đầu trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số quốc gia, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực tham gia thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế.

Đồng thời, cần tăng cường các giải pháp xây dựng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao; rà soát, sửa đổi và bổ sung các chính sách trọng điểm quốc gia dành cho tài năng trẻ; có những chính sách đột phá về học tập, phân luồng hướng nghiệp, đào tạo nghề, việc làm, nhà ở, các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu niên. Cần xác định những giải pháp cụ thể nhằm phòng ngừa, chống và giảm tỷ lệ tội phạm trong thanh niên; triển khai đồng bộ bộ chỉ số thống kê về thanh niên; xây dựng bộ tiêu chí vì sự phát triển thanh niên Việt Nam cấp tỉnh.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả, nội dung, phương pháp hoạt động theo hướng gắn với mục tiêu phát triển của địa phương, đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; coi trọng chiều sâu, hiệu quả thiết thực, bảo đảm tiếp cận sâu, rộng tới mọi tầng lớp thanh thiếu niên. Tổ chức Đoàn cần phát huy tinh thần cống hiến, vai trò xung kích của thanh niên trong phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế; phát triển khoa học công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tham gia phòng, chống, giảm tỷ lệ tội phạm trong thanh thiếu niên.



Tổng Bí thư Tô Lâm trò chuyện với đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ IX. Ảnh: Tuấn Minh

Bên cạnh sự hỗ trợ từ Đảng và Nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội, sự đồng hành, hợp tác từ gia đình, nhà trường và cộng đồng doanh nghiệp là yếu tố then chốt, không thể thiếu trong hành trình phát triển của thanh niên. Gia đình giữ vai trò nền tảng, nhà trường là nơi rèn luyện trí tuệ và nhân cách, còn các tổ chức, doanh nghiệp sẽ là môi trường lý tưởng để các bạn trẻ thể hiện năng lực sáng tạo, rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm thực tế.

Hơn hết, chính thanh niên mới là lực lượng quyết định thành công của các mục tiêu, tầm nhìn này. Mọi thanh niên Việt Nam cần chủ động học tập, rèn luyện và không ngừng phấn đấu để khẳng định bản thân. Thế hệ trẻ cần tự tin bước ra thế giới, mang theo hành trang là tri thức sâu rộng, thể chất khỏe mạnh và tâm hồn giàu bản sắc văn hóa Việt Nam, đồng thời phải rèn luyện bản thân trở thành những công dân toàn cầu mang hồn Việt, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với tầm nhìn đó, dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước sẽ là cột mốc quan trọng mà đất nước ta hướng tới với niềm tự hào và kỳ vọng. Trên chặng đường 20 năm tiếp theo hướng tới cột mốc đó, chúng ta cùng chia sẻ chung một khát vọng: xây dựng thể hệ thanh niên Việt Nam bản lĩnh, tiến bộ, xuất sắc về trí tuệ, vượt trội về thể chất và đậm đà bản sắc văn hóa, đủ sức tự tin sánh vai cùng bạn bè quốc tế, góp phần đưa đất nước vươn tới hùng cường và phát triển.

Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh vai trò đột phá của thanh niên trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khẳng định tương lai của chủ nghĩa cộng sản thuộc về thanh niên. Thanh niên được xác định là lực lượng xung kích, đi đầu trong công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh".

Để thực hiện vai trò vẻ vang này, thanh niên cần ý thức rõ trách nhiệm, không ngừng học tập, rèn luyện, làm chủ khoa học công nghệ, kiên trì, quyết đoán, nắm bắt thời cơ và tránh kiêu ngạo, tự mãn.

Đảng và Nhà nước luôn đặt niềm tin sâu sắc vào thanh niên, xem đây là nhân tố chủ chốt định hình và phát triển tương lai đất nước, coi sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng và thắng lợi của cách mạng. Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho thanh niên và công tác thanh niên.

Tổng Bí thư kỳ vọng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong nhiệm kỳ mới sẽ phát huy vai trò, trách nhiệm, kiên định con đường cách mạng, không ngừng vươn lên tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc, góp phần xây dựng một Việt Nam hùng mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Sách nói

VƯƠN MÌNH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Xin trân trọng giới thiệu bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm với tựa đề "Vươn mình trong hội nhập quốc tế".

Nhìn lại lịch sử Cách mạng nước ta, hội nhập và phát triển của đất nước luôn gắn liền với những biến chuyển của thời đại. Ngay từ những ngày đầu lập nước, trong bức thư gửi tới Liên hợp quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ tinh thần là Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước, bày tỏ mong muốn “thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”. Đây có thể được coi là “bản tuyên ngôn” đầu tiên về cách tiếp cận của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với cộng đồng quốc tế.

Tư tưởng “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại” đó đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo trong 80 năm qua, luôn gắn cách mạng nước ta với trào lưu tiến bộ của thời đại và sự nghiệp chung của nhân loại.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định muốn hòa bình và phát triển thì phải mở cửa với bên ngoài, hợp tác với các quốc gia khác, trong đó hội nhập quốc tế là hình thức, trình độ phát triển cao của hợp tác quốc tế. Nói cách khác hội nhập quốc tế là “đặt đất nước vào dòng chảy chính của thời đại, đập cùng nhịp đập, thở cùng hơi thở của thời đại”, gia tăng sức mạnh của mình thông qua việc gắn kết với thế giới. Đảng đã đề ra chủ trương hội nhập quốc tế, trước là hội nhập kinh tế, sau là hội nhập

toàn diện để khơi thông, mở rộng quan hệ với các quốc gia và tổ chức quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vai trò, vị thế của quốc gia, đưa Việt Nam hội nhập vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại.

Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên vườn mình tới thịnh vượng, hùng cường, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đòi hỏi phải có tâm thế, vị thế mới và tư duy, cách tiếp cận mới về hội nhập quốc tế. Sự ra đời của Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” là “quyết sách đột phá”, đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong quá trình hội nhập của đất nước với việc định vị hội nhập quốc tế là động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Trong đó hội nhập quốc tế chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới.



Tổng Bí thư Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm.

Đảng ta xác định hội nhập quốc tế là chiến lược quan trọng nhằm củng cố vị thế chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, nâng tầm ảnh hưởng của đất nước trên bản đồ thế giới. Hội nhập quốc tế đã từng bước phát triển qua các thời kỳ, từ hội nhập có giới hạn, có chọn lọc, thiên về ý thức hệ, hội nhập kinh tế đơn thuần ban đầu đến “hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện” hiện nay. Đại hội Đảng lần thứ IX lần đầu tiên đề ra chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội Đảng lần thứ XI đánh dấu một bước chuyển trong tư duy từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực”. Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị là sự cụ thể hóa đường lối hội nhập quốc tế với chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Gần đây nhất, tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng, định hướng chiến lược này một lần nữa được phát triển, hoàn thiện hơn thành “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng có hiệu quả”.

Trong 40 năm đổi mới, tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt những kết quả quan trọng, mang tầm vóc lịch sử. Từ một đất nước bị bao vây cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 34 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước lớn; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh phát triển sâu rộng, thực chất. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành một trong 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, quy mô kinh tế tăng gần 100 lần so với năm 1986, thu nhập bình quân đầu người tăng từ dưới 100 USD lên gần 5.000 USD. Việc tham gia các thỏa thuận hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế đa tầng nấc, nhất là 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã gắn kết Việt Nam với hơn 60 nền kinh tế chủ chốt, tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, đưa Việt Nam lọt vào nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thu hút nhiều vốn đầu tư

nước ngoài nhất thế giới từ năm 2019 đến nay, là một trong 10 quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất thế giới.

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng thể, nghiêm túc và khách quan, kết quả thực hiện các chủ trương hội nhập quốc tế vẫn còn những điểm chưa thực sự như mong đợi, chưa đạt các mục tiêu đề ra, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nhất là vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, rào cản, nút thắt đang cản trở sự phát triển. Hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng đem lại không ít thách thức và mặt trái như: cạnh tranh không công bằng, tăng trưởng không bền vững, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, nguy cơ “chệch hướng”, “xâm lăng văn hóa”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, “sói mòn niềm tin” trong nội bộ...

Thế giới đang đứng trước những thay đổi căn bản mang tính thời đại, biến đổi sâu sắc về mọi mặt dưới tác động của các chuyển dịch lớn của chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ. Giai đoạn từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để định hình và xác lập trật tự thế giới mới. Những thay đổi này đang tạo ra một môi trường quốc tế đa chiều hơn, mở ra những vận hội lớn cùng nhiều thách thức lớn cho đất nước. Trong giai đoạn giao thời, quá độ giữa cái cũ và cái mới, các nước vừa và nhỏ thường bị đặt ở thế bị động, không kịp thích ứng. Trong làn chuyển đổi này, nếu không kịp thời bắt nhịp với thế giới, nhận diện và tranh thủ cơ hội để đặt đất nước vào đúng dòng chảy của thời đại trong 10 năm, 20 năm tới, nguy cơ tụt hậu sẽ hiện hữu hơn bao giờ hết.

Sức mạnh thời đại hiện nay là các xu thế chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới như hòa bình, hợp tác và phát triển, xu thế dân chủ hóa quan hệ quốc tế, xu thế phát triển bền vững, xu thế hợp tác và liên kết kinh tế; là sức mạnh của cộng đồng quốc tế đồng thuận trong kiến tạo, củng cố thế giới đa cực, đa trung tâm, dân chủ, công bằng, bình đẳng, dựa trên luật pháp quốc tế và đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang mở ra không gian phát triển vô tận dựa trên tri thức và tiềm năng con người.

Đứng trước thời điểm lịch sử, đất nước cần những quyết sách lịch sử. Kế thừa những giá trị đã được khẳng định, Nghị quyết 59 đã nắm bắt được dòng chảy của sức mạnh thời đại và “nâng tầm” hội nhập quốc tế với những quan điểm mang tính cách mạng, tính đột phá, tính dân tộc, tính khoa học, tính thời đại cao.

Trước hết, cùng với quốc phòng, an ninh, “đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế” là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Tinh thần trọng yếu thường xuyên trong hội nhập quốc tế là phải tranh thủ nguồn lực, điều kiện thuận lợi bên ngoài cho mục tiêu bảo vệ Tổ quốc và phát triển đất nước từ sớm, từ xa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, đảm bảo tốt nhất lợi ích của nhân dân.

Thứ hai, trong nhận thức, hội nhập quốc tế phải là sự nghiệp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, động lực, lực lượng chủ công và đối tượng thụ hưởng các lợi ích của hội nhập quốc tế. Hội nhập nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc, hội nhập, hòa nhập chứ không hòa tan.

Thứ ba, hội nhập quốc tế phải trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng nội lực đi đôi với tranh thủ ngoại lực. Nội lực là nguồn lực chính, là gốc rễ cho sức mạnh, vì vậy phải luôn được phát huy để đảm bảo tính chủ động, độc lập, tự cường nhưng đồng thời, cần tranh thủ cao độ mọi nguồn lực từ bên ngoài để kết hợp và bổ sung cho nội lực. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình.

Thứ tư, hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, “hợp tác để đấu tranh và đấu tranh để hợp tác. Chú trọng phân đôi tác, hạn chế phân đôi tượng”. Đồng thời, tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Trong hội nhập, phải thể hiện đúng tinh thần “đối tác tích cực, có trách nhiệm” của cộng

đồng quốc tế, sẵn sàng đóng góp cho những nỗ lực chung của khu vực và thế giới.

Thứ năm, hội nhập quốc tế phải mang tính chất “đồng bộ, toàn diện, sâu rộng”, trong đó các lĩnh vực phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình và bước đi phù hợp.

Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện cho phát triển. Cùng với “tinh thần đổi mới” về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Nghị quyết số 18; “tư tưởng đột phá” về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Nghị quyết 57; định hướng về hội nhập quốc tế là “cầm nang hành động” của Nghị quyết 59 sẽ tạo nên “bộ ba chiến lược” trong trọng tâm “Ổn định lâu dài- Phát triển bền vững - Đời sống nâng cao” do Đảng đã vạch ra. Giai đoạn Cách mạng hiện nay, chúng ta cần triển khai quyết liệt và hiệu quả theo các hướng sau:

Một là tư duy, nhận thức và hành động mới trong hội nhập quốc tế phải được quán triệt sâu rộng, đi vào cuộc sống. Theo đó, nhận thức về chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả là một định hướng chiến lược lớn của Đảng, là một động lực quan trọng để phát triển và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc cần được thống nhất từ Trung ương tới địa phương, đến từng tổ chức, từng người dân và doanh nghiệp. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế, các yêu cầu, nhiệm vụ, cơ hội, quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Việt Nam trong hội nhập quốc tế cần được phổ biến, quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Hai là hội nhập kinh tế được xác định là trung tâm, hội nhập trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế với ưu tiên

hàng đầu là cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số. Tập trung vào các ngành có lợi thế và tiềm năng, ưu tiên huy động nguồn lực cho những lĩnh vực, dự án then chốt như của hạ tầng chiến lược về giao thông, về năng lượng như đường sắt tốc độ cao, đường cao tốc, hệ thống cảng biển, sân bay; nhà máy điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời; giảm phát thải và trung hoà các-bon để tránh lãng phí và đạt hiệu quả cao, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Cần tận dụng hiệu quả các cam kết, thỏa thuận, liên kết kinh tế quốc tế, nhất là các FTA thế hệ mới, để tăng cường đan xen lợi ích, không để phụ thuộc vào một số ít đối tác. Hoàn thiện thể chế trong nước nhằm nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực mới nổi, quan trọng, động lực mới cho tăng năng suất lao động như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Có chính sách phù hợp để thúc đẩy nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ, quản trị, kỹ năng chuyên môn cho doanh nghiệp và lao động Việt Nam. Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh có hiệu quả ở nước ngoài, xây dựng các thương hiệu quốc gia mang tầm quốc tế.

Ba là hội nhập về chính trị, an ninh, quốc phòng phải hướng tới mục tiêu nâng cao tiềm lực, vị thế đất nước, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Hội nhập quốc tế phải phát huy hiệu quả mạng lưới các quan hệ đối tác đã được xác lập để gia tăng tin cậy chính trị, tranh thủ nguồn lực cho phát triển, giải quyết các vấn đề còn tồn tại bằng biện pháp hòa bình, tăng cường hợp tác trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế. Tăng cường phối hợp với các đối tác để ứng phó hiệu quả với thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống như vấn đề Biển Đông, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực; chống ô nhiễm, dịch bệnh, tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia... Với thế và lực mới, chúng ta có thể vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa

giải trong những lĩnh vực phù hợp; đóng góp tích cực hơn vào hoạt động gìn giữ hòa bình, cứu hộ, cứu nạn quốc tế; đa dạng hóa hợp tác quốc phòng, an ninh, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, an ninh tự lực, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng.

Bốn là, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo tinh thần của Nghị quyết 57. Do đó hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải hướng tới việc đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến. Qua đó, nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển của đất nước, huy động, tranh thủ được nguồn lực quốc tế và phát huy mạnh mẽ nguồn lực trong nước để phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn, các ngành mới nổi và các lĩnh vực đổi mới sáng tạo.

Năm là đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hoá, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác. Về văn hoá, hội nhập nhưng phải gắn với bảo tồn, phát huy và quảng bá văn hóa dân tộc; phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp nội dung, các sản phẩm, thương hiệu văn hoá có chất lượng và năng lực cạnh tranh toàn cầu. Về y tế, tăng cường hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong y tế trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu ngang tầm quốc tế để chữa, trị bệnh theo phương châm “Đông-Tây y kết hợp”. Về giáo dục - đào tạo, đẩy mạnh chuẩn hoá, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế. Về du lịch, mở rộng, đa dạng hoá thị trường, chú trọng các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú lâu ngày. Về lao động, triển khai các cơ chế phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt

đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động Việt Nam. Và cao nhất, là xây dựng chiến lược phát triển con người Việt Nam của “thế hệ vươn mình”, để đến năm 2045 những chàng trai, cô gái tuổi mười tám, đôi mươi sánh vai cùng bạn bè quốc tế cả về trí tuệ và thể chất.

Sáu là, khắc phục điểm nghẽn về thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách. Trong đó, đẩy mạnh việc rà soát, nội luật hoá pháp luật quốc tế để thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết của ta. Các tổ chức, đoàn thể phải tăng cường giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và các cam kết về hội nhập quốc tế. Các bộ, ngành, địa phương phải đẩy mạnh đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế. Đồng thời, thể chế hoá, cụ thể hoá các chiến lược hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực, nhất là xây dựng, hoàn thiện pháp luật liên quan đến kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi số, giảm phát thải các-bon, không gian vũ trụ.

Bảy là, phát huy tinh thần của Nghị quyết 18 trong hội nhập quốc tế, kiện toàn các cơ quan chuyên trách theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiện đại, chuyên nghiệp. Mục tiêu là đưa các cơ chế này hoạt động hiệu quả hơn, tạo chuyển biến trong phối hợp triển khai hội nhập quốc tế giữa các cấp, các ngành, các địa phương và từng người dân, doanh nghiệp. Coi công tác cán bộ là “gốc”, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập, có chuyên môn, kỹ năng cao, ngang tầm quốc tế, có khả năng tham gia hoà giải, giải quyết tranh chấp quốc tế. Đổi mới, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của địa phương, người dân và doanh nghiệp trong tham gia hội nhập quốc tế.

Cuối cùng, hội nhập quốc tế chỉ thành công khi hội nhập trở thành văn hóa tự giác của mọi tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, địa phương; phát huy được vai trò trung tâm, sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của cả người dân, doanh nghiệp, địa phương trong gắn kết hội nhập quốc tế

và hội nhập trong nước, kết nối giữa các vùng, miền, địa phương, kết nối giữa các ngành, lĩnh vực, kết nối giữa nghiên cứu và triển khai... để đưa hội nhập thành các kết quả cụ thể.

Bác Hồ của chúng ta đã vận dụng sáng tạo tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tìm ra con đường cứu nước, đưa Việt Nam thoát khỏi cảnh nô lệ, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Trong thế giới phụ thuộc lẫn nhau như ngày nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Noi gương Bác, chúng ta phải bắt nhịp với sự vận động của thế giới, tìm ra con đường mang lại hòa bình, ổn định, thịnh vượng, phát triển và xây dựng vị thế cao hơn, vững chắc hơn cho đất nước trong kỷ nguyên mới.

Đất nước đang đứng trước cơ hội lớn để vươn mình, nhưng thách thức cũng vô cùng to lớn. Những thành quả của hội nhập cho đến nay đã góp phần tích lũy thế và lực cho sự bứt phá tiếp theo. Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết 59 đánh dấu bước chuyển quan trọng của Đảng ta về tư duy và định hướng hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới, tạo động lực đưa đất nước tiến tới đài vinh quang của độc lập, tự do, hạnh phúc, phồn thịnh, trường tồn.

(Bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học phát triển nông thôn Việt Nam ngày 03/04/2025).

*Sách nói*

TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM: QUYẾT ĐỊNH “SẮP XẾP LẠI GIANG SƠN” LÀ BƯỚC ĐI LỊCH SỬ

Trân trọng trích đăng bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ công bố các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương về việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện; thành lập tổ chức Đảng, chỉ định cấp ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp thành phố, xã, phường, đặc khu diễn ra tại TP Hồ Chí Minh sáng 30.6.2025.

Nhân sự kiện trọng đại của đất nước, từ Thành phố Hồ Chí Minh anh hùng và tươi đẹp, tôi xin gửi tới nhân dân cả nước lời thăm hỏi, lời chúc mừng và những mong mỏi của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về tương lai của đất nước ta, dân tộc ta.

Thưa đồng chí, đồng bào, quân dân cả nước và người Việt Nam ở nước ngoài,

Trước thời khắc thiêng liêng và trọng đại của dân tộc - khi chúng ta chính thức đồng loạt vận hành bộ máy chính quyền địa phương hai cấp tại 34 tỉnh, thành phố trong cả nước - một chỉnh thể hành chính mới của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tôi xin

gửi tới toàn thể đồng bào, đồng chí lời chúc mừng tốt đẹp nhất; Chúc đất nước ta tiếp tục thành công trên con đường đổi mới và phát triển.



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu tại Lễ công bố Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập các địa phương và thành lập tổ chức Đảng cấp tỉnh, sáng 30/6/2025.

Quyết định “sắp xếp lại giang sơn” là bước đi lịch sử có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước, hoàn thiện thể chế và tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, hướng tới hoàn thiện một nền hành chính quản trị hiện đại, kiến tạo, gần dân, sát dân, vì nhân dân phục vụ, để mọi lợi ích thuộc về nhân dân.

Việc tổ chức lại địa giới hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương mới là yêu cầu khách quan và tất yếu của sự nghiệp phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây là cơ hội quý báu để chúng ta đổi mới tư duy lãnh đạo, đổi mới phương thức quản lý nhà nước, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia và tăng cường hiệu quả phục vụ nhân dân. Đây cũng là kết quả của

sự nghiệp Cách mạng 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng; 80 năm Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa XHCN Việt Nam cùng thành tựu 40 năm đổi mới.

Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào cả nước, từ vùng cao biên giới đến hải đảo xa xôi, từ thành thị tới nông thôn, hãy tiếp tục phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững và tiếp tục hun đúc lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng, tương thân tương ái để tạo nên một khối thống nhất bền chặt - sức mạnh vô địch của nhân dân ta.

Tôi kêu gọi các cấp chính quyền, các cơ quan, đoàn thể, công chức, viên chức, người lao động hãy chuyển mình mạnh mẽ trong tư duy và hành động, nắm bắt xu thế phát triển, đổi mới cách nghĩ, cách làm, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân để hướng tới một nền hành chính phục vụ, hiện đại, minh bạch, của dân, do dân và vì dân.

Tôi kêu gọi đội ngũ trí thức, nhà khoa học, doanh nhân, văn nghệ sĩ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi, thiếu niên, nhi đồng, bà con các dân tộc anh em, các tôn giáo... tất cả hãy cùng nhau thi đua sáng tạo, tích cực học tập, lao động, sản xuất, làm ra thật nhiều của cải vật chất và giá trị tinh thần, góp phần đưa đất nước ta ngày một phát triển nhanh hơn, mạnh hơn, bền vững hơn.

Tôi kêu gọi người Việt Nam ở nước ngoài hãy tiếp tục hướng về quê hương, về cội nguồn dân tộc, hãy kết nối, hỗ trợ lẫn nhau và góp phần cùng nhân dân trong nước xây dựng Việt Nam hùng cường, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với bạn bè Năm châu. Tổ quốc luôn mở rộng vòng tay chào đón “những công dân xa tổ quốc” về chung tay dựng xây, phát triển đất nước.

Nhân dịp này, Tôi kêu gọi bạn bè, đối tác quốc tế, các tổ chức đa phương hãy tiếp tục đồng hành cùng Việt Nam trong hành trình xây dựng một nền hành chính hiện đại, một nền kinh tế năng động, một xã hội phát triển toàn diện và một đất nước Việt Nam tình nghĩa, thân thiện,

hội nhập, hợp tác, có trách nhiệm vì hòa bình, ổn định, tiến bộ và thịnh vượng chung.

Thưa đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước thân mến,

Chúng ta đang đứng trước vận hội lớn. Mỗi tổ chức, mỗi cộng đồng, mỗi cá nhân đều là một mắt xích quan trọng trong guồng quay cải cách mạnh mẽ này. Mỗi người dân Việt Nam, trong nước hay ở nước ngoài, đều có vai trò và trách nhiệm công dân trong việc đưa đất nước đi lên, vượt qua khó khăn, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, làm chủ tương lai của chính mình.

Hãy để mỗi ngày làm việc là một ngày kiến tạo. Hãy để mỗi người là một chiến sĩ trên mặt trận đổi mới. Hãy để tinh thần cách mạng tấn công mạnh mẽ, quyết liệt và sáng tạo, thấm đẫm hồn dân tộc trong từng hành động, từng quyết sách và từng bước phát triển đi lên.

Từ hôm nay, chúng ta tiếp tục chung tay, đồng lòng, đoàn kết, nhất trí thực hiện thành công mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đảm bảo hệ thống tổ chức vận hành trơn tru, hiệu lực, hiệu quả; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân; chăm lo an sinh xã hội và mở rộng cơ hội phát triển cho mọi tầng lớp nhân dân.

Tôi tin tưởng rằng, với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, với khát vọng hùng cường, với ý chí đổi mới không ngừng, dân tộc Việt Nam sẽ vững vàng bước tiếp trên con đường xây dựng một nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa hòa bình, văn minh, phồn vinh và hạnh phúc.

Đến thời điểm này, đội ngũ chúng ta đã chinh tề, hàng lối đã ngay ngắn, cả dân tộc cùng hành quân vươn tới tương lai rực rỡ của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân, vì một Việt Nam phát triển bền vững.

Chúc các đồng chí, đồng bào, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và kiều bào ta sức khỏe, thành công và vững niềm tin thắng lợi.

Xin trân trọng cảm ơn.

(Bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học phát triển nông thôn Việt Nam ngày 03/04/2025).

*Sách nói*

NGHỊ QUYẾT 57: ĐÒN BẨY ĐỘT PHÁ VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) và chuyển đổi số quốc gia, cùng với Nghị quyết 193/2025/QH15 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế đặc biệt, đã nhanh chóng được giới chuyên gia và lãnh đạo cấp cao đánh giá là một văn kiện lịch sử, mang tính cách mạng, tạo nên đòn bẩy và trụ cột đột phá cho sự phát triển vượt bậc của Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ.

Tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Nghị quyết 57 là kết quả của sự nhận thức sâu sắc về vai trò quyết định của KHCN&ĐMST và chuyển đổi số đối với sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của Nghị quyết, khẳng định KHCN&ĐMST và chuyển đổi số phải trở thành "đột phá quan trọng hàng đầu" và "động lực chính" để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng và phương thức quản trị quốc gia. Việc Tổng Bí thư trực tiếp ký ban hành và làm Trưởng

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN&ĐMST và chuyển đổi số đã gửi đi một thông điệp mạnh mẽ về sự ưu tiên và quyết tâm chính trị chưa từng có của toàn hệ thống.



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu chỉ đạo Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tháng 1/2025.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính liên tục coi Nghị quyết 57 là kim chỉ nam cho công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Thủ tướng nhấn mạnh, Nghị quyết là cơ sở để "cởi trói" những vướng mắc về thể chế, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, cho phép Việt Nam tận dụng triệt để lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, sự năng động của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế để biến thách thức thành cơ hội, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao như AI và bán dẫn.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn đã chỉ đạo Quốc hội khẩn trương rà soát, hoàn thiện pháp luật, thể chế hóa các chủ trương, chính sách trong Nghị quyết 57. Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết 193/2025/QH15 thí điểm các cơ chế, chính sách đặc biệt đã chứng minh sự đồng

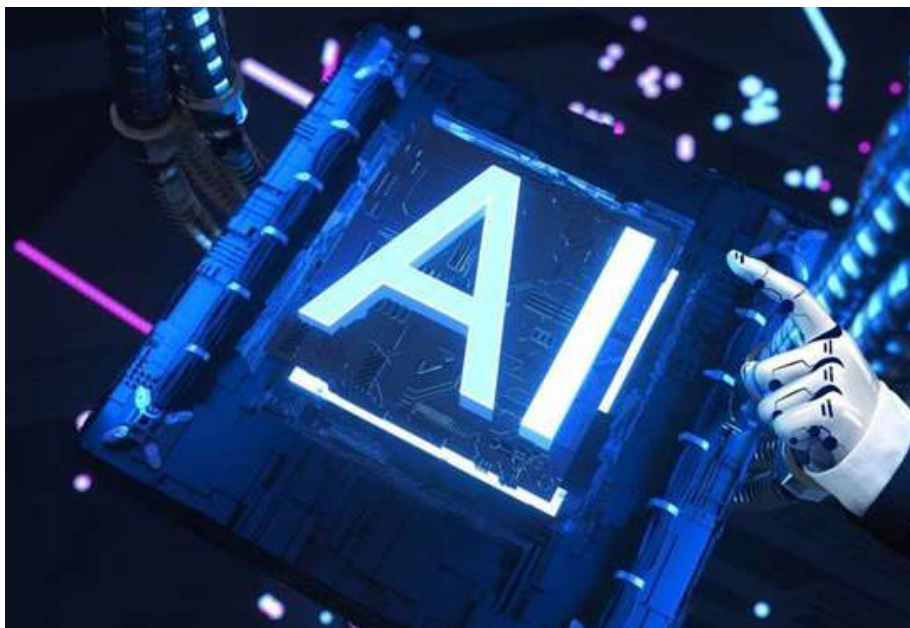
bộ, quyết liệt trong hành động của cơ quan lập pháp, tạo cơ sở pháp lý cho những chính sách đột phá, dám vượt qua các quy định thông thường để thúc đẩy KHCN&ĐMST. Điều này thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa lập pháp, hành pháp và Đảng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

Giá trị cốt lõi và những chính sách đột phá

Nghị quyết 57 không chỉ là tập hợp các mục tiêu mà còn chứa đựng những giá trị cốt lõi và chính sách đột phá mang tính "cách mạng", biến nó thành một đòn bẩy mạnh mẽ.

Thứ nhất, thay đổi tư duy quản lý tài chính: Đây là một trong những điểm đột phá được các chuyên gia đánh giá cao nhất. Nghị quyết khẳng định rõ "đầu tư cho KHCN là đầu tư cho phát triển" thay vì chi tiêu. Các cơ chế tài chính được "cởi trói" như cấp kinh phí theo tiến độ, cho phép chuyển nguồn tự động sang năm sau, và quyết toán một lần khi kết thúc hợp đồng đã loại bỏ những rào cản hành chính rườm rà, giúp các nhà khoa học và tổ chức nghiên cứu tập trung hoàn toàn vào chuyên môn. PGS.TS. Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, nhận định: "Đây là điểm mấu chốt để dòng tiền đầu tư vào KHCN thực sự phát huy hiệu quả, tránh lãng phí và chậm trễ, đúng với tính chất của nghiên cứu và phát triển."

Thứ hai, chính sách "miễn trừ trách nhiệm" và chấp nhận rủi ro: Nghị quyết cho phép "thí điểm" và "miễn trừ trách nhiệm" đối với những thiệt hại khách quan do thử nghiệm công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh mới. Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thiện Nhân, một chuyên gia hàng đầu về đổi mới sáng tạo và nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, từng đánh giá rằng chính sách này là "cực kỳ táo bạo và cần thiết", xóa bỏ nỗi sợ hãi về rủi ro pháp lý, khuyến khích các doanh nghiệp và nhà khoa học dấn thân vào những lĩnh vực mới, chấp nhận thất bại như một phần của quá trình học hỏi và tiến bộ.



Nếu được áp dụng rộng rãi, các công cụ AI có thể đem lại lợi ích kinh tế đến 79,3 tỉ USD cho các doanh nghiệp Việt Nam vào năm 2030.

Thứ ba, coi dữ liệu là "tư liệu sản xuất chính": Việc Nghị quyết xác định dữ liệu là "tư liệu sản xuất chính", thúc đẩy phát triển công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu, và hình thành các sản phẩm giao dịch dữ liệu là một bước đi chiến lược. Ông Peter R. Davis, Giám đốc Phân tích Dữ liệu khu vực châu Á – Thái Bình Dương của một tập đoàn công nghệ lớn có trụ sở tại Singapore, nhận xét: "Việt Nam đang đi đúng hướng khi coi trọng tài nguyên dữ liệu và xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu. Đây là nền tảng để phát triển AI, Big Data và các ứng dụng thông minh, tạo ra giá trị kinh tế khổng lồ trong tương lai, một xu thế không thể đảo ngược trên toàn cầu."

Thứ tư, cơ chế đặc biệt cho nhân tài: Chính sách về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập và môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng và giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia, "tổng công trình sư" là một đột phá mang tính cách mạng. Tiến sĩ Nguyễn Quang

Thuận, Chủ tịch HĐQT FiinGroup, một chuyên gia về thị trường tài chính và công nghệ, nhận định: "Chính sách này thể hiện sự dứt khoát của Nhà nước trong việc đầu tư vào con người, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là yếu tố sống còn để Việt Nam có thể cạnh tranh trong cuộc đua công nghệ toàn cầu."

Thứ năm, tập trung vào công nghệ chiến lược và chuyển đổi số toàn diện: Nghị quyết không dàn trải mà tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực then chốt như Trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn, năng lượng sạch, công nghệ sinh học, v.v. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ hệ thống chính trị và đời sống xã hội, với mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam thuộc top 3 Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển AI, có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm quốc tế. Ông Mark E. Minton, cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, trong một hội thảo gần đây về quan hệ Việt – Mỹ, đã đánh giá cao tầm nhìn này: "Việt Nam đang định vị mình là một điểm đến hấp dẫn cho đầu tư công nghệ cao, đặc biệt là ngành bán dẫn và AI. Nghị quyết 57 là một cam kết mạnh mẽ để hiện thực hóa tham vọng này."

Thứ sáu, phát huy sức mạnh tổng hợp: Nghị quyết nhấn mạnh người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt. Đây là mô hình tam giác phát triển bền vững, huy động được mọi nguồn lực và sức sáng tạo từ toàn xã hội, thay vì chỉ dựa vào nguồn lực nhà nước. Ông Vũ Thành Tự Anh, Giám đốc Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, từng phân tích rằng, việc huy động toàn xã hội vào công cuộc đổi mới sáng tạo sẽ tạo ra một sức bật lớn, biến thách thức thành động lực phát triển.

Mục tiêu và những giải pháp bứt phá

Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tiềm lực KHCN&ĐMST đạt mức tiên tiến, thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á về năng lực cạnh tranh số, Chính phủ điện tử và đặc biệt là nghiên cứu, phát triển

AI. Kinh tế số sẽ đóng góp tối thiểu 30% GDP, và có tối thiểu 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Kinh phí chi cho R&D đạt 2% GDP, trong đó hơn 60% từ xã hội, và 3% tổng chi ngân sách hàng năm được dành cho KHCN&ĐMST và chuyển đổi số. Mục tiêu phủ sóng 5G toàn quốc cũng được đặt ra.

Tầm nhìn đến năm 2045, KHCN&ĐMST và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP, và Việt Nam trở thành một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Nghị quyết 57 không chỉ đề ra tầm nhìn mà còn đưa ra các mục tiêu cụ thể và hệ thống giải pháp đồng bộ để hiện thực hoá:

(1) Nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy: Đề cao vai trò của người đứng đầu, khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm; đẩy mạnh phong trào "học tập số" và tôn vinh xứng đáng những đóng góp trong KHCN&ĐMST.

(2) Hoàn thiện thể chế và loại bỏ rào cản: Tập trung sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn; cải cách cơ chế quản lý tài chính khoa học, giao quyền tự chủ cho các đơn vị nghiên cứu; cho phép thí điểm, chấp nhận rủi ro và đặc biệt là áp dụng chính sách miễn trừ trách nhiệm cho các thử nghiệm công nghệ mới.

(3) Tăng cường đầu tư và hoàn thiện hạ tầng: Ban hành Chương trình và Quỹ phát triển công nghệ chiến lược, ưu tiên các lĩnh vực như bán dẫn, AI, năng lượng sạch...; bố trí ít nhất 15% ngân sách khoa học cho nghiên cứu công nghệ chiến lược; phát triển hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm và hạ tầng số hiện đại (5G/6G, trung tâm dữ liệu quốc gia), coi dữ liệu là "tư liệu sản xuất chính".



Tổng Bí thư Tô Lâm, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và các đồng chí Ban Chỉ đạo Trung ương ấn nút khai trương, ra mắt 3 nền tảng số phục vụ giám sát triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW.

(4) Phát triển và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài: Có cơ chế hấp dẫn về tín dụng, học bổng để thu hút sinh viên giỏi; ban hành cơ chế đặc thù về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập để thu hút và giữ chân các nhà khoa học, chuyên gia hàng đầu; xây dựng các trung tâm đào tạo AI chuyên sâu và đẩy mạnh hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực số.

(5) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống chính trị: Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước lên môi trường số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến không phụ thuộc địa giới hành chính; đảm bảo an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

(6) Thúc đẩy KHCN&ĐMST và chuyển đổi số trong doanh nghiệp: Chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào R&D và chuyển đổi số; hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp công nghệ số chiến lược quy mô lớn; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ số.

(7) Tăng cường hợp tác quốc tế: Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, phát triển công nghệ với các quốc gia tiên tiến, đặc biệt trong các lĩnh vực AI, bán dẫn, công nghệ lượng tử; có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp.

Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị không chỉ là một văn bản định hướng mà là một "lời hiệu triệu" và "cương lĩnh hành động" cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong công cuộc phát triển KHCN&ĐMST và chuyển đổi số. Với những chính sách đột phá về tư duy, thể chế, tài chính, nhân lực và hạ tầng, cùng sự chỉ đạo quyết liệt từ các đồng chí lãnh đạo cao nhất, và sự đồng thuận của các chuyên gia trong và ngoài nước, Nghị quyết 57 thực sự đóng vai trò là đòn bẩy, là trụ cột giúp Việt Nam bứt phá mạnh mẽ, tiến nhanh và bền vững trong kỷ nguyên số, hiện thực hóa khát vọng trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045./.

*Sách nói*

NGHỊ QUYẾT 59: ĐỘNG LỰC CHO HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG "KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH"

Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh và nâng tầm hội nhập quốc tế trong tình hình mới là một văn kiện chiến lược, thể hiện tầm nhìn sâu rộng và quyết tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh thế giới nhiều biến động.

Được ban hành vào thời điểm các thách thức địa chính trị, kinh tế toàn cầu gia tăng và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang định hình lại cục diện thế giới, Nghị quyết 59 không chỉ tổng kết những thành tựu mà còn chỉ ra các hạn chế, đồng thời đặt ra mục tiêu và giải pháp đột phá nhằm đưa công cuộc hội nhập của Việt Nam lên một tầm cao mới, toàn diện, hiệu quả hơn, và đóng vai trò then chốt trong "Kỷ nguyên vươn mình" của đất nước.

Kim chỉ nam cho "Kỷ nguyên vươn mình"

Hội nhập quốc tế đã là một định hướng chiến lược xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ Đổi mới. Tuy nhiên, Nghị quyết 59 không chỉ kế thừa mà còn phát triển tư duy này lên một tầm cao mới, phù hợp với yêu cầu của "Kỷ nguyên vươn mình", một giai đoạn mà Việt

Nam không chỉ hướng tới phát triển bền vững mà còn khẳng định vị thế và vai trò kiến tạo trên trường quốc tế.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của hội nhập quốc tế trong việc xác định tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. "Chúng ta không thể phát triển nếu đứng một mình," Tổng Bí thư khẳng định, "Hội nhập quốc tế là con đường tất yếu để đất nước phát triển nhanh và bền vững, là chìa khóa để hiện thực hóa khát vọng hùng cường." Lời phát biểu này không chỉ tái khẳng định chủ trương mà còn là lời kêu gọi hành động quyết liệt, coi hội nhập là một nhiệm vụ sống còn để Việt Nam nắm bắt cơ hội và tránh nguy cơ tụt hậu.



Tổng Bí thư Tô Lâm, Thủ tướng Phạm Minh Chính và các đại biểu tại Hội nghị làm việc với Tiểu ban Kinh tế - Xã hội Đại hội XIV của Đảng ngày 13/11/2025.

Ảnh: TTXVN.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng luôn khẳng định hội nhập quốc tế là động lực để chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh. "Trong tình hình mới, hội nhập không chỉ là tham gia mà phải là chủ động kiến tạo, chủ động thích ứng," Thủ tướng phát

biểu. "Nghị quyết 59 chính là kim chỉ nam để chúng ta khai thác tối đa ngoại lực, kết hợp chặt chẽ với nội lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển của đất nước." Điều này cho thấy tầm nhìn chiến lược của Chính phủ trong việc biến hội nhập thành công cụ để thúc đẩy cải cách thể chế, nâng cao năng lực quản trị quốc gia và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, trong các phiên thảo luận về hội nhập, đã nhấn mạnh vai trò của lập pháp trong việc cụ thể hóa các định hướng của Nghị quyết 59. "Quốc hội sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý để đồng bộ với các cam kết quốc tế, tạo hành lang vững chắc cho hội nhập sâu rộng," ông Mẫn khẳng định. "Nghị quyết 193/2025/QH15 thí điểm các cơ chế đặc biệt là minh chứng cho sự chủ động của Quốc hội trong việc tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hội nhập và phát triển."

Đặc biệt, Chủ tịch nước Lương Cường cũng đã nhiều lần khẳng định tầm quan trọng chiến lược của hội nhập quốc tế đối với sự phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Ông nhấn mạnh: "Hội nhập quốc tế là con đường tất yếu để chúng ta tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chiến lược của đất nước. Nghị quyết 59 thể hiện sự kiên định của Đảng trong việc mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, đưa Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế." Chủ tịch nước cũng chỉ rõ, hội nhập không chỉ là kinh tế mà còn là "hội nhập về tư duy, về tầm nhìn, về bản lĩnh để chúng ta tự tin vươn ra biển lớn, đóng góp vào hòa bình và thịnh vượng chung."

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối "Ngoại giao cây tre"

Nghị quyết 59 không chỉ là một văn kiện định hướng cho tương lai mà còn là sự kế thừa và phát triển đỉnh cao của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đã được xây dựng và củng cố suốt 40 năm đổi mới.

Tư tưởng này được khởi xướng từ Chủ tịch Hồ Chí Minh với tinh thần "thêm bạn bớt thù", "đi bất biến ứng vạn biến", kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đặt nền móng cho nền ngoại giao cách mạng Việt Nam.

Đặc biệt, trong giai đoạn gần đây, dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đường lối ngoại giao Việt Nam đã được cụ thể hóa và nâng tầm với hình ảnh "Ngoại giao cây tre Việt Nam". Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần nhấn mạnh: "Gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển," nghĩa là kiên định về nguyên tắc độc lập, tự chủ, nhưng linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, biết mình biết người. "Cây tre" không chỉ thể hiện sự vững vàng, kiên cường trước phong ba bão táp mà còn là sự mềm dẻo, uyển chuyển trong ứng xử, biết vươn mình đón nắng. Chính nhờ đường lối này mà Việt Nam đã đạt được những thành tựu đối ngoại nổi bật, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có cuộc gặp với Tổng Thư ký Liên hợp quốc (LHQ) Antonio Guterres tại Hội nghị Cấp cao Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) lần thứ 44-45 ngày 11/10/2024. Ảnh TTXVN.

Đường lối đối ngoại của Việt Nam, với những thành tựu nổi bật trong hội nhập, luôn nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng quốc tế. Các tổ chức quốc tế hàng đầu, các quốc gia đối tác và các chuyên gia đều ghi nhận vai trò và đóng góp ngày càng tăng của Việt Nam trong các vấn đề khu vực và toàn cầu.

Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc (dù không có tuyên bố trực tiếp về Nghị quyết 59 là một văn kiện nội bộ của Việt Nam, nhưng dựa trên các nhận xét về vai trò của Việt Nam tại LHQ), đã nhiều lần ca ngợi sự đóng góp tích cực của Việt Nam vào các trụ cột của LHQ: duy trì hòa bình và an ninh quốc tế (thông qua việc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình), phát triển bền vững (thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững), và bảo vệ quyền con người. Việt Nam được xem là một đối tác tin cậy, có trách nhiệm, luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm phát triển và ứng phó với các thách thức chung. Điều này khẳng định sự phù hợp và hiệu quả của đường lối ngoại giao Việt Nam, tạo tiền đề vững chắc cho Nghị quyết 59 tiếp tục đẩy mạnh hội nhập.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) thường xuyên đánh giá cao nỗ lực cải cách thể chế và hội nhập kinh tế của Việt Nam, coi đây là yếu tố then chốt giúp Việt Nam duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững.

Nhiều học giả và nhà phân tích chính trị quốc tế, như Giáo sư Carlyle Thayer, luôn nhấn mạnh sự khéo léo và bản lĩnh của Việt Nam trong việc cân bằng quan hệ với các cường quốc, đồng thời khẳng định vị thế độc lập, tự chủ. Họ xem Nghị quyết 59 là sự tiếp nối logic và cần thiết của một chiến lược đối ngoại đã được chứng minh về tính hiệu quả.

Những đánh giá tích cực này không chỉ là sự ghi nhận khách quan mà còn là minh chứng cho thấy đường lối ngoại giao và hội nhập của Việt Nam, được Nghị quyết 59 định hình, đang đi đúng hướng, củng cố niềm tin của cộng đồng quốc tế vào khả năng và ý chí của Việt Nam trong việc thực hiện khát vọng "vươn mình".

Thành tựu nổi bật và những cơ hội

Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật trong hội nhập kinh tế và đối ngoại ngoại giao, đặc biệt là trong giai đoạn sau 40 năm đổi mới đến nay. Những thành tựu này là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của đường lối hội nhập đúng đắn, đồng thời là động lực mạnh mẽ để Nghị quyết 59 tiếp tục phát huy.

Thứ nhất, mở rộng quan hệ đối ngoại vượt bậc: Từ một quốc gia bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 193 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đáng chú ý, Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới quan hệ đối tác rộng khắp, bao gồm quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với tất cả các cường quốc, các nước lớn và các quốc gia quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Phần lớn trong số này là các nước thuộc nhóm G20, top 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới, điều này đặc biệt có ý nghĩa trong việc kết nối kinh tế và giải phóng nội lực.



*Việt Nam được mời tham dự Hội nghị cấp cao G7 tại Nhật Bản năm 2023.
Ảnh TTXVN*

Thứ hai, tham gia sâu rộng vào các thể chế đa phương hàng đầu: Việt Nam đã trở thành thành viên tích cực và có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế quan trọng như Liên Hợp Quốc (LHQ), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM),... Việt Nam đã đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế, như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ, Chủ tịch ASEAN, góp phần nâng cao vị thế, tiếng nói và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Thứ ba, ký kết và thực thi hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương: Việt Nam là một trong những quốc gia có độ mở kinh tế lớn nhất thế giới với mạng lưới FTA rộng khắp. Các FTA thế hệ mới với tiêu chuẩn cao như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA), và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã mở ra không gian phát triển chưa từng có cho nền kinh tế Việt Nam.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế ấn tượng và thu hút đầu tư: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam liên tục tăng trưởng ấn tượng, đạt mức kỷ lục qua các năm, đưa Việt Nam vào top các nền kinh tế có thương mại sôi động nhất. Nhiều mặt hàng chủ lực của Việt Nam chiếm lĩnh thị phần quan trọng trên thế giới. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào Việt Nam tăng mạnh, góp phần chuyển giao công nghệ, tạo việc làm, và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Các chuyên gia quốc tế đều đánh giá cao những thành tựu này. Ông Alain Cany, Chủ tịch EuroCham tại Việt Nam, từng nhận xét: "Việt Nam là một điểm sáng hiếm hoi trên bản đồ kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khả năng thu hút FDI và duy trì tăng trưởng trong bối cảnh khó khăn. Các FTA thế hệ mới là động lực quan trọng giúp Việt Nam tích hợp sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu."



*Thủ tướng Phạm Minh Chính và nguyên thủ các nước tham dự COP28
Ảnh: VGP/Nhật Bắc*

Tuy nhiên, "Kỷ nguyên vườn mình" của Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc phát huy những thành tựu đã đạt được, mà còn hướng tới khai thác hiệu quả các cơ hội mới đang mở ra trong bối cảnh quốc tế đầy biến động. Đó là sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, khi căng thẳng địa chính trị và thay đổi chiến lược sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia đang tạo ra làn sóng dịch chuyển đầu tư, đưa Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn nhờ nền chính trị ổn định, môi trường đầu tư ngày càng cải thiện và mạng lưới FTA rộng khắp.

Đồng thời, Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển mạnh mẽ của AI, Big Data, IoT, công nghệ bán dẫn và chuyển đổi số đang mở ra những ngành nghề và mô hình kinh doanh hoàn toàn mới; Việt Nam, với dân số trẻ và năng động, có cơ hội lớn để nắm bắt và làm chủ các công nghệ này, tạo ra bước nhảy vọt về năng suất và chất lượng tăng trưởng. Sự bùng nổ của thương mại điện tử và kinh tế số cũng tạo ra thị trường

không lờ cho hàng hóa và dịch vụ Việt Nam, giúp vượt qua các rào cản địa lý truyền thống.

Cuối cùng, nhu cầu về phát triển bền vững trên toàn cầu, với xu hướng hướng tới kinh tế xanh, năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn, chính là cơ hội quý giá để Việt Nam thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển theo hướng bền vững và nâng cao hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.

Những cơ hội này đòi hỏi một chiến lược hội nhập linh hoạt, toàn diện và có chiều sâu hơn. Đó chính là lý do vì sao Nghị quyết 59 ra đời, với các điểm mới và đột phá nhằm tạo đà cho Việt Nam không chỉ tận dụng mà còn dẫn dắt các xu thế này.

Định hình tầm nhìn chiến lược hội nhập quốc tế

Nghị quyết 59 mang trong mình nhiều điểm mới và đột phá quan trọng, định hình lại cách tiếp cận của Việt Nam đối với hội nhập quốc tế, phục vụ trực tiếp cho tầm nhìn "Kỷ nguyên vươn mình".

Hội nhập "toàn diện, sâu rộng, hiệu quả, nâng tầm" là kim chỉ nam xuyên suốt của Nghị quyết. Khác với giai đoạn trước chủ yếu tập trung vào chiều rộng và mức độ tham gia, Nghị quyết 59 định hướng hội nhập phải đi vào chiều sâu, mang lại hiệu quả thực chất, và đặc biệt là nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Việc "nâng tầm" không chỉ là tham gia mà còn là đóng góp, kiến tạo luật chơi, định hình các xu thế quốc tế. Ông Warwick J. Morris, cựu Đại sứ Vương quốc Anh tại Việt Nam, từng nhận xét: "Việt Nam đã rất thành công trong hội nhập kinh tế, nhưng để thực sự 'vươn mình', Việt Nam cần nâng cao tiếng nói của mình trong các diễn đàn toàn cầu, đóng góp vào giải quyết các vấn đề chung. Nghị quyết này cho thấy sự trưởng thành trong tư duy đối ngoại."



Thủ tướng Chính phủ kêu gọi thúc đẩy các mô hình hợp tác tài chính sáng tạo và đầu tư hiệu quả tại Hội nghị G20 năm 2024 - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Nghị quyết nhấn mạnh tinh thần chủ động trong việc nắm bắt xu thế, dự báo tình hình và đưa ra các sáng kiến, giải pháp hội nhập. Tính tích cực thể hiện ở việc Việt Nam không chỉ là thành viên mà còn là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, góp phần giải quyết các vấn đề chung. Giáo sư Carl Thayer, chuyên gia hàng đầu về Việt Nam từ Đại học New South Wales (Úc), nhận định: "Việt Nam đã chuyển từ 'hội nhập' sang 'chủ động định hình' các khuôn khổ khu vực và quốc tế. Đây là một sự tiến hóa quan trọng trong chiến lược đối ngoại, thể hiện sự tự tin và năng lực ngày càng cao của Việt Nam."

Nghị quyết 59 đã mở rộng đáng kể phạm vi hội nhập, không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn bao gồm các trụ cột then chốt khác nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Trong đó, hội nhập chính trị đóng góp vào việc nâng cao vai trò của Việt Nam tại các thể chế đa phương, thúc đẩy xây dựng luật pháp quốc tế công bằng và chủ nghĩa đa phương.

Về hội nhập quốc phòng-an ninh, Nghị quyết nhấn mạnh tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng, đồng thời kiên quyết bảo vệ lợi ích quốc gia và chủ quyền.

Đối với lĩnh vực văn hóa-xã hội, hội nhập nhằm mục tiêu giới thiệu văn hóa Việt Nam ra thế giới, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu bản sắc dân tộc trong quá trình giao lưu.

Đặc biệt, hội nhập khoa học-công nghệ được đẩy mạnh, tập trung vào hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, và làm chủ các công nghệ mới, nhất là trong các lĩnh vực ưu tiên như AI và bán dẫn, một sự liên kết chặt chẽ với tinh thần của Nghị quyết 57 về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo. Theo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết 59 tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam "kết nối hội nhập quốc tế về KHCN với các mục tiêu phát triển nội địa" và thu hút công nghệ nguồn, hợp tác nghiên cứu với các đối tác hàng đầu thế giới.

Nghị quyết cũng đề cao vai trò trung tâm của doanh nghiệp và người dân trong tiến trình hội nhập. Các chính sách được thiết kế để hỗ trợ doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và FDI) nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời trang bị kỹ năng và kiến thức cho người dân để thích ứng và hưởng lợi từ hội nhập. Ông Nguyễn Bích Lâm, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, khẳng định: "Doanh nghiệp là 'mũi nhọn' của hội nhập. Nghị quyết 59 đã trao cho họ vai trò trung tâm, đặt ra yêu cầu phải tạo điều kiện tối đa để họ vươn ra biển lớn."

Nghị quyết 59 cũng đặc biệt chú trọng cơ chế "thí điểm" và "chấp nhận rủi ro", tương tự như Nghị quyết 57, cho phép thử nghiệm các cơ chế, chính sách mới trong hội nhập, đặc biệt ở các lĩnh vực nhạy cảm hoặc có tính tiên phong. Điều này thể hiện sự linh hoạt và sẵn sàng

thích nghi của Việt Nam trước những thay đổi nhanh chóng của môi trường quốc tế.

Mục tiêu và những giải pháp đột phá

Nghị quyết 59 không chỉ đưa ra những tư duy đột phá mà còn vạch ra lộ trình rõ ràng với các mục tiêu cụ thể và giải pháp chiến lược, tạo thành nền tảng vững chắc để Việt Nam "vươn mình" trong kỷ nguyên mới.

Về mục tiêu, Nghị quyết tập trung vào bốn trụ cột chính. Trước hết là nâng cao vị thế và uy tín quốc tế, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác khu vực và toàn cầu, tích cực đóng góp vào giải quyết các vấn đề chung.

Về phát triển kinh tế bền vững, bằng cách tận dụng tối đa các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký như CPTPP, EVFTA, RCEP, đồng thời thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, thông qua việc vận dụng hiệu quả luật pháp quốc tế, tăng cường đối thoại và hợp tác để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ cũng như các lợi ích chiến lược của đất nước.

Nghị quyết 59 của Đảng tập trung phát triển văn hóa, xã hội và con người. Mục tiêu chính là bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo mọi người đều được hưởng lợi từ sự phát triển. Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc tiếp thu chọn lọc các giá trị tiến bộ của nhân loại, kết hợp hài hòa truyền thống với hiện đại. Điều này giúp xây dựng một xã hội Việt Nam tiến bộ, vững mạnh, có bản sắc riêng và hội nhập hiệu quả với thế giới.



Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thủ tướng Australia Anthony Albanese thông báo nâng cấp quan hệ Việt Nam-Australia lên mức cao nhất - quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Để hiện thực hóa những mục tiêu tham vọng của "Kỷ nguyên vươn mình", Nghị quyết 59 đã vạch ra sáu nhóm giải pháp trọng tâm một cách rõ ràng và toàn diện.

(1) Trước hết, Việt Nam sẽ tập trung vào hoàn thiện thể chế và pháp luật, rà soát và sửa đổi các quy định hiện hành để đảm bảo tính tương thích với luật pháp quốc tế, từ đó xây dựng một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và cạnh tranh lành mạnh, thu hút đầu tư hiệu quả hơn.

(2) Nghị quyết đề ra những giải pháp tập trung vào nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia thông qua việc đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển đồng bộ hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng số), nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khuyến khích mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo trong cộng đồng doanh nghiệp.

(3) Việt Nam sẽ đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế bằng cách khai thác tối đa hiệu quả các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã ký kết, đồng thời chủ động đàm phán các FTA thế hệ mới, đa dạng hóa thị trường, đối tác và chuỗi cung ứng toàn cầu.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình và phu nhân đón Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và phu nhân năm 2024. Ảnh TTXVN

(4) Nghị quyết chú trọng tăng cường hội nhập chính trị, quốc phòng-an ninh thông qua việc chủ động tham gia các diễn đàn đa phương, tích cực đóng góp vào việc xây dựng hòa bình, an ninh khu vực và quốc tế, cũng như đẩy mạnh hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống.

(5) Nghị quyết thúc đẩy hội nhập văn hóa-xã hội và khoa học-công nghệ bằng cách mở rộng giao lưu văn hóa, giáo dục, y tế, và đặc

biệt là đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nhất là những công nghệ cao và công nghệ nguồn. Cuối cùng, một giải pháp không kém phần quan trọng là tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của hội nhập quốc tế, phát huy vai trò của truyền thông trong việc phổ biến các kiến thức, cơ hội cũng như thách thức mà quá trình này mang lại.

(6) Nghị quyết 59 của Bộ Chính trị là một bước tiến quan trọng trong hành trình hội nhập của Việt Nam. Nó không chỉ cung cấp định hướng chiến lược mà còn thể hiện sự quyết tâm chính trị mạnh mẽ, sự linh hoạt trong tư duy và hành động để thích nghi với bối cảnh thế giới đầy biến động. Bằng cách đẩy mạnh hội nhập quốc tế một cách toàn diện, sâu rộng, hiệu quả và có trọng tâm, dựa trên nền tảng vững chắc của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối "ngoại giao cây tre" đã được phát triển trong các giai đoạn trước, Việt Nam không chỉ củng cố vị thế và uy tín trên trường quốc tế mà còn tạo ra những động lực mới, bền vững cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Nghị quyết 59, cùng với các văn kiện chiến lược khác như Nghị quyết 57 về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo, đang cùng nhau tạo nên nền tảng vững chắc cho "Kỷ nguyên vươn mình" của Việt Nam, một kỷ nguyên mà đất nước không chỉ giàu mạnh về kinh tế mà còn khẳng định được bản sắc, vị thế và tiếng nói trên trường quốc tế, góp phần vào hòa bình, ổn định và phát triển chung của thế giới. Để Nghị quyết này đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tối đa, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể người dân, cùng với tinh thần chủ động, sáng tạo và thích ứng nhanh chóng với các xu thế mới của thời đại./.

*Sách nói*

NGHỊ QUYẾT 66: CẢI CÁCH PHÁP LUẬT ĐỂ KIẾN TẠO "KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH"

Ngày 30/4/2025, kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bộ Chính trị đã chính thức ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Đây là một trong "Bộ tứ trụ cột" mang tính đột phá, đòi hỏi khách quan của tiến trình đổi mới, nhằm tạo đột phá nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết 66 khẳng định vai trò tối thượng của pháp luật như một nền tảng vững chắc và đòn bẩy chiến lược cho sự phát triển bền vững và hùng cường của Việt Nam, hướng tới xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh, hiệu quả. Nó thể hiện tầm nhìn sâu rộng và quyết tâm của Đảng trong việc kiến tạo một nền pháp quyền hiện đại, thúc đẩy sự phát triển vượt bậc cho dân tộc trong "kỷ nguyên vườn mình".

Tầm quan trọng của cải cách pháp luật

Trong suốt quá trình Đổi mới, hệ thống pháp luật Việt Nam đã cơ bản được hình thành, góp phần quan trọng vào ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tế cho

thấy, vẫn còn những hạn chế, bất cập, được nhận định là "điểm nghẽn" về mặt thể chế. Nhiều chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, gây ra những khoảng trống trong quản lý và điều hành. Một số văn bản pháp luật còn nặng về tính kiểm soát, hạn chế tính năng động và sáng tạo, cản trở sự phát triển.



Nghị quyết 66: Cải cách pháp luật để kiến tạo "Kỳ nguyên vườn mình".

Sự ra đời của Nghị quyết số 66-NQ/TW xuất phát từ những lý do khách quan và cấp bách của thời cuộc. Xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới. Nghị quyết là sự kiên định và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chủ tịch nước Lương Cường đặc biệt nhấn mạnh: "Pháp luật là nền tảng tối cao để vận hành một Nhà nước pháp quyền. Nghị quyết 66 không chỉ là định hướng cho việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, mà còn là kim chỉ nam cho việc tổ chức thi hành pháp luật một cách nghiêm minh, công bằng, bảo đảm mọi chủ thể đều thượng tôn pháp luật. Đây là con đường duy nhất để củng cố niềm tin của nhân dân vào công lý và tạo môi trường ổn định, minh bạch cho đầu tư và phát triển."

Nghị quyết kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập về thể chế, pháp luật để pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia. Những vướng mắc, bất cập về thể chế, pháp luật là "điểm nghẽn của điểm nghẽn" đang cản trở sự phát triển đất nước. Pháp luật hiện nay còn nặng tính hành chính, có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu đồng bộ, chưa rõ ràng, cản trở việc thực thi. Đặc biệt, nó chưa thực sự đóng vai trò dẫn dắt, mở đường cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, và thiếu khung pháp lý kịp thời cho các lĩnh vực mới như AI, blockchain, dữ liệu số. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: "phải đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển trong kỷ nguyên mới; công tác xây dựng và thi hành pháp luật phải đổi mới căn bản, toàn diện, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, khơi thông, giải phóng mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững."

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học – công nghệ tạo ra khoảng trống pháp lý, buộc Nhà nước phải chuyển từ “phản ứng” sang “kiến tạo chủ động” trong xây dựng pháp luật. Pháp luật phải đi trước một bước để vừa tạo hành lang pháp lý an toàn, vừa khơi thông động lực đổi mới, không chỉ ổn định, mà còn phải mở rộng không gian phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Giá trị cốt lõi và tư duy đột phá

Nghị quyết 66-NQ/TW mang trong mình nhiều nội dung trọng tâm và cốt lõi, thể hiện tư duy đổi mới mạnh mẽ và toàn diện, định hình lại cách tiếp cận đối với công tác pháp luật. Nghị quyết nêu rõ 5 quan điểm chỉ đạo quan trọng:

Thứ nhất, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và tăng cường kiểm soát quyền lực. Đây là nguyên tắc cơ bản, đã được thể chế hóa và trở thành nguyên tắc đầu tiên trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15. Nghị quyết nhấn mạnh tăng cường kiểm soát quyền lực hiệu quả, phòng chống tham nhũng, loại bỏ lợi ích nhóm, và ngăn chặn tình trạng “hương lái” chính sách vì lợi ích cá nhân.



Tổng Bí thư Tô Lâm, Chủ tịch nước Lương Cường, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn và các đại biểu dự Hội nghị trực tuyến triển khai Nghị quyết 66. Ảnh: Quang Khánh

Thứ hai, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật: Từ quản lý sang kiến tạo và giải phóng nguồn lực. Công tác xây dựng pháp luật phải trở thành “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển. Pháp luật phải là công cụ mở đường cho sự sáng tạo, đổi mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thay vì chỉ là công cụ quản lý, kiểm soát. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh việc đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng "vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển." Pháp luật cần "cởi trói" các điểm nghẽn, tạo điều kiện tối

đa cho các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân, phát triển. Đặc biệt, việc xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của nhân loại.

Thứ ba, gắn kết chặt chẽ xây dựng và thi hành pháp luật: Nâng cao hiệu quả thực thi và văn hóa tuân thủ. Nghị quyết không chỉ chú trọng xây dựng mà còn đặt trọng tâm vào thi hành pháp luật, đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng và hiệu quả. Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn khẳng định công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước, nhấn mạnh “pháp luật phải xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước” và sự kết hợp giữa “hoàn thiện thể chế song song với thi hành nghiêm minh pháp luật và khuyến khích sáng tạo.”

Thứ tư, đầu tư cho pháp luật là đầu tư cho phát triển: Cơ chế tài chính đặc thù. Nghị quyết đề xuất cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Điều này, cùng với chính sách phát triển khoa học công nghệ trong Nghị quyết 57, đã được Quốc hội thể chế hóa kịp thời bằng Nghị quyết 197/2025/QH15. Các chuyên gia quốc tế cũng xem đây là “nguồn tài trợ ổn định, dài hạn, rất quan trọng cho việc đầu tư bền vững vào hạ tầng pháp lý, công nghệ và nguồn nhân lực.”

Thứ năm, đề cao vai trò trung tâm của Nhân dân và sự tham gia của các chủ thể. Nghị quyết khẳng định rõ vai trò trung tâm của Nhân dân trong quá trình xây dựng và vận hành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh việc “thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp”. Các chuyên gia xây dựng pháp luật nhấn mạnh việc Nghị quyết coi trọng vai trò của người dân và doanh nghiệp, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của họ làm trung tâm, giúp pháp luật có tính khả thi cao hơn, dễ đi vào cuộc sống và tăng cường sự đồng thuận xã hội, niềm tin vào pháp luật.

Những giải pháp trọng tâm

Để hiện thực hóa những mục tiêu của "Kỷ nguyên vườn mình", Nghị quyết 66 đã vạch ra sáu nhóm giải pháp trọng tâm và mang đến nhiều điểm mới nổi bật:

(1) Hoàn thiện thể chế và pháp luật với quan niệm mới về nguồn luật và thực tiễn: Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết thừa nhận và khai thác giá trị từ án lệ, tập quán pháp luật, nguyên tắc chung của pháp luật và các chuẩn mực xã hội, nghề nghiệp, đây là một điểm đổi mới quan trọng trong quan niệm về nguồn luật tại Việt Nam. Thực tiễn đời sống phải được coi là nguồn sống động của pháp luật, và tiếng nói của xã hội phải được lắng nghe, phản ánh đầy đủ vào quá trình xây dựng chính sách và pháp luật. Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc áp dụng đồng thời hai nguyên tắc: "đưa cuộc sống vào luật" và "đưa luật vào cuộc sống" một cách đồng bộ, liên tục. Đồng thời, triệt để thực hiện dân chủ hóa quy trình lập pháp thông qua tham vấn, phản biện, minh bạch, đảm bảo sự tham gia thực chất của Nhân dân, doanh nghiệp và chuyên gia.

(2) Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia: Giải pháp này gắn liền với cải cách hành chính (cắt giảm thủ tục rườm rà), phát triển hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng số), nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và khuyến khích mạnh mẽ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua các chính sách pháp lý thông thoáng. Các chuyên gia quốc tế nhận định đây là "cần thiết cho năng lực cạnh tranh quốc gia trong 'kỷ nguyên mới'."

(3) Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và đa dạng hóa: Khai thác tối đa hiệu quả các FTA hiện có; chủ động đàm phán các FTA thế hệ mới; và đa dạng hóa thị trường, đối tác, chuỗi cung ứng để giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng thích ứng.

(4) Tăng cường hội nhập chính trị, quốc phòng-an ninh: Chủ động tham gia các diễn đàn đa phương, nâng cao vai trò và tiếng nói của Việt Nam; đóng góp vào xây dựng hòa bình, an ninh khu vực và quốc tế;

và tăng cường hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, ứng phó thách thức an ninh phi truyền thống.

(5) Thúc đẩy hội nhập văn hóa-xã hội, khoa học-công nghệ với trọng tâm chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực lập pháp: Mở rộng giao lưu văn hóa, giáo dục, y tế. Đặc biệt, đẩy mạnh hợp tác R&D, chuyên giao công nghệ, làm chủ công nghệ mới (AI, bán dẫn), một sự liên kết chặt chẽ với Nghị quyết 57. Nghị quyết 66 nhấn mạnh chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ làm công tác lập pháp, có trình độ chuyên môn cao, tư duy đổi mới sáng tạo và gắn bó mật thiết với thực tiễn, cùng với việc xây dựng chế độ ưu đãi đặc thù để thu hút nhân tài.

(6) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và giảm chi phí tuân thủ luật pháp: Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về ý nghĩa, cơ hội và thách thức của hội nhập, pháp luật. Đồng thời, Nghị quyết đặc biệt nhấn mạnh tăng cường tính thích ứng và định hướng phát triển của pháp luật, giảm chi phí tuân thủ luật pháp. Hệ thống pháp luật phải đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với thay đổi và mang tính dẫn dắt, mở đường cho đổi mới sáng tạo. Cải cách mạnh mẽ để giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, xây dựng môi trường pháp lý minh bạch, thông thoáng.

Một trong những điểm mới đột phá so với các chính sách trước đây là việc xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox) cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội áp dụng sản phẩm, dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới, tích hợp. Điều này sẽ giúp có chính sách quản lý phát triển kịp thời và phù hợp nhằm thúc đẩy kinh tế số, sáng tạo và khởi nghiệp. Ngoài ra, Nghị quyết 66 đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng công tác đánh giá tác động và phản biện chính sách pháp luật một cách nghiêm túc, thực chất; tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng đặc biệt yêu cầu "tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả."

(7) Nghị quyết thúc đẩy và tăng cường hợp tác công - tư trong xây dựng và thi hành pháp luật. Các chuyên gia xây dựng pháp luật đánh giá rằng những cải cách về thể chế phải đặt trong mối quan hệ với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, từ đó tạo ra “địa thế thể chế” để xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong Kỷ nguyên mới.



Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã xem xét thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp; thông qua 34 luật, 13 nghị quyết quy phạm pháp luật.

Nghị quyết 66-NQ/TW thực sự là một cột mốc quan trọng, một bước chuyển mình chiến lược, đặt nền móng vững chắc cho Việt Nam vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Với những nội dung cốt lõi và các giải pháp đột phá, đặc biệt là việc coi trọng chất lượng chính sách thông qua đánh giá tác động một cách bài bản, thực chất, và chuyên nghiệp hóa đội ngũ soạn thảo, Nghị quyết mở ra một triển vọng rộng lớn cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh vai trò chiến lược của Nghị quyết 66, coi đây là một trong "bộ tứ Nghị quyết" là nền tảng để

Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới. Tổng Bí thư khẳng định: "Nghị quyết 66 chính là lời hiệu triệu cho một cuộc cải cách thể chế sâu sắc, nhằm xây dựng một hệ thống pháp luật hiện đại, thực chất, vì nhân dân phục vụ, đồng thời tạo ra động lực bền vững cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh trong thế kỷ XXI."

Đề Nghị quyết này đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tối đa, đòi hỏi sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân, cùng với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm chính trị mạnh mẽ và hành động quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, trước hết là người đứng đầu. Chỉ khi đó, Nghị quyết 66 mới thực sự kiến tạo nên một kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng và hùng cường cho dân tộc Việt Nam, đạt được mục tiêu có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến vào năm 2045./.

*Sách nói*

NGHỊ QUYẾT 68: MỞ ĐƯỜNG CHO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN

Gần 40 năm thực hiện đường lối Đổi mới, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Việt Nam ngày càng được khẳng định. Với hơn 940.000 doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động, 5 triệu hộ kinh doanh cá thể và hàng chục triệu lao động, khu vực này đã đóng góp khoảng 50% GDP, 30% thu ngân sách và hơn 80% việc làm cho toàn xã hội. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, kinh tế tư nhân vẫn bị đặt trong tư thế “thứ yếu”, thiếu sự bình đẳng thực sự về cơ hội tiếp cận nguồn lực, thông tin, đất đai, tín dụng... Tình trạng chưa nhất quán giữa chủ trương và chính sách khiến niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp nhiều lúc bị bào mòn.

Chính vì vậy, việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025, đánh dấu một bước chuyển mình mang tính đột phá trong tư duy và chính sách phát triển kinh tế tại Việt Nam. Nghị quyết không chỉ khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân, thay vì chỉ là một động lực như trước đây, mà còn đặt khu vực này vào vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước.

Định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân

Nghị quyết đưa ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, bao trùm các khía cạnh từ nhận thức, thể chế đến huy động nguồn lực và phát triển đội ngũ doanh nhân, với những mục tiêu định lượng to lớn.

Đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động, đạt tỷ lệ 20 doanh nghiệp/người dân. Đặc biệt, Nghị quyết đặt mục tiêu có ít nhất 20 doanh nghiệp tư nhân lớn đủ sức tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.



Tổng Bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn và đại biểu thăm quan triển lãm một số thành tựu của kinh tế tư nhân.

Về tốc độ tăng trưởng, kinh tế tư nhân được kỳ vọng đạt bình quân khoảng 10 - 12%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Khu vực này sẽ đóng góp đáng kể vào GDP (khoảng 55 - 58%), tổng thu ngân sách nhà nước (khoảng 35 - 40%), và giải quyết việc làm cho khoảng 84 - 85% tổng số lao động. Năng suất lao động cũng được đặt mục tiêu tăng bình quân khoảng 8,5 - 9,5%/năm.

Về trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kinh tế tư nhân Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN và nhóm 5 nước đứng đầu khu vực châu Á.

Tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết hướng tới một nền kinh tế tư nhân Việt Nam phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế. Mục tiêu là có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, đóng góp khoảng trên 60% GDP.

Những mục tiêu cụ thể này thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Bộ Chính trị trong việc tạo đà cho kinh tế tư nhân bứt phá, khẳng định vai trò tiên phong trong sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã có những đánh giá sâu sắc và quan trọng về Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Những nhận định của ông không chỉ làm rõ tầm vóc và ý nghĩa chiến lược của Nghị quyết mà còn định hướng rõ ràng cho việc triển khai thực hiện trong thời gian tới, khẳng định đây là một "cú hích lớn" cho khu vực kinh tế tư nhân.

Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định Nghị quyết 68 định hình quan điểm mới của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là một văn kiện đặc biệt quan trọng với các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp đột phá, chưa từng có tiền lệ. Trong bài viết "Động lực mới cho phát triển kinh tế" và các phát biểu tại Hội nghị quán triệt Nghị quyết 68, Tổng Bí thư nhấn mạnh rằng Nghị quyết 68 lần đầu tiên khẳng định "kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân". Điều này đánh dấu sự chuyển đổi từ vị trí thứ yếu trở thành trụ cột phát triển, song hành cùng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, tạo thành thế "kiềng ba chân" vững chắc cho nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập thành công.



Tổng Bí thư Tô Lâm

Tổng Bí thư Tô Lâm cũng đặc biệt nhấn mạnh rằng Nghị quyết 68 không chỉ công nhận vai trò của kinh tế tư nhân mà còn trân trọng, nuôi dưỡng tinh thần kinh doanh, khẳng định vai trò của doanh nhân là những "chiến sĩ trên mặt trận kinh tế". Điều này có ý nghĩa to lớn, hóa giải những định kiến kéo dài nhiều thập kỷ về sự đối lập giữa chủ nghĩa xã hội và kinh tế tư nhân. Ông cho rằng việc phát triển kinh tế tư nhân không chỉ là yêu cầu về mặt kinh tế mà còn là một mệnh lệnh chính trị cấp bách, nhằm củng cố nền tảng tự chủ kinh tế quốc gia và hội nhập sâu rộng, nâng cao sức cạnh tranh và khả năng thích ứng trong một thế giới đầy biến động.

Tổng Bí thư đánh giá Nghị quyết 68 đã mở đường cho các cải cách thể chế, bảo vệ quyền sở hữu và quyền tự do kinh doanh, tạo sân chơi bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, đặc biệt trong các lĩnh vực như đấu thầu, tiếp cận đất đai, và tín dụng. Các giải pháp trong Nghị quyết được nhìn nhận là rất toàn diện, chi tiết và cụ thể, đặc biệt là việc chuyển đổi cơ chế từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" nhằm tháo gỡ rào cản, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tự do kinh doanh.

Tổng Bí thư Tô Lâm xem Nghị quyết 68 là một trong "bộ tứ trụ cột" quan trọng của Bộ Chính trị ban hành trong thời gian gần đây, cùng với Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị quyết 66-NQ/TW về đổi mới toàn diện công tác xây dựng và thi hành pháp luật; và Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế. Ông nhận định đây là những thể chế nền tảng, tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước tiến lên trong kỷ nguyên mới, giúp Việt Nam "cất cánh". Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, Tổng Bí thư Tô Lâm cũng chỉ rõ những công tác cấp bách, yêu cầu phải có chiến lược rõ ràng cho phát triển khu vực kinh tế tư nhân, phù hợp với trình độ phát triển hiện nay của nền kinh tế và không gian địa kinh tế, địa chính trị mới của đất nước. Ông nhấn mạnh sự cần thiết của việc luật hóa các chủ trương lớn, đồng bộ hóa hệ thống pháp luật, và xóa bỏ mọi định kiến, tư duy tiểu nông, manh mún để xây dựng tư duy công nghiệp, làm ăn lớn.

Kinh tế tư nhân là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng

Nghị quyết của Bộ Chính trị nêu rõ việc đổi mới tư duy và có những giải pháp đột phá để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân là yêu cầu cấp bách. Đồng thời đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo cốt lõi, thể hiện sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy và nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân:

Thứ nhất, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.



Kinh tế tư nhân - động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và chiến lược lâu dài: Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; cần được cụ thể hóa trong các chiến lược, chính sách phát triển đất nước; nhằm phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng sức sản xuất và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong nhân dân cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, xóa bỏ triệt để định kiến và bảo đảm quyền bình đẳng: Xóa bỏ triệt để nhận thức, tư tưởng, quan niệm, thái độ định kiến về kinh tế tư nhân Việt Nam; đánh giá đúng vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân đối với phát triển đất nước; nuôi dưỡng, khuyến khích tinh thần kinh doanh, đổi mới sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tôn trọng doanh nghiệp, doanh nhân, xác định doanh nhân là người chiến sĩ trên mặt trận kinh tế; bảo đảm đầy đủ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng; được tự do kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm; tạo dựng, củng cố niềm tin giữa Nhà nước và khu vực kinh

tế tư nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và doanh nhân; bảo đảm kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực hợp pháp khác của đất nước theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, đạt chuẩn quốc tế: Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế; bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng.

Thứ năm, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, kiến tạo của Nhà nước và phát triển đội ngũ doanh nhân: Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, kiến tạo của Nhà nước, lấy doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể; chú trọng đào tạo đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh, bản lĩnh, trí tuệ, năng động, sáng tạo, nỗ lực vươn lên; tôn vinh, cổ vũ, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội.

Những nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn cho kinh tế tư nhân

Để hiện thực hóa các mục tiêu đầy tham vọng về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đưa ra 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn cố hữu, tạo môi trường thuận lợi và động lực mạnh mẽ cho khu vực này. Đây là

những định hướng toàn diện, từ thay đổi nhận thức đến cải cách thể chế và hỗ trợ nguồn lực.

(1) Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động, khởi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc. Nhóm giải pháp đầu tiên tập trung vào việc thay đổi gốc rễ, đó là nhận thức. Nghị quyết nhấn mạnh sự cần thiết phải có sự nhất quán về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội. Quan điểm "Nhà nước kiến tạo, phục vụ, không can thiệp hành chính trái nguyên tắc thị trường" là kim chỉ nam, hướng tới xây dựng mối quan hệ cởi mở, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp. Việc đẩy mạnh truyền thông để khơi dậy tinh thần kinh doanh, đồng thời nghiêm cấm các hành vi tiêu cực, những nhiễu sẽ góp phần xây dựng niềm tin và khát vọng cống hiến trong cộng đồng doanh nghiệp.

(2) Cải cách thể chế, bảo vệ quyền tài sản và tự do kinh doanh. Đây là nhóm giải pháp trọng tâm, trực tiếp xử lý các rào cản pháp lý và hành chính. Nghị quyết yêu cầu đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng thị trường, giảm thiểu cơ chế "xin – cho" và đảm bảo quyền tự do kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm. Mục tiêu cụ thể rất rõ ràng: đến năm 2025, cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục, 30% chi phí tuân thủ, và 30% điều kiện kinh doanh. Đến năm 2028, môi trường kinh doanh của Việt Nam phấn đấu lọt vào top 3 ASEAN và top 30 thế giới.

Một điểm đột phá quan trọng là chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, cùng với việc sửa đổi Luật Phá sản và đẩy mạnh tổ tụng điện tử, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động linh hoạt hơn. Nghị quyết cũng cam kết không phân biệt đối xử trong tiếp cận nguồn lực, hoàn thiện chính sách thuế, phí công bằng, và xây dựng khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới như Fintech, AI, tài sản ảo. Đặc biệt, có các chính sách hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) như bãi bỏ lệ phí môn bài, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu, và ưu tiên DNNVV tham gia mua sắm công.



Kinh tế tư nhân là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng.

(3) Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận nguồn lực (đất đai, vốn, nhân lực). Nghị quyết nhận diện rõ những khó khăn của doanh nghiệp tư nhân trong việc tiếp cận các nguồn lực thiết yếu. Về đất đai, yêu cầu hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong năm 2025, công khai thông tin và giảm thời gian thủ tục. Chính sách biệt đãi được đưa ra là cho phép địa phương dùng ngân sách hỗ trợ hạ tầng KCN, CCN để dành quỹ đất (tối thiểu 20ha/khu hoặc 5% quỹ đất) cho doanh nghiệp công nghệ cao, DNNVV, khởi nghiệp sáng tạo thuê, kèm theo việc giảm 30% tiền thuê đất trong 5 năm đầu. Về vốn, khuyến khích cho vay dựa trên dòng tiền, chuỗi giá trị, tài sản vô hình, phát triển tín dụng xanh và hỗ trợ lãi suất cho các dự án ESG. Nghị quyết cũng hướng tới việc hoàn thiện các quỹ hỗ trợ tín dụng, nghiên cứu cho phép định chế tài chính huy động vốn từ quỹ BHXH, hưu trí, và nâng hạng thị trường chứng khoán. Về nhân lực, chú trọng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chất lượng cao, khuyến khích liên kết đào tạo quốc tế, và triển khai chương trình

đào tạo 10.000 giám đốc điều hành, thúc đẩy đào tạo kỹ năng sáng tạo, STEM, ngoại ngữ, kỹ năng số.

(4) Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Nhận thấy tầm quan trọng của công nghệ trong bối cảnh hiện nay, Nghị quyết đề xuất các giải pháp mạnh mẽ để khuyến khích đổi mới sáng tạo. Điển hình là việc cho phép tính chi phí R&D vào chi phí được trừ thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ 200% chi phí thực tế, hỗ trợ chi phí đầu tư công nghệ, chuyển đổi số, xanh qua khấu trừ thuế hoặc tài trợ. Doanh nghiệp cũng được phép trích tối đa 20% thu nhập tính thuế lập quỹ KHCN, đổi mới sáng tạo, và sử dụng phòng thí nghiệm, thiết bị nghiên cứu của Nhà nước với phí hợp lý. Đặc biệt, miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia làm việc tại doanh nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo.

(5) Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp. Nghị quyết hướng tới việc xây dựng các chuỗi liên kết bền vững, khuyến khích doanh nghiệp lớn dẫn dắt chuỗi cung ứng nội địa. Các doanh nghiệp lớn chuyển giao công nghệ và hỗ trợ DNNVV sẽ được hưởng ưu đãi, chi phí đào tạo của họ cho DNNVV cũng được trừ thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc hỗ trợ kết nối doanh nghiệp FDI và nội địa, áp dụng tỷ lệ nội địa hóa phù hợp, và hỗ trợ khởi nghiệp cho cán bộ từng làm việc tại FDI cũng là những điểm nhấn quan trọng.

(6) Hình thành và phát triển doanh nghiệp lớn, tập đoàn tư nhân tầm cỡ Đây là một điểm đột phá thể hiện tầm nhìn dài hạn của Nghị quyết. Nhà nước sẽ mở rộng sự tham gia của tư nhân vào các dự án quan trọng quốc gia, chủ động đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu hoặc ưu đãi cho tư nhân tham gia các lĩnh vực chiến lược như đường sắt tốc độ cao, năng lượng, hạ tầng số, quốc phòng... Đồng thời, thúc đẩy tư nhân đầu tư vào y tế, giáo dục chất lượng cao, công nghiệp văn hóa và đa dạng hóa mô hình hợp tác công tư (PPP). Các chương trình như "phát triển 1.000

doanh nghiệp tiên phong về KHCN, đổi mới sáng tạo" và "Go Global" sẽ hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra quốc tế.

(7) Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nghị quyết đặc biệt quan tâm đến phân khúc này, với việc hoàn thiện pháp lý về kinh doanh cá thể, khuyến khích chuyển đổi thành doanh nghiệp, đơn giản hóa chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm. Đáng chú ý là việc xóa bỏ thuế khoán chậm nhất vào năm 2026. Nhà nước cũng cam kết cung cấp miễn phí nền tảng số, phần mềm kế toán, tư vấn pháp lý, đào tạo, và thúc đẩy tiếp cận tài chính cho các nhóm yếu thế.

(8) Đề cao đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần doanh nhân. Nghị quyết không chỉ tập trung vào khía cạnh kinh tế mà còn nhấn mạnh việc xây dựng một đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh, khát vọng cống hiến. Việc đánh giá doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế dựa trên tuân thủ pháp luật, tạo việc làm, đóng góp ngân sách, an sinh xã hội sẽ thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đồng thời, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đưa đào tạo khởi nghiệp vào giáo dục, và phát huy vai trò phản biện chính sách của doanh nghiệp, hiệp hội.

Nhìn chung, 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp này thể hiện một cách tiếp cận toàn diện và quyết liệt, nhằm tháo gỡ triệt để các rào cản, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững cho kinh tế tư nhân phát triển, đóng góp vào sự thịnh vượng chung của đất nước. Thủ tướng Phạm Minh Chính đã đưa ra những đánh giá hết sức tích cực và chỉ đạo sát sao việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, coi đây là một "cuộc cách mạng về tư duy và thể chế" đầy đột phá. Thủ tướng nhấn mạnh rằng Nghị quyết này đã được cả hệ thống chính trị và toàn dân, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp, nhiệt liệt hưởng ứng như một bước tiến phát triển.



Cuộc gặp mặt để biểu dương, tri ân các doanh nghiệp
Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Trong các hội nghị và buổi làm việc, Thủ tướng đã làm rõ những điểm cốt lõi trong đánh giá của mình. Ông khẳng định Nghị quyết 68 là sự phát triển đột phá về tư duy của Đảng và Nhà nước, không chỉ kế thừa mà còn tạo lập và củng cố niềm tin, thúc đẩy kinh tế tư nhân bứt phá. Đặc biệt, việc Nghị quyết lần đầu tiên xác định kinh tế tư nhân là "một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân" cho thấy sự thay đổi căn bản trong nhận thức, đưa khu vực này vào vị trí trung tâm, đóng vai trò nòng cốt. Thủ tướng cũng đánh giá cao tính toàn diện và cụ thể của các giải pháp, đặc biệt là sự chuyển đổi từ cơ chế "tiền kiểm sang hậu kiểm" giúp tháo gỡ rào cản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.

Thủ tướng Phạm Minh Chính xem Nghị quyết 68 như "lời cam kết cao nhất" của Đảng và Nhà nước về việc đồng hành cùng doanh nghiệp, củng cố niềm tin để họ yên tâm đầu tư và phát triển. Để Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống, ông đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương phải

khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động, giao nhiệm vụ rõ ràng theo nguyên tắc "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả). Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia triển khai Nghị quyết 68-NQ/TW do chính ông làm Trưởng ban thể hiện quyết tâm cao của Chính phủ. Ông kêu gọi các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cần tuân thủ pháp luật, loại bỏ tư duy "chộp giật", đổi mới quản trị, nâng cao năng lực và liên kết phát triển, khuyến khích các doanh nghiệp lớn dẫn dắt, hỗ trợ DNNVV vươn lên.

Có thể thấy, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị thực sự là một chủ trương lớn mang tính lịch sử, mở ra cơ hội chưa từng có để kinh tế tư nhân bứt phá mạnh mẽ. Với tầm nhìn chiến lược này, khu vực kinh tế tư nhân sẽ đóng góp quan trọng vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, hướng tới mục tiêu xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ và thịnh vượng. Giờ đây, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam có đầy đủ cơ sở để hành động quyết liệt, vận dụng hiệu quả các chính sách mới, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ tiên tiến và chủ động hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Tinh thần khởi nghiệp sẽ bùng lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết, tạo điều kiện để mỗi doanh nghiệp không chỉ làm giàu chính đáng cho bản thân mà còn trở thành những nhân tố kiến tạo, góp phần xây dựng nền kinh tế Việt Nam ngày càng hùng cường, bền vững và ghi dấu ấn rõ nét trên bản đồ kinh tế thế giới./.

*Sách nói*

KIỀU BÀO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC TRONG “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH”

Trong hành trình "vườn mình" đầy khát vọng của dân tộc Việt Nam, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài luôn là một phần không thể tách rời, một mạch nguồn sức mạnh quan trọng. Từ lời dặn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến những đóng góp thiết thực qua các thời kỳ và những đánh giá, kỳ vọng của các lãnh đạo cấp cao hiện nay, vai trò của kiều bào đã và đang được khẳng định mạnh mẽ, là yếu tố then chốt để đất nước ta đạt được những mục tiêu phát triển trong kỷ nguyên mới.

Kiêu bào luôn đồng hành với vận mệnh của dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Cha già kính yêu của dân tộc, luôn dành tình cảm đặc biệt và sự quan tâm sâu sắc đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Ngay từ những ngày đầu bôn ba tìm đường cứu nước, Bác đã sớm nhận thấy vai trò và tiềm năng của kiều bào. Lời dặn của Người vẫn vẹn nguyên giá trị đến ngày nay: "Kiều bào ta ở xa Tổ quốc, nhưng tấm lòng vẫn hướng về Tổ quốc. Đồng bào ta dù ở đâu, làm gì, cũng phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau và luôn hướng về Tổ quốc, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước."



Chủ tịch Hồ Chí Minh đón kiều bào ở Thái Lan về nước chuyển đầu tiên tại cảng Hải Phòng, ngày 10/1/1960. Ảnh tư liệu

Lời dặn này không chỉ là lời kêu gọi về tình cảm mà còn là kim chỉ nam cho hành động, hun đúc tinh thần yêu nước, đoàn kết và cống hiến trong mỗi người con xa xứ. Bác cũng thường nhấn mạnh "Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng", khẳng định sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc, bao gồm cả kiều bào, trong mọi công cuộc dựng xây và bảo vệ đất nước.

Thấm nhuần lời dặn của Bác, kiều bào Việt Nam đã không ngừng cống hiến cho Tổ quốc qua từng giai đoạn lịch sử. Xuyên suốt lịch sử

dân tộc, kiều bào Việt Nam luôn thể hiện vai trò là một phần máu thịt không thể tách rời, có những đóng góp bền bỉ và vô cùng quý báu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ kháng chiến giải phóng dân tộc, dù cuộc sống nơi đất khách gặp nhiều khó khăn và địa vị pháp lý bấp bênh, kiều bào vẫn luôn là điểm tựa vững chắc cho cách mạng. Họ không ngừng che chở, ủng hộ tài chính và vật chất, tích cực tham gia các phong trào yêu nước như "Năm gạo nuôi quân" hay "Nở hoa diệt Mỹ" ở Thái Lan. Nhiều trí thức, kỹ sư, bác sĩ kiều bào đã gác lại cuộc sống đủ đầy ở nước ngoài để tình nguyện trở về trực tiếp tham gia xây dựng hậu phương và chiến đấu. Trên mặt trận đấu tranh chính trị và ngoại giao, kiều bào cũng đã tích cực vận động quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Nam, góp phần quan trọng vào thắng lợi của Hiệp định Paris.

Bước sang kỷ nguyên Đổi mới và hội nhập, vai trò của kiều bào ngày càng đa dạng và thiết thực, trở thành một đòn bẩy quan trọng cho sự phát triển của đất nước. Dòng kiều hồi không ngừng tăng lên, ước tính đạt 16 tỷ USD vào năm 2024, trở thành nguồn lực ngoại tệ quan trọng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy đầu tư phát triển. Ngoài ra, kiều bào còn đầu tư trực tiếp hàng tỷ USD vào các dự án FDI, mang theo không chỉ vốn mà còn cả công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

Kiều bào còn là nguồn "chất xám không biên giới" rất cần thiết cho đổi mới sáng tạo. Với hàng triệu trí thức, chuyên gia làm việc tại các tổ chức hàng đầu thế giới (điển hình như kỹ sư Lê Viết Quốc tại Google Brain, TS Trần Ngọc Phúc với máy trợ thở Hummingbird), họ mang về những tri thức, công nghệ hiện đại, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhiều kiều bào đã tham gia tư vấn chính sách, giảng dạy, và hợp tác nghiên cứu trong các lĩnh vực chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), kinh tế xanh, và kinh tế tuần hoàn.

Không chỉ về kinh tế và trí tuệ, kiều bào còn là cầu nối văn hóa và quảng bá hình ảnh "Việt Nam - Đất nước - Con người" ra thế giới. Họ là những "đại sứ nhân dân" thầm lặng, miệt mài gìn giữ và lan tỏa bản sắc văn hóa Việt Nam thông qua các lễ hội truyền thống, các lớp học tiếng Việt, và nhiều hoạt động giao lưu văn hóa khác. Nhờ đó, họ góp phần quan trọng trong việc quảng bá du lịch và xây dựng hình ảnh một Việt Nam năng động, phát triển.

Cuối cùng, sự hội tụ tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội của kiều bào là nhân tố không thể thiếu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong những lúc đất nước gặp khó khăn như thiên tai hay đại dịch COVID-19, kiều bào luôn thể hiện tinh thần "lá lành đùm lá rách", tích cực quyên góp và hỗ trợ đồng bào trong nước.

Đồng thời, họ cũng chung tay xây dựng cộng đồng vững mạnh nơi xứ người. Đặc biệt, nhiều kiều bào đã chủ động thành lập các quỹ, câu lạc bộ, tổ chức hội thảo và triển lãm để tuyên truyền về chủ quyền biển đảo Việt Nam, huy động nguồn lực hỗ trợ quân dân Trường Sa, góp phần nâng cao nhận thức quốc tế về vấn đề này.

Đảng và Nhà nước luôn đánh giá cao vai trò của kiều bào

Đến nay đã có trên 6 triệu kiều bào sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, số người có trình độ đại học trở lên chiếm khoảng 10%, tương đương 600.000 người. Ở hầu hết các địa bàn có người Việt sinh sống đều đã thành lập tổ chức hội, đoàn. Các hội doanh nhân, hội chuyên gia, trí thức người Việt thường xuyên có các hoạt động kết nối với trong nước, tạo thành một mạng lưới rộng khắp, liên kết người Việt cả ở trong và ngoài nước. Trong vòng hơn 30 năm qua, tổng lượng kiều hối chuyển về trong nước đạt hơn 200 tỷ USD, tương đương với lượng giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cùng kỳ. Tính đến hết năm 2023, kiều bào đã đầu tư 421 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 1,72 tỷ USD; cùng với đó là hàng nghìn doanh nghiệp có vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta đã luôn khẳng định và đánh giá rất cao vai trò của kiều bào, xem họ là một nguồn lực chiến lược cho kỷ nguyên vườn mình của dân tộc. Điều này thể hiện sự trân trọng vào cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong công cuộc phát triển đất nước.



Tổng Bí thư Tô Lâm cùng đoàn kiều bào tiêu biểu về quê đón Tết cổ truyền và tham dự chương trình “Xuân Quê hương 2025”. Ảnh: Báo Nhân Dân

Diễn hình, tại cuộc gặp kiều bào tiêu biểu dự Chương trình Xuân Quê hương 2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã bày tỏ niềm tự hào về sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng của cộng đồng kiều bào. Tổng Bí thư nhân mạnh khát vọng chung của dân tộc: “Đích đến của kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu.”

Ông khẳng định Đảng và Nhà nước “hết sức trân trọng những đóng góp quý báu” của kiều bào, đồng thời cam kết “không ngừng hoàn thiện các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho bà con kiều bào về

nước sinh sống, đầu tư hợp tác và cống hiến." Tổng Bí thư cũng bày tỏ mong muốn kiều bào "không chỉ về thăm quê mà còn có thể đóng góp trí tuệ, nguồn lực, kinh nghiệm" xây dựng đất nước.



*Thủ tướng Phạm Minh Chính gặp gỡ đại diện chuyên gia, trí thức kiều bào tại Pháp.
Ảnh TTXVN*

Cùng với đó, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn khẳng định: "Trong thành tựu chung của đất nước có sự đóng góp rất quan trọng của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, dù xa quê nhưng luôn hướng về quê hương, đất nước." Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh vai trò của kiều bào là "cầu nối giữa các nước với Việt Nam, và giữa Quốc hội với nghị viện các nước," đồng thời thông tin về việc Quốc hội đã ban hành nhiều luật nhằm tạo thuận lợi tối đa cho kiều bào.

Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn cũng nhấn mạnh vai trò của kiều bào trong việc "xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc," khẳng định Nghị quyết 36-NQ/TW là văn kiện lịch sử, thấm đẫm truyền thống nhân ái và bao dung của dân tộc.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, nhận định chủ đề Chương

trình Xuân Quê hương 2025 "Việt Nam - Vươn lên trong kỷ nguyên mới" đã truyền tải rõ thông điệp về khát vọng phát triển mạnh mẽ của dân tộc, với nhân dân trong nước và kiều bào ở nước ngoài cùng một lòng phấn đấu, đoàn kết và quyết tâm đưa đất nước bước vào giai đoạn mới – kỷ nguyên vươn mình.

Mới đây, nhân dịp dự Hội nghị Đại dương Liên hợp quốc lần thứ 3 và tiến hành hoạt động song phương với Cộng hoà Pháp, chiều 10/6/2025, tại thủ đô Paris, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính có buổi gặp gỡ, làm việc để lắng nghe chia sẻ và các ý kiến, đề xuất, hiến kế của đại diện chuyên gia, trí thức kiều bào Việt Nam tại Pháp. Thủ tướng Phạm Minh Chính thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước ghi nhận, trân trọng cảm ơn các chuyên gia, trí thức với tâm huyết, trí tuệ, một lòng hướng về đất nước, nhất là trong thời điểm cả nước đang thúc đẩy tăng tốc, bứt phá, vươn mình phát triển. Thủ tướng Chính phủ mong muốn trong thời gian tới khi cả dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình, các trí thức, chuyên gia tiếp tục đóng góp công sức, trí tuệ cho đất nước, nhất là về tư vấn lựa chọn công nghệ; xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn; xây dựng hệ sinh thái đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực năng lượng nguyên tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đường sắt...

Những lời khẳng định này từ các lãnh đạo cấp cao thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước về vị thế và tiềm năng to lớn của kiều bào. Cộng đồng kiều bào không chỉ là đối tượng được quan tâm mà còn là chủ thể tích cực, đồng hành cùng dân tộc vượt qua mọi thách thức, hiện thực hóa khát vọng xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng và có uy tín trên trường quốc tế.

Kiều bào trong “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”

Những tâm tư, nguyện vọng của kiều bào trên khắp thế giới đã và đang cho thấy sự đồng điệu sâu sắc với khát vọng chung của dân tộc Việt Nam trong “kỷ nguyên vươn mình”. Cộng đồng người Việt xa xứ không

chỉ là những người con nặng lòng với quê hương, mà còn là lực lượng tích cực, sẵn sàng chung tay xây dựng đất nước phồn vinh.

Cụ thể, ông Trần Hải Linh, Chủ tịch Hội Doanh nhân Việt Nam – Hàn Quốc, bày tỏ niềm vui và vinh dự khi tham gia Chương trình Xuân Quê hương 2025. Ông coi đây là cơ hội quý báu để gặp gỡ, giao lưu, và nắm bắt những thành tựu cũng như định hướng phát triển của đất nước. Ông Linh chia sẻ sự hào hứng, phấn khởi của mình cùng với kiều bào khi chứng kiến quê hương ngày càng lớn mạnh, khẳng định: "Mỗi chúng tôi có những cảm nhận riêng, nhưng đều hòa chung vào sự hào hứng, phấn khởi và vui mừng của nhân dân ở trong nước cũng như kiều bào ở nước ngoài khi chứng kiến quê hương, đất nước ngày càng phát triển và lớn mạnh hơn.



Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn gặp gỡ 100 đại biểu từ các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới về quê hương cùng chung vui đón chào Xuân mới Ất Tỵ 2025.

Trong kỷ nguyên vườn mình, kỷ nguyên mới của dân tộc, mỗi kiều bào chúng tôi đều mang trong mình tâm thế sẵn sàng đóng góp trí lực để phát triển đất nước." Ông cũng bày tỏ hy vọng về những chính sách ngày càng mở, thông thoáng nhằm thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam, đồng thời tái khẳng định kiều bào "luôn là bộ phận không thể tách rời của dân tộc."

Không chỉ dừng lại ở mong muốn đóng góp, nhiều kiều bào đã và đang đưa ra những sáng kiến cụ thể. Điển hình, ông Lê Văn Hóa, kiều bào Hoa Kỳ, Giáo sư, Tiến sĩ vật lý hạt nhân và Chủ tịch Quỹ Việt - Mỹ, đã đề xuất về điện hạt nhân như một giải pháp quan trọng nhằm cải thiện chất lượng không khí và hướng tới mục tiêu Net Zero. Đề xuất này thể hiện rõ sự quan tâm của giới trí thức kiều bào đến những vấn đề chiến lược, mang tầm vóc quốc gia.

Bên cạnh đó, bà Trần Thị Chang, Chủ tịch Hội Hữu nghị Malaysia - Việt Nam, bày tỏ nguyện vọng lãnh đạo Đảng, Nhà nước tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều cơ hội tốt hơn trong hợp tác đầu tư, từ đó đóng góp hiệu quả vào kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Những tâm tư này phản ánh mong muốn chung của đông đảo kiều bào về việc có những cơ chế thuận lợi hơn để họ có thể đóng góp hiệu quả. Nhiều kiều bào mong muốn có các chính sách đặc thù như thẻ cư trú dài hạn, miễn giảm thuế cho đầu tư công nghệ, học bổng cho con em kiều bào, và đặc biệt là việc xây dựng các trung tâm dịch vụ một cửa nhằm đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho họ khi về nước sinh sống, làm việc và cống hiến.

Những tâm tư, nguyện vọng và đề xuất này cho thấy kiều bào không chỉ là nguồn lực tài chính mà còn là nguồn lực trí tuệ, kinh nghiệm và là cầu nối quan trọng, sẵn sàng đồng hành cùng đất nước Việt Nam trên con đường vườn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

Từ lời dạy của Bác Hồ, những đóng góp bền bỉ của kiều bào trong lịch sử, đến sự ghi nhận và kỳ vọng của các lãnh đạo cấp cao hiện nay, có thể thấy rõ kiều bào Việt Nam là một nguồn lực không thể thiếu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong kỷ nguyên "vươn mình", Việt Nam đang đứng trước những cơ hội vàng để bứt phá. Với sự đồng lòng, chung sức của toàn dân tộc, bao gồm cả cộng đồng kiều bào với tình yêu quê hương sâu sắc, trí tuệ và kinh nghiệm toàn cầu, chúng ta nhất định sẽ hiện thực hóa khát vọng xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế như Bác Hồ hằng mong ước.

Tại các buổi gặp gỡ kiều bào, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần khẳng định vai trò quan trọng của Kiều bào trong kỷ nguyên "vươn mình của dân tộc", một giai đoạn phát triển mới của Việt Nam.

Tổng Bí thư nhấn mạnh rằng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, dù ở đâu, luôn là bộ phận không thể tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Kiều bào không chỉ là những người con xa xứ mang trong mình tình yêu quê hương, mà còn là nguồn lực quý báu cho sự phát triển của đất nước. Vai trò của Kiều bào được thể hiện đa dạng, từ việc đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm, nguồn vốn, công nghệ cho đến việc quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

Kiều bào được kỳ vọng sẽ tiếp tục là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam với bạn bè quốc tế, góp phần tăng cường hợp tác, hội nhập và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Tổng Bí thư kêu gọi Kiều bào phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, chung sức đồng lòng với đồng bào trong nước để thực hiện khát vọng xây dựng một Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, hùng cường và phồn vinh. Điều này cho thấy sự ghi nhận sâu sắc và kỳ vọng lớn lao của Đảng và Nhà nước đối với những đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Sách nói*

PHÁT HUY TINH THẦN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH”

Việc phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những yếu tố then chốt, là nguồn sức mạnh nội sinh vô giá để Việt Nam vững vàng tiến bước vào "Kỷ nguyên vườn mình". Đây không chỉ là một khẩu hiệu mà là một chiến lược quan trọng, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước, nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Đại đoàn kết là cội nguồn của sức mạnh dân tộc

Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam, với những giá trị, triết lý đạo đức và nhân sinh: “Nhiều điều phủ lấy giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng”, “Lá lành đùm lá rách”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”... Đến thời đại Hồ Chí Minh, xây dựng ý chí và tinh thần đoàn kết được xác định là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Và chính Người đã vạch ra phương châm cho sự thắng lợi tất yếu của cách mạng: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công".

Một trong những di sản vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta chính là tư tưởng, lý luận về xây dựng và phát huy sức mạnh Đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh thần Đại đoàn kết toàn dân tộc trong "Kỷ nguyên vườn mình".

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của nhân dân ta; là vấn đề chiến lược đảm bảo quyết định sự thành công của cách mạng; là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng nước ta. Người từng đúc kết: "Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn." Và Người khuyên dân ta rằng: "Dân ta xin nhớ chữ đồng, đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh." Đây chính là con đường đưa dân ta tới độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Tư tưởng "dân là gốc", "trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân" của Người

đã khẳng định đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải thủ đoạn chính trị nhất thời.

Thấm nhuần sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định xác định nhiệm vụ chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bước vào "Kỷ nguyên vườn mình", giai đoạn mà đất nước hội tụ đầy đủ các yếu tố để bứt phá, hiện thực hóa khát vọng trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI – tinh thần đại đoàn kết này càng trở nên quan trọng và cấp thiết hơn bao giờ hết.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh rõ ràng: "Trong 'Kỷ nguyên vườn mình', khi Việt Nam đối mặt với cả cơ hội và thách thức, sức mạnh của sự đồng thuận, sự chung sức đồng lòng của toàn dân tộc là yếu tố quyết định để vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược."

Cùng chung quan điểm đó, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBTU MTTQVN) Đỗ Văn Chiến cũng khẳng định vững chắc: "Sức mạnh của đất nước được tạo nên từ sự đoàn kết, đồng lòng của toàn thể nhân dân. Đây là tài sản vô giá, là động lực để chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách."

Tại Hội nghị Trung ương 8 (khóa XIII) ngày 8/10/2023, nguyên Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa tái khẳng định: "Từ khi có Đảng, đại đoàn kết toàn dân tộc luôn được xác định là đường lối chiến lược của Đảng; là nguồn sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi thời kỳ." Ông cũng nhấn mạnh rằng nền tảng vững chắc của đại đoàn kết chính là liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo; là mối quan hệ bền chặt, gắn bó máu thịt giữa Đảng và Nhân dân, cùng với niềm tin son sắt của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Với chủ trương, giải pháp đồng bộ, Đảng ta đã phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh toàn dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thực hiện thành công công cuộc đổi mới. Từ một đất nước nghèo, có cơ sở vật chất-kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình.



Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố rất quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ảnh internet.

Đặc biệt, năm 2024, trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động, Việt Nam ghi dấu ấn mạnh mẽ với tăng trưởng GDP ấn tượng 7,09%, vượt các dự báo và trở thành điểm sáng về tăng trưởng trong khu vực; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Đời sống của nhân dân đã được cải thiện đáng kể. Chất lượng cuộc sống

từng bước được nâng cao với sự chăm lo đầu tư phát triển các ngành y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng-an ninh, độc lập, chủ quyền được giữ vững. Vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Đây chính là nền tảng vững chắc để đạt được mục tiêu của "Kỷ nguyên vườn mình" đã được Đại hội XIII của Đảng xác định: "Phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa." Mục tiêu cao cả đó cũng chính là đích đến và điểm hội tụ sức mạnh vô biên của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thể hiện rõ sự hòa quyện sâu sắc giữa ý Đảng và lòng dân.

Có thể thấy rõ, thắng lợi trong đấu tranh giành chính quyền, trong đấu tranh dựng nước, giữ nước và những thành quả trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là những thành tựu của gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước, xét đến cùng đều là kết quả của sự đoàn kết thống nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Nói một cách khác, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng càng được củng cố thì sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được tăng cường. Đảng đoàn kết, dân tộc đại đoàn kết sẽ nhân nguồn sức mạnh nội lực để đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn. Đúng như lời khẳng định của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi Họp báo sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (ngày 3/8/2024): “Không có gì bằng sự đoàn kết, thống nhất. Đoàn kết thống nhất là sức mạnh của chúng ta. Sự đoàn kết từ trong Đảng, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tiếp tục được lan tỏa và phát huy. Đây là truyền thống rất tốt đẹp, là sức mạnh của Đảng, quốc gia, vượt qua được nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi, mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra”.

Giải pháp toàn diện củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết

Củng cố, tăng cường và phát huy sức mạnh vô địch của đại đoàn kết toàn dân là yêu cầu tất yếu khách quan và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu có ý nghĩa quyết định trong "Kỷ nguyên vươn mình". Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng với một số giải pháp toàn diện, đồng bộ, nhất quán:



Tổng Bí thư Tô Lâm, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Thường trực Ban Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Trần Cẩm Tú và các đại biểu với nhân dân phường Quán Thánh.

Thứ nhất, nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính tất yếu khách quan, giá trị, vai trò, vị trí, ý nghĩa, mục tiêu, yêu cầu, nội dung của việc tăng cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đảng ta luôn khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc "là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc."

Thứ hai, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để phát triển, tiếp thu nhanh thành tựu cách mạng khoa học công nghệ, song cũng đối mặt

với những thách thức lớn như nạn tham nhũng, tệ quan liêu, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, cũng như sự chống phá của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng li gián khối đại đoàn kết.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Muốn đoàn kết thì trước hết phải có Đảng cách mạng là hạt nhân để tập hợp quần chúng. Thực tiễn cách mạng nước ta đã chỉ rõ điều kiện tiên quyết là phải có một Đảng cách mạng với tính cách là Bộ tham mưu chiến lược, định ra chủ trương, đường lối đúng. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là cơ sở để củng cố niềm tin của nhân dân, từ đó tăng cường đại đoàn kết. Cùng với đó, cần nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước trong việc đề ra và thực hiện nhất quán các chính sách, cơ chế, thể chế hóa các yêu cầu, nội dung, phương thức tăng cường đại đoàn kết.

Thứ tư, cùng với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy vai trò trong công tác vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, tham gia xây dựng hệ thống chính trị, “củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội”. Mặt trận Tổ quốc đã phát huy vai trò liên minh chính trị rộng lớn nhất, một phương thức, tổ chức tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Trong quá trình đổi mới, Mặt trận đã “lắng nghe nhân dân nói”, tập hợp ý kiến, nguyện vọng, hiến kế của nhân dân để chủ động tham gia đề xuất, xây dựng, phản biện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Cùng với đó, tích cực thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc giải quyết những bức xúc, các kiến nghị, đề nghị chính đáng của nhân dân.

Thứ năm, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển. Cần thực hiện nhất quán, thực chất phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân thụ hưởng và dân kiểm tra giám sát". Giữa các bộ phận của khối đại đoàn kết, bên cạnh những điểm tương đồng còn có những điểm khác nhau cần phải giải quyết theo con đường đối thoại, bàn bạc để đi đến sự nhất trí, thực hiện phương châm "cầu đồng tồn dị" (tìm kiếm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác biệt). Đồng thời, đoàn kết phải gắn với đấu tranh, phê bình và tự phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân, chống các khuynh hướng hẹp hòi hoặc đoàn kết xuôi chiều.

Đoàn kết trong bối cảnh thế giới biến động

Trong bối cảnh một thế giới đầy biến động, với vô vàn thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột và sự phân mảnh địa chính trị, tinh thần đoàn kết không chỉ là sức mạnh nội tại của mỗi quốc gia mà còn là một yêu cầu cấp thiết trên bình diện quốc tế. Các phương tiện báo chí và nhiều diễn đàn quốc tế đã liên tục nhấn mạnh rằng không một quốc gia nào có thể tự mình giải quyết hiệu quả các vấn đề mang tính toàn cầu.

Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định rõ ràng: cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, và chỉ có thể giành thắng lợi hoàn toàn khi có sự đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng toàn cầu. Kế thừa và phát triển tư tưởng đó, trong thời đại ngày nay, để đất nước có thể phát triển vững mạnh, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ quốc tế. Đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế là một yêu cầu tất yếu khách quan, có mối quan hệ biện chứng, tạo tiền đề và đòi hỏi lẫn nhau. Điều này được quy định bởi sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các dân tộc và sự hiện diện đồng đảo của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam.

Phản ánh tầm nhìn này, Thủ tướng Phạm Minh Chính tại các diễn đàn quốc tế gần đây, như Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) Davos, WEF Đại Liên, Hội nghị Thượng đỉnh hành động khí hậu COP28, Diễn đàn Tương lai ASEAN và Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, đã liên tục truyền tải thông điệp mạnh mẽ về sự cần thiết của tinh thần đoàn kết quốc tế, hợp tác đa phương và chung tay giải quyết các thách thức toàn cầu.



Thủ tướng Phạm Minh Chính tại phiên đối thoại đặc biệt ở WEF Davos cùng MC Gillian Tett hôm 21/1. Ảnh: WEF

Đặc biệt, tại WEF Đại Liên 2024, Thủ tướng đã nhấn mạnh thông điệp về "3 cùng": Cùng lắng nghe và thấu hiểu; cùng chia sẻ tầm nhìn và hành động; cùng làm, cùng hưởng, cùng thắng và cùng phát triển, với tinh thần lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ. Đây là lời kêu gọi mạnh mẽ về tinh thần đoàn kết và hợp tác vì lợi ích chung trong phát triển kinh tế toàn cầu.

Thủ tướng cũng thường xuyên khẳng định cam kết kiên định của Việt Nam trong việc thúc đẩy chủ nghĩa đa phương và thượng tôn pháp

luật quốc tế, coi đó là nền tảng vững chắc để xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển thịnh vượng. Các phân tích quốc tế cũng đã chỉ ra rằng, trong một trật tự thế giới ngày càng phân mảnh, năng lực thích ứng và đoàn kết nội khối (cũng như đoàn kết quốc tế) là yếu tố then chốt, quyết định vị thế của các quốc gia và tổ chức trên trường quốc tế.

Hiểu rõ vai trò, vị trí và sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam, nên trong suốt chiều dài lịch sử và cho đến hiện tại, các thế lực thù địch đã không ngừng thực hiện nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc. Do đó, để củng cố, tăng cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong "Kỷ nguyên vươn mình", song hành với các giải pháp xây dựng, chúng ta cần đấu tranh phòng chống sự phá hoại của các thế lực thù địch một cách thường xuyên, kiên quyết và hiệu quả. Cuộc đấu tranh này phải được tiến hành chủ động, kiên quyết, kiên trì bằng tất cả các lực lượng và phương tiện, bởi đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức, mỗi lực lượng đều cần luôn nêu cao cảnh giác và có biện pháp đấu tranh ngăn chặn, loại bỏ những nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến đại đoàn kết toàn dân.

Trong những năm qua, với nỗ lực chung của cả hệ thống chính trị và việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc bằng những phương thức phù hợp, quyền làm chủ của nhân dân đã được phát huy cao độ. Điều này đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đặc biệt, đoàn kết trong Đảng đã thực sự trở thành hạt nhân và cơ sở vững chắc để xây dựng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra sức mạnh "muôn người Việt Nam như một". Sự đồng thuận cao giữa các lực lượng, cùng với sự đoàn kết của mọi người dân Việt Nam trên toàn thế giới, đã góp phần to lớn phát huy sức mạnh dân tộc, kết nối với các dân tộc, quốc gia khác, khơi dậy những tiềm lực to lớn phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tóm lại, các giải pháp nêu trên hình thành một hệ thống thống nhất, toàn diện, có mối quan hệ biện chứng, đòi hỏi và tạo tiền đề cho nhau. Chúng cần được nhận thức đầy đủ, sâu sắc và thực hiện nhất quán, đúng thực chất bởi cả hệ thống chính trị, trong từng tổ chức và từng người dân. Có như vậy, đại đoàn kết toàn dân mới có thể được thường xuyên củng cố, tăng cường và phát huy hết sức mạnh, thực hiện thành công mục tiêu mà Đảng ta đã xác định trong "Kỷ nguyên vươn mình" của dân tộc Việt Nam.

Phát biểu tại Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam khóa X diễn ra tháng 10 năm 2024 và nhiều Hội nghị có liên quan, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định vai trò cốt lõi của tinh thần Đại đoàn kết toàn dân tộc trong "Kỷ nguyên vươn mình" của đất nước. Ông khẳng định đây là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đặt ra mục tiêu phát triển cao hơn và đối mặt nhiều thách thức.

Theo Tổng Bí thư, phát huy đại đoàn kết đòi hỏi phải củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, lấy Nhân dân làm trung tâm. Cần huy động tối đa trí tuệ và sức mạnh của mọi tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam trong và ngoài nước, cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ông cũng nhấn mạnh việc phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội để tạo đồng thuận cao. Đặc biệt, trong kỷ nguyên mới, tinh thần đại đoàn kết phải được thể hiện qua ý chí tự cường, tự chủ, khát vọng vươn lên, biến tiềm năng thành sức mạnh thực chất, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Chỉ khi phát huy cao độ tinh thần này, Việt Nam mới vượt qua mọi khó khăn và hiện thực hóa khát vọng dân tộc./.



Sách nói

VIỆT NAM KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH: NHẬN ĐỊNH VÀ CON SỐ TỪ CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành một điểm sáng nổi bật trên bản đồ kinh tế và chính trị toàn cầu. Từ một quốc gia từng trải qua nhiều biến cố, Việt Nam đã thực hiện những bước chuyển mình ấn tượng, đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Cộng đồng quốc tế, thông qua các báo cáo và dự báo của mình, đã liên tục ghi nhận và đánh giá cao "kỷ nguyên vươn mình" đầy ấn tượng này của dân tộc Việt Nam.



Việt Nam khát vọng vươn mình: Nhận định và con số từ cộng đồng Quốc tế

Tăng trưởng vững chắc và thu hút FDI

Các tổ chức tài chính quốc tế hàng đầu đang thể hiện sự lạc quan rõ rệt về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 và 2025, nhất trí rằng quốc gia này sẽ duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ. Những đánh giá này được củng cố bởi các số liệu cụ thể và dự báo tích cực.

Ngân hàng Thế giới (WB) thường xuyên nhấn mạnh triển vọng tăng trưởng tích cực của Việt Nam, dự báo GDP đạt khoảng 6,0 - 6,5% vào năm 2024. WB điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam xuống còn 5,8% cho năm 2025 và 6,1% cho năm 2026, do rào cản thương mại gia tăng, triển vọng kinh tế toàn cầu suy yếu và niềm tin tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu giảm sút.

Đáng chú ý, WB cũng ghi nhận mức nợ công của Việt Nam được duy trì ở mức thấp và ổn định, phản ánh sự vững chắc trong quản lý tài chính vĩ mô. Sự phục hồi mạnh mẽ của xuất khẩu, sản xuất, du lịch, cùng với tiêu dùng và đầu tư kinh doanh trong nước là những yếu tố chính củng cố niềm tin này.

Tương tự, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) liên tục xếp Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới. IMF đánh giá cao khả năng phục hồi và thích ứng của nền kinh tế Việt Nam trước những biến động toàn cầu, với dự báo tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,0 - 6,3% vào năm 2024. IMF đưa ra mức dự báo thấp nhất là 5,4% năm 2025 và 4% năm 2026, cho rằng khu vực châu Á, đặc biệt ASEAN, chịu tác động đáng kể từ chính sách thuế quan mới của Mỹ, dù vẫn có cơ hội tái cơ cấu chuỗi cung ứng.

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng không ngừng khẳng định kinh tế Việt Nam vẫn giữ vững đà tăng trưởng mạnh mẽ, bất chấp những bất ổn của môi trường bên ngoài. ADB dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 6,4 - 6,7% vào năm 2024. ADB với dự báo đưa ra trước khi Mỹ công bố thuế quan mới, dự kiến GDP Việt Nam năm 2025 tăng 6,6%

và đạt 6,5% vào năm 2026 qua đó đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế dẫn đầu về tăng trưởng ở Đông Nam Á.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 7,1% vào năm 2024, nhưng sẽ chậm lại còn 6,2% vào năm 2025 và 6% vào năm 2026. OECD cảnh báo Việt Nam dễ bị tổn thương trước biến động bên ngoài do là nền kinh tế định hướng xuất khẩu, và các mức thuế mới từ Mỹ có thể làm giảm đáng kể triển vọng thương mại, ước tính thuế suất hiệu quả tăng 3 điểm phần trăm. Về dài hạn, OECD nhấn mạnh nâng cao năng suất lao động là chìa khóa để Việt Nam đạt mục tiêu thu nhập cao vào năm 2045.

Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 từ 6% lên 6,9%, sau khi GDP quý II/2025 tăng mạnh 7,96% (đạt 7,52% cho 6 tháng đầu năm), vượt kỳ vọng của nhiều tổ chức. Động lực chính đến từ xuất khẩu tăng tốc trước thời điểm Mỹ áp thuế. Dù dự báo xuất khẩu năm 2025 sẽ tăng vừa phải hơn (tổng 8,5%, với Mỹ là 5%), UOB cho rằng "giai đoạn căng thẳng nhất đã qua" sau đàm phán thương mại thuận lợi với Mỹ. UOB cũng dự báo FDI giải ngân cả năm đạt khoảng 20 tỷ USD.

Còn theo Văn phòng Nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN + 3 (AMRO) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam ở mức 6,5% cho năm 2025 và 6,2% năm 2026, nhưng lưu ý triển vọng khu vực phụ thuộc nhiều vào chính sách thương mại của Mỹ.

Đặc biệt, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng, khẳng định Việt Nam là "thỏi nam châm" hút vốn toàn cầu. Trong năm 2024, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt khoảng 38,23 tỷ USD, tăng 3% so với năm 2023. Đáng chú ý hơn, vốn FDI thực hiện (giải ngân) đã đạt mức kỷ lục khoảng 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, cho thấy sự chuyển đổi mạnh mẽ từ cam kết sang triển khai thực tế. Dòng vốn này được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng

manh mẽ trong năm 2025, đặc biệt chảy vào các ngành công nghệ cao, năng lượng tái tạo và sản xuất chất bán dẫn.



Việt Nam vững bước tiến vào Kỷ nguyên vườn mình, thịnh vượng của dân tộc.

Kết quả, trong 6 tháng đầu năm 2025, Việt Nam đã ghi nhận một dấu mốc quan trọng trong hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khi tổng vốn đầu tư đạt 21,51 tỉ USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức cao nhất kể từ năm 2009, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ và xu hướng tích cực của Việt Nam trong việc giữ chân và hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài với bối cảnh cạnh tranh khu vực đang ngày càng khốc liệt.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 11,72 tỉ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng trong 5 năm qua. Con số không chỉ ấn tượng về mặt thống kê, mà còn phản ánh chuyển biến chất lượng và hiệu quả trong môi trường đầu tư Việt Nam.

Kết quả vốn đầu tư FDI 6 tháng đầu năm 2025 đã phản ánh những chuyển biến tích cực về chính sách, năng lực nội tại và niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với môi trường đầu tư tại Việt Nam. Một trong những yếu tố quan trọng được cộng đồng đầu tư quốc tế đánh giá cao là Việt Nam đang cải cách mạnh mẽ thể chế, luật pháp và hành chính nhằm tạo một sân chơi công bằng, minh bạch. Nỗ lực trong việc đơn giản hóa thủ tục đầu tư, rút ngắn thời gian cấp phép tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài.

Về thương mại và xuất nhập khẩu, vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng được củng cố. Năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt khoảng 786,29 tỷ USD, tăng đáng kể 15,4% so với năm 2023. Trong đó, xuất khẩu tăng 14,3% và nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại tiếp tục duy trì trạng thái xuất siêu ở mức cao, đạt khoảng 24,77 tỷ USD trong năm 2024, với Hoa Kỳ là thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất, đạt kim ngạch song phương 119,6 tỷ USD.

Theo số liệu được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố sáng 5/7/2025, trong tháng 6/2025, kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 76,15 tỷ USD, giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 432,03 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,4%; nhập khẩu tăng 17,9% . Cụ thể, về xuất khẩu, trong tháng 6/2025 đạt 39,49 tỷ USD, giảm 0,3% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,64 tỷ USD, tăng 0,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 30,85 tỷ USD, giảm 0,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2025 tăng 16,3%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 5,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 24,4%.

Nhìn chung, các báo cáo và dự báo từ những tổ chức tài chính hàng đầu thế giới đều nhất quán trong việc khẳng định tiềm năng và sức bật của kinh tế Việt Nam, định vị quốc gia này là một điểm sáng nổi bật trên bản đồ kinh tế toàn cầu.

Nâng cao vị thế Quốc tế

Không chỉ nổi bật về thành tựu kinh tế, vị thế đối ngoại của Việt Nam cũng ngày càng được củng cố và nâng cao, thể hiện rõ qua sự tham gia tích cực và vai trò ngày càng tăng trong các diễn đàn đa phương. Đây là minh chứng cho một Việt Nam chủ động, tự tin và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Một trong những dấu mốc quan trọng nhất là việc Việt Nam và Hoa Kỳ nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào năm 2023. Sự kiện này mở ra một kỷ nguyên hợp tác sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, từ kinh tế, thương mại đến an ninh, khoa học công nghệ, khẳng định sự tin cậy chiến lược giữa hai quốc gia.



Việt Nam cũng liên tục ghi dấu ấn tại các tổ chức quốc tế hàng đầu. Việt Nam đã được bầu vào Hội đồng Chấp hành UN Women nhiệm kỳ 2025-2027 bởi Hội đồng Kinh tế-Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC), cho thấy sự công nhận của quốc tế đối với nỗ lực và cam kết của Việt Nam trong việc thúc đẩy bình đẳng giới. Đặc biệt, Việt Nam đã thành công tái đắc cử thành viên Ủy ban Luật Thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL) nhiệm kỳ 2025-2031 với số phiếu ủng hộ rất cao (175/183), khẳng định vai trò quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn là thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025, thể hiện trách nhiệm và đóng góp vào các vấn đề nhân quyền toàn cầu.

Mạng lưới đối tác của Việt Nam cũng không ngừng được mở rộng và đa dạng hóa. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia trên thế giới. Điều này được hỗ trợ bởi một mạng lưới đối tác chiến lược và đối tác toàn diện rộng lớn, bao gồm 30 đối tác, trong đó có tất cả các nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và toàn bộ các nước G7. Sự mở rộng quan hệ này giúp Việt Nam tăng cường hợp tác, đa dạng hóa thị trường và nâng cao tiếng nói trên trường quốc tế.

Đánh giá về tầm vóc và vị thế Quốc tế của Việt Nam, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc António Guterres cho rằng sự tham gia đóng góp tích cực của Việt Nam tại các cơ quan quan trọng, cũng như trên tất cả các lĩnh vực hoạt động ưu tiên của Liên Hợp Quốc, nhất là về gìn giữ hòa bình, thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), ứng phó biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng.

Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc đánh giá, ở thời điểm mới gia nhập LHQ, Việt Nam đang đối mặt với các vấn đề đói nghèo. Còn ở thời điểm hiện tại, Việt Nam được biết tới như một nền kinh tế đầy năng động. Vị thế của Việt Nam ngày càng được đề cao và tiếng nói của Việt Nam ngày càng được coi trọng tại LHQ. Việt Nam ngày càng tham gia tích cực vào

lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ. Nên nhớ, hoạt động gìn giữ hòa bình là những hoạt động quan trọng nhất của LHQ. Việt Nam là một trong những nước nghiêm túc thực hiện các mục tiêu phát triển của LHQ, nhất là các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Để thực hiện các mục tiêu này không hề dễ dàng với nhiều nước trên thế giới. Việt Nam là một ví dụ điển hình về việc phát triển kinh tế nhưng vẫn quan tâm tới phát triển bền vững. Bởi vì Việt Nam cũng là một nước chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. Chính vì vậy, Việt Nam có thể trở thành một hình mẫu phát triển kinh tế nhưng vẫn quan tâm đến môi trường.



Có thể thấy, những bước tiến vượt bậc trong quan hệ đối ngoại, cùng với sự hiện diện ngày càng sâu rộng và tích cực tại các diễn đàn quốc tế, đã khẳng định vững chắc vị thế của Việt Nam như một thành viên có trách nhiệm và ảnh hưởng trong cộng đồng toàn cầu, đóng góp thiết thực vào hòa bình và phát triển chung.

Tự tin bước vào kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu đầy biến động, tạp chí The Diplomat đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về "câu chuyện chiến lược"

độc đáo của Việt Nam, nhấn mạnh nỗ lực tích cực của quốc gia này nhằm thích ứng nhanh chóng và tự tin tiến vào "kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc".

The Diplomat chỉ ra rằng, câu chuyện về Việt Nam có nguồn gốc sâu xa từ lịch sử đấu tranh kiên cường giành độc lập và thống nhất đất nước. Từ một quốc gia đã anh dũng vượt qua hàng thế kỷ dưới ách thống trị ngoại bang và trải qua nhiều cuộc kháng chiến cam go, Việt Nam đã vươn mình trở thành một quốc gia năng động và phát triển nhanh chóng ngày nay.

Một điểm nổi bật trong câu chuyện này là chính sách ngoại giao mạch lạc và nhất quán. Kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, Việt Nam đã kiên định với chủ trương “thêm bạn, bớt thù”, thành công biến những mối quan hệ từng đầy thách thức thành các đối tác mang tính xây dựng. Minh chứng rõ nét là việc Việt Nam đã nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện, mức độ cao nhất trong ngoại giao, với nhiều cường quốc như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Úc...



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu tại Phiên thảo luận chung cấp cao Đại hội đồng Liên hợp quốc Khóa 79. Ảnh: Lâm Khánh/TTXVN

The Diplomat cũng nhấn mạnh tinh thần lạc quan bền bỉ là một đặc điểm cốt lõi trong câu chuyện chiến lược của Việt Nam. Dù đối mặt với các cuộc xung đột và chủ nghĩa dân tộc gia tăng gần đây, Việt Nam vẫn giữ vững quan điểm “hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn trên thế giới” được thể hiện trong các nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh niềm tin vững chắc vào quỹ đạo tích cực chung của các vấn đề quốc tế.

Đề phù hợp với "kỷ nguyên mới", Việt Nam đang thực hiện những điều chỉnh "tinh tế" trong câu chuyện chiến lược của mình. Điều này được thể hiện rõ qua các hoạt động ngoại giao và phát biểu của lãnh đạo cấp cao.

Đặc biệt, tại Đại học Columbia trong chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 2024, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã khẳng định Việt Nam đang ở “một điểm khởi đầu lịch sử mới, một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam”.

Tương tự, trong bài phát biểu tại khóa họp thứ 79 Đại hội đồng Liên hợp quốc cũng vào tháng 9 năm 2024, The Diplomat nhận thấy Việt Nam ngày càng tự tin và hiểu biết sâu sắc về bối cảnh quốc tế, thể hiện sự sẵn sàng thích ứng với tình hình địa chính trị toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng. Tại diễn đàn toàn cầu này, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã thẳng thắn chỉ ra môi trường quốc tế phức tạp và nguy hiểm, với chủ nghĩa dân tộc vị kỷ gia tăng, không gian sinh tồn và phát triển bị thu hẹp, cùng sự gia tăng của các thách thức an ninh phi truyền thống.

Một yếu tố then chốt khác trong chiến lược phát triển của Việt Nam là việc đề cao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như những động lực chính để hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045. The Diplomat lưu ý rằng, nhận thức được "cơ hội vàng" để thoát khỏi "bẫy thu nhập trung bình" chỉ còn trong 10-15 năm nữa, Tổng Bí thư Tô Lâm liên tục nhấn

mạnh vai trò của tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc đạt được tăng trưởng bền vững và nâng cao mức sống. Sự tập trung vào các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), phản ánh mong muốn của Việt Nam tận dụng đổi mới sáng tạo để đẩy nhanh quá trình phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh toàn cầu.



Là khách mời chính của Diễn đàn Kinh tế và Tài chính xanh, Thủ tướng Phạm Minh Chính có bài phát biểu quan trọng tại phiên toàn thể về bảo đảm quản trị và tài chính đại dương bền vững - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

The Diplomat kết luận rằng, bằng cách đề cao độc lập, chủ nghĩa đa phương và đổi mới công nghệ, Việt Nam có thể nâng cao "sức mạnh mềm" và ảnh hưởng trên các diễn đàn quốc tế, định vị mình như một đối tác có trách nhiệm trong cộng đồng toàn cầu. "Câu chuyện chiến lược" đang phát triển của Việt Nam đại diện cho một phản ứng sâu sắc và cân bằng trước một thế giới đang thay đổi, mang đến tầm nhìn về một Việt Nam vừa là nước thụ hưởng, vừa là nước có đóng góp cho hợp tác quốc tế. "Khi câu chuyện chiến lược này tiếp tục phát triển và thể hiện trong các quyết định chính sách, Việt Nam sẽ có tiềm năng định hình lại vị thế

và ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế", The Diplomat nhấn mạnh, thể hiện niềm tin vào tương lai của Việt Nam.

Thách thức và triển vọng

Dù đã gặt hái nhiều thành công nổi bật, hành trình "vươn mình" của Việt Nam vẫn còn những thách thức cần vượt qua để duy trì đà phát triển bền vững. Các tổ chức quốc tế liên tục chỉ ra những lĩnh vực mà Việt Nam cần tập trung cải thiện. Đầu tiên, việc nâng cao năng suất lao động là yếu tố then chốt để chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa vào số lượng sang chất lượng. Kế đến, quản lý hiệu quả áp lực lạm phát sẽ đảm bảo sự ổn định vĩ mô, bảo vệ sức mua của người dân và tạo môi trường đầu tư hấp dẫn.

Bên cạnh đó, việc tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính là cần thiết để tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi và minh bạch hơn, khuyến khích cả đầu tư trong nước lẫn nước ngoài. Cuối cùng, đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là năng lượng xanh, không chỉ giải quyết nhu cầu phát triển mà còn là bước đi chiến lược nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Tóm lại, những số liệu và nhận định từ các tổ chức quốc tế uy tín trong năm 2024, cùng với các dự báo cho năm 2025 và đặc biệt là phân tích sâu sắc từ The Diplomat, đều khẳng định một điều: Việt Nam đang trong một "kỷ nguyên vươn mình" mạnh mẽ. Điều này không chỉ thể hiện qua những con số ấn tượng về kinh tế mà còn qua việc nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế, góp phần tích cực vào hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới. Việc chủ động đối mặt và giải quyết các thách thức sẽ giúp Việt Nam củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai./.

MỤC LỤC

<i>Nội dung</i>	<i>Trang</i>
• <i>Lời nói đầu.....</i>	<i>09</i>
• <i>Thông điệp về “Việt Nam khát vọng vươn mình” của Tổng Bí thư Tô Lâm</i>	<i>12</i>
• <i>Bản sắc dân tộc và di sản tinh thần yêu nước của người Việt</i>	<i>16</i>
• <i>Từ bóng đêm nô lệ đến bình minh độc lập!</i>	<i>26</i>
• <i>Chủ tịch Hồ Chí Minh với 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)</i>	<i>43</i>
• <i>Chủ tịch Hồ Chí Minh linh hồn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)</i>	<i>59</i>
• <i>Thập kỷ thử thách, bản lĩnh và bước ngoặt “Đổi mới” (1976 - 1986)..</i>	<i>85</i>
• <i>Việt Nam hành trình đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững (1986 - đến nay)</i>	<i>94</i>
• <i>Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Cơ hội và thách thức!</i>	<i>111</i>
• <i>Việt Nam 2045: Tầm nhìn và khát vọng dân tộc trong thế kỷ XXI</i>	<i>127</i>
• <i>Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Khởi xướng tầm nhìn và khát vọng “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”</i>	<i>139</i>
• <i>Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam</i>	<i>146</i>
• <i>Tương lai cho thế hệ vươn mình</i>	<i>156</i>

- *Vươn mình trong hội nhập quốc tế168*
- *Tổng Bí thư Tô Lâm: Quyết định “sắp xếp lại giang sơn” là bước đi lịch sử178*
- *Nghị quyết 57: Đòn bẫy đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo182*
- *Nghị quyết 59: Động lực cho hội nhập quốc tế trong "Kỷ nguyên vươn mình"190*
- *Nghị quyết 66: Cải cách pháp luật để kiến tạo "Kỷ nguyên vươn mình"205*
- *Nghị quyết 68: Mở đường cho giai đoạn phát triển mới của kinh tế tư nhân214*
- *Kiểm bào đồng hành cùng dân tộc trong “Kỷ nguyên vươn mình” ..227*
- *Phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc trong “Kỷ nguyên vươn mình”237*
- *Việt Nam khát vọng vươn mình: Nhận định và con số từ cộng đồng Quốc tế248*

*Chúng tôi chân thành cảm ơn Quý cơ quan
và đồng nghiệp đã hỗ trợ những tư liệu, hình ảnh minh họa
được sử dụng trong cuốn sách*



Đọc thêm những bài viết cùng chủ đề của Nhà báo Vương Xuân Nguyên

VIỆT NAM KHÁT VỌNG VƯỜN MÌNH

VƯỜN XUÂN NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập viên: Nguyễn Bích Ngọc

Vẽ bìa: Nguyễn Cao Cường

Sửa bản in: Nguyễn Thị Hương Giang

Trình bày sách: Nguyễn Cao Cường

Liên kết xuất bản: Viện Kinh tế, Văn hóa và Nghệ thuật

In 500 cuốn, khổ 16,5 x 23,5cm tại Công ty Cổ phần in Hòa Phát, địa chỉ: Lô DM 7-5 Điểm thủ công nghiệp Làng nghề Dệt lụa Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 2735-2025/CXBIPH/12-138/DT. Quyết định xuất bản số: 3858/QĐXB-NXBDT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 25 tháng 9 năm 2025. Mã ISBN: 978-632-00-0421-8. In xong nộp lưu chiểu năm 2025.



ISBN: 978-632-00-0421-8



9 786320 004218